

Cariny®
Inspire your home

CATALOGUE 2019-2020

Cariny®
Inspire your home

CARINY FURNITURE HARDWARES (VIETNAM) là đơn vị chuyên nhập khẩu và cung cấp các loại phụ kiện hoàn thiện nội ngoại thất với thương hiệu CARINY chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn EU, USA... được kiểm định bởi Tập đoàn SGS- Thụy Sĩ, Đức sản phẩm phụ kiện Cariny bao gồm nhiều chủng loại phong phú, đa dạng và đặc biệt giá cả rất cạnh tranh so với các hãng khác trên thị trường.

Với thế mạnh về thiết kế mẫu mã & ứng dụng công nghệ mới, các sản phẩm của Cariny thường xuyên được cải tiến, nâng cấp chất lượng nhằm mang lại sự hiện đại trong ngôi nhà bạn, đặc biệt là căn bếp & phòng ngủ...

Công ty là nhà phân phối của các hãng sản xuất từ Châu Âu như : phụ kiện tủ bếp Inoxa (Italia), thùng đựng rác Elletipi (Italia), phụ kiện hoàn thiện đồ gỗ Italiana Ferramenta (Italia); Hệ ray cửa trượt và cửa gập Thụy Sĩ Hawa, ray bàn mở rộng Atim (Italia), Hệ liên kết thùng tủ Lamello (Thụy sĩ); Tay nắm Schwinn (Đức); Hệ tay nâng cánh tủ Samet (Thổ Nhĩ Kỳ); Hệ đèn LED nội thất Domusline (Italia); Thiết bị nhà bếp Haller (OEM)...

Công ty chúng tôi rất hân hạnh được phục vụ Quý khách và sẵn sàng hợp tác với mọi doanh nghiệp trên địa bàn cả nước để phát triển hệ thống phân phối & tiêu thụ sản phẩm.



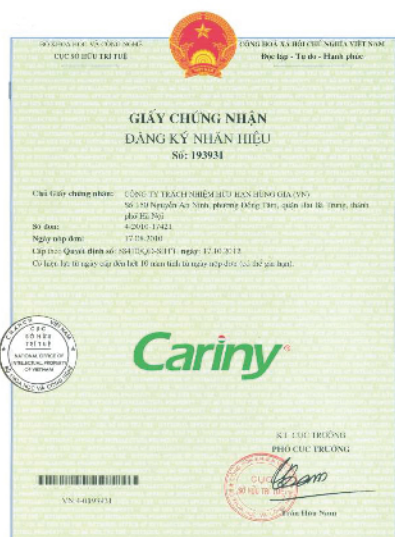
CARINY FURNITURE HARDWARES VIET NAM



Robot tự động hóa

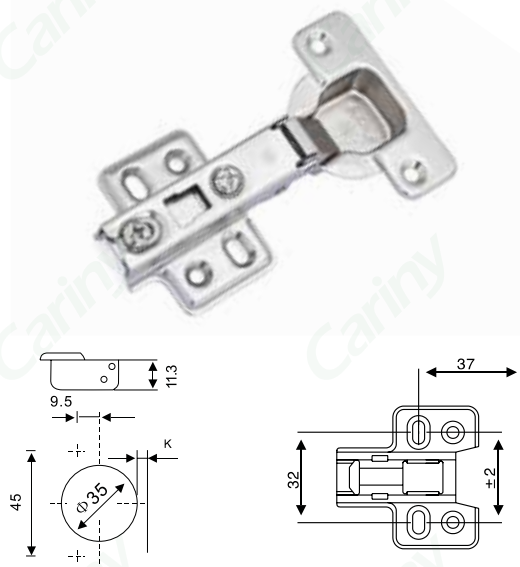


Dây chuyền sản xuất phụ kiện hoàn thiện...





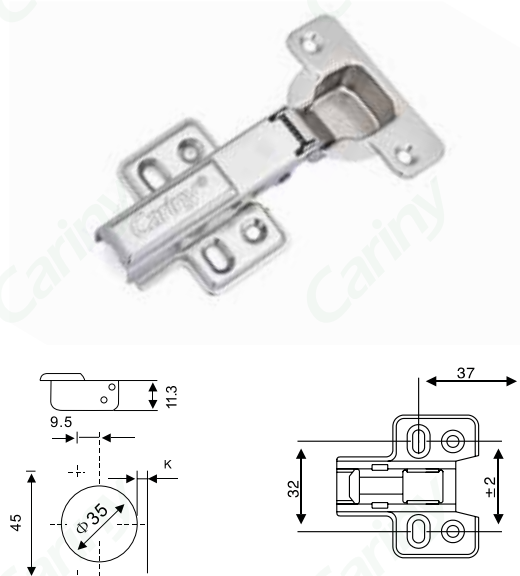
Bản Lề Cánh Tủ Cabinet Hinges



STERO SERIES - Bản lề không giảm chấn

- Mã sản phẩm **C12-A/B/C**
- Tên sản phẩm **Bản lề thép (2 chiều), tháo lắp thường, không giảm chấn**
- Góc mở **95°**
- Độ dày cửa **14mm-22mm**
- Kích thước khoét lỗ **Ø 35**
- Khoảng cách lỗ vít **32 mm**
- Quy cách đóng gói **200c/thùng**

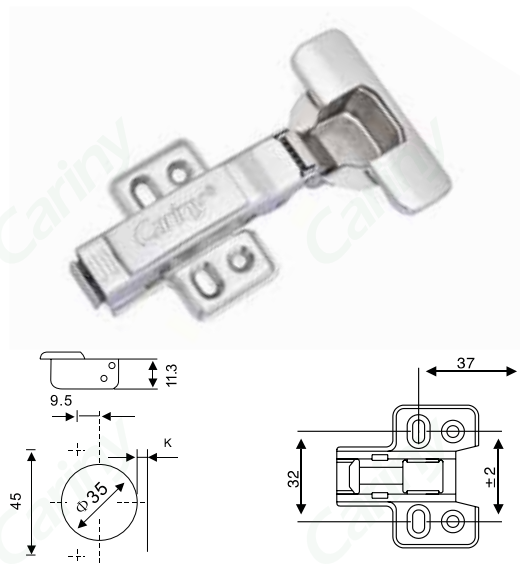
Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
STERO C12-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	8.800 (vnd)
STERO C12-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	8.800 (vnd)
STERO C12-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	8.800 (vnd)



ECLIP SERIES - Bản lề giảm chấn

- Mã sản phẩm **C14-A/B/C**
- Tên sản phẩm **Bản lề thép mạ Nikel, tháo lắp nhanh, giảm chấn thủy lực**
- Góc mở **105°**
- Độ dày cửa **14mm-22mm**
- Kích thước khoét lỗ **Ø 35**
- Khoảng cách lỗ vít **32 mm**
- Quy cách đóng gói **100c/thùng**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ECLIP C14-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	22.000 (vnd)
ECLIP C14-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	22.000 (vnd)
ECLIP C14-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	22.000 (vnd)

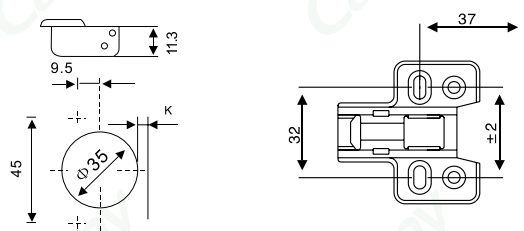


ECLIP SERIES - Bản lề giảm chấn

- Mã sản phẩm **C15-A/B/C**
- Tên sản phẩm **Bản lề thép mạ Nikel, tháo lắp nhanh, giảm chấn thủy lực**
- Góc mở **105°**
- Độ dày cửa **14mm-22mm**
- Kích thước khoét lỗ **Ø 35**
- Khoảng cách lỗ vít **32 mm**
- Quy cách đóng gói **100c/thùng**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ECLIP C15-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	24.200 (vnd)
ECLIP C15-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	24.200 (vnd)
ECLIP C15-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	24.200 (vnd)

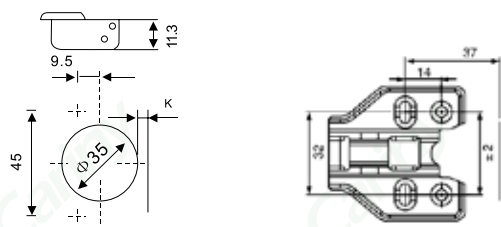
Bản Lề Cánh Tủ/ Cabinet Hinges



ECLIP SERIES - Bản lề giảm chấn

- Mã sản phẩm **C16-A/B/C**
- Tên sản phẩm **Bản lề 2 chiều thép mạ Nikel, tháo lắp nhanh, giảm chấn thủy lực**
- Góc mở **105°**
- Độ dày cửa **14mm-22mm**
- Kích thước khoét lỗ **Ø 35**
- Khoảng cách lỗ vít **32 mm**
- Quy cách đóng gói **100c/thùng**

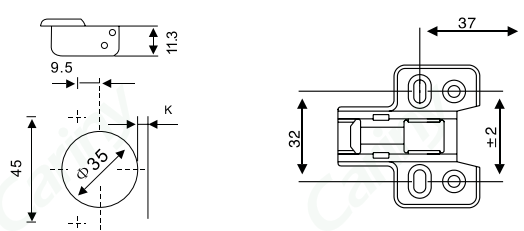
Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ECLIP C16-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	27.500 (vnd)
ECLIP C16-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	27.500 (vnd)
ECLIP C16-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	27.500 (vnd)



ECLIP SERIES - Bản lề giảm chấn

- Mã sản phẩm **C25-A/B/C**
- Tên sản phẩm **Bản lề thép mạ Nikel, tháo lắp nhanh, giảm chấn thủy lực**
- Góc mở **105°**
- Độ dày cửa **14mm-22mm**
- Kích thước khoét lỗ **Ø 35**
- Khoảng cách lỗ vít **32 mm**
- Quy cách đóng gói **100c/thùng**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ECLIP C25-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	25.300 (vnd)
ECLIP C25-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	25.300 (vnd)
ECLIP C25-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	25.300 (vnd)

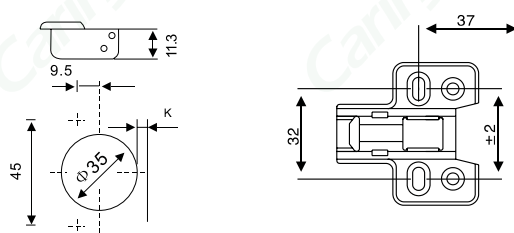


ECLIP SERIES - Bản lề giảm chấn

- Mã sản phẩm **DR14-A/B/C**
- Tên sản phẩm **Bản lề thép giả cổ đồng đỏ, tháo lắp thường, giảm chấn thủy lực**
- Góc mở **105°**
- Độ dày cửa **14mm-22mm**
- Kích thước khoét lỗ **Ø 35**
- Khoảng cách lỗ vít **32 mm**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ECLIP DR14-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	33.000 (vnd)
ECLIP DR14-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	33.000 (vnd)
ECLIP DR14-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	33.000 (vnd)

Bản Lề Cánh Tủ/ Cabinet Hinges



INOXA SERIES - Bản lề Inox giảm chấn

- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm

- Góc mở
- Độ dày cửa
- Kích thước khoét lỗ
- Khoảng cách lỗ vít
- Quy cách đóng gói

S33-A/B/C

Bản lề Inox 201, tháo lắp nhanh, giảm chấn pittong đồng

110°

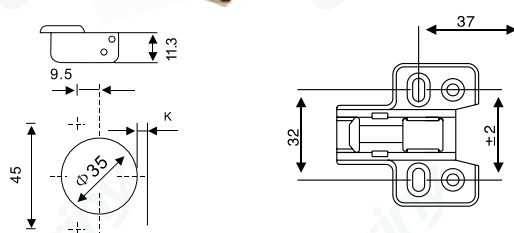
14mm-22mm

Ø 35

32 mm

100c/thùng

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
INOXA S33-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	38.500 (vnd)
INOXA S33-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	38.500 (vnd)
INOXA S33-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	38.500 (vnd)



INOXA SERIES - Bản lề Inox giảm chấn

- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm

- Góc mở
- Độ dày cửa
- Kích thước khoét lỗ
- Khoảng cách lỗ vít
- Quy cách đóng gói

S35-A/B/C

Bản lề Inox 304, tháo lắp nhanh, giảm chấn pittong đồng

110°

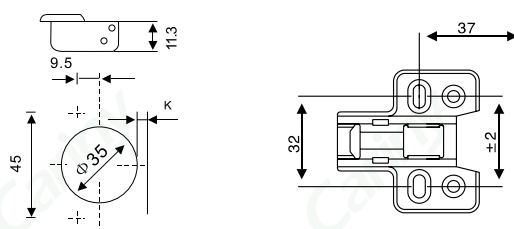
14mm-22mm

Ø 35

32 mm

100c/thùng

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
INOXA S35-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	49.500 (vnd)
INOXA S35-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	49.500 (vnd)
INOXA S35-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	49.500 (vnd)



INOXA SERIES - Bản lề Inox giảm chấn

- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm

- Góc mở
- Độ dày cửa
- Kích thước khoét lỗ
- Khoảng cách lỗ vít
- Quy cách đóng gói

S36-A/B/C

Bản lề 2 chiều, Inox 304, tháo lắp nhanh, giảm chấn pittong đồng

110°

14mm-22mm

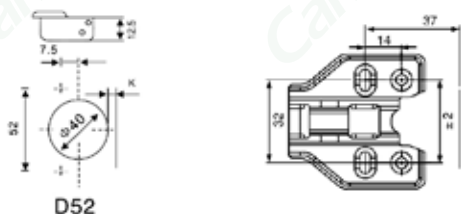
Ø 35

32 mm

100c/thùng

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
INOXA S36-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	55.000 (vnd)
INOXA S36-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	55.000 (vnd)
INOXA S36-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	55.000 (vnd)

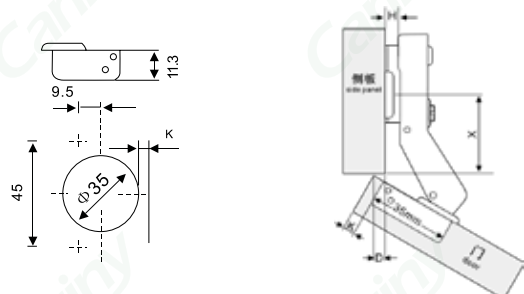
Bản Lề Đặc Biệt/Special Hinges



ECLIP SERIES - Bản lề giảm chấn

- Mã sản phẩm **C425-A/B/C**
- Tên sản phẩm **Bản lề thép mạ Nikel, tháo lắp nhanh, giảm chấn thủy lực**
- Góc mở **110°**
- Độ dày cửa **22-30 mm**
- Kích thước khoét lỗ **Ø 40**
- Khoảng cách lỗ vít **32 mm**

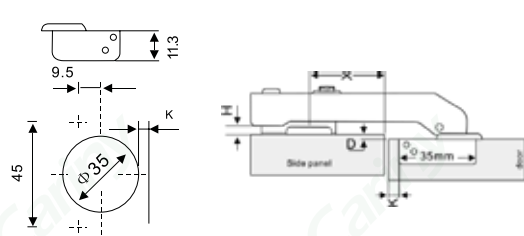
Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ECLIP C425-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	44.000 (vnd)
ECLIP C425-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	44.000 (vnd)
ECLIP C425-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	44.000 (vnd)



ANGLA SERIES - Bản lề tủ góc

- Mã sản phẩm **C45**
- Tên sản phẩm **Bản lề thép mạ Nikel, dùng cho cánh tủ góc, tháo lắp nhanh, không giảm chấn**
- Góc mở **45°**
- Độ dày cửa **14 mm-22 mm**
- Kích thước khoét lỗ **Ø 35**
- Khoảng cách lỗ vít **32 mm**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ANGLA C45	Bản lề thép mạ dùng cho cánh tủ góc.	Chiếc	44.000 (vnd)



ANGLA SERIES - Bản lề tủ góc

- Mã sản phẩm **C90**
- Tên sản phẩm **Bản lề thép mạ Nikel, dùng cho cánh tủ góc, tháo lắp nhanh, không giảm chấn**
- Góc mở **90°**
- Độ dày cửa **14 mm-22 mm**
- Kích thước khoét lỗ **Ø 35**
- Khoảng cách lỗ vít **32 mm**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ANGLA C90	Bản lề thép mạ dùng cho cánh tủ góc	Chiếc	44.000 (vnd)

**ANGLA SERIES - Bản lề tủ góc**

- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm

C115

**Bản lề thép mạ Nikel, dùng cho cánh tủ góc,
mở 2 cánh cùng một lúc, tháo lắp nhanh,
không gỉ ẩm mốc**

- Góc mở **115°**
- Độ dày cửa **14 mm-22 mm**
- Kích thước khoét lỗ **Ø 35**
- Khoảng cách lỗ vít **32 mm**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ANGLA C115	Bản lề thép mạ dùng cho cánh tủ góc, mở 2 cánh cùng lúc	Chiếc	44.000 (vnd)



ANGLA SERIES - Bản lề tủ góc

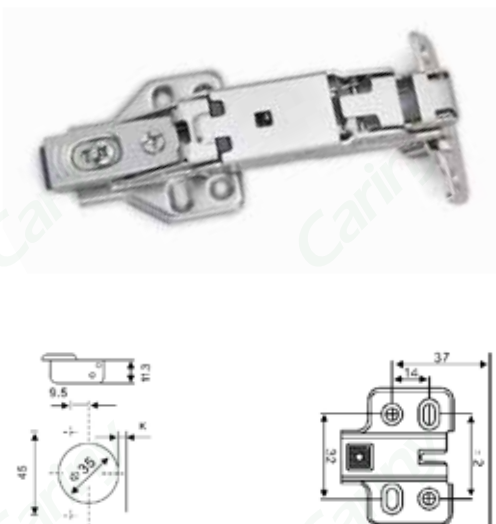
- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm

C165-A/B/C

**Bản lề thép mạ Nikel, dùng cho cánh tủ góc/
tủ kho, mở 2 cánh cùng một lúc, tháo lắp
nhẹ nhàng, không giảm chấn**

- Góc mở **165°**
- Độ dày cửa **14 mm-22 mm**
- Kích thước khoét lỗ **Ø 35**
- Khoảng cách lỗ vít **32 mm**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ANGLA C165-A	Bản lề thép mạ dùng cho cánh tủ góc/tủ kho	Chiếc	55.000 (vnđ)
ANGLA C165-B		Chiếc	55.000 (vnđ)
ANGLA C165-C		Chiếc	55.000 (vnđ)



ANGLA SERIES - Bản lề tủ góc

- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm

C166-A/B/C

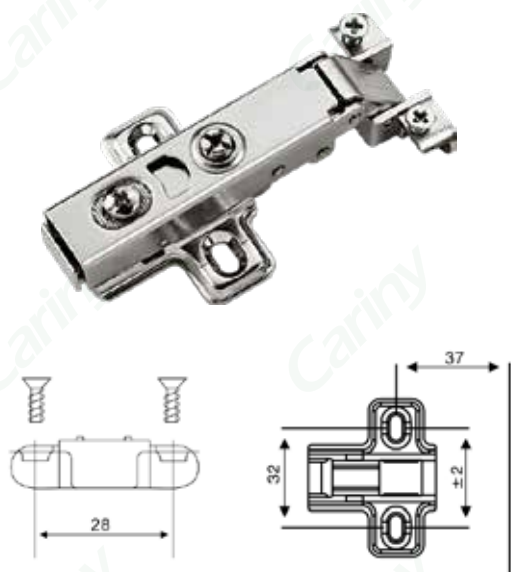
**Bản lề thép mạ Nikel, dùng cho cánh tủ góc/
tủ kho, mở 2 cánh cùng một lúc, tháo lắp
nhẹ nhàng, có giảm chấn**

- Góc mở **165°**
- Độ dày cửa **14 mm-22 mm**
- Kích thước khoét lỗ **Ø 35**
- Khoảng cách lỗ vít **32 mm**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ANGLA C166-A	Bản lề thép mạ dùng cho cánh tủ góc/tủ kho	Chiếc	88.000 (vnd)
ANGLA C166-B		Chiếc	88.000 (vnd)
ANGLA C166-C		Chiếc	88.000 (vnd)

Bản Lề Cánh Tủ/ Cabinet Hinges

ALUMI SERIES - Bản lề cửa kính



- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm
- Góc mở
- Khoảng cách lỗ vít

A14-A/B/C

Bản lề thép mạ Nikel, dùng cho khung cửa nhôm kính, tháo lắp nhanh, có giảm chấn 105°
28 mm

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ALUMI A14-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	38.500 (vnd)
ALUMI A14-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	38.500 (vnd)
ALUMI A14-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	38.500 (vnd)

GLAXI SERIES - Bản lề cửa kính



- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm
- Góc mở
- Kích thước khoét lỗ
- Khoảng cách lỗ vít

K57-A/B/C

Bản lề thép mạ Nikel, dùng cho cửa kính, tháo lắp nhanh, có giảm chấn 95°
Ø 35
32 mm

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
GLASI K57-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	38.500 (vnd)
GLAXI K57-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	38.500 (vnd)
GLAXI K57-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	38.500 (vnd)

GLAXI SERIES - Bản lề cửa kính



- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm
- Góc mở
- Khoảng cách lỗ vít

K116-A/B/C

Bản lề thép mạ Nikel, dán cánh cửa kính, tháo lắp nhanh, có giảm chấn 165°
32 mm

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
GLAXI K116-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	137.500 (vnd)
GLAXI K116-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	137.500 (vnd)
GLAXI K116-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	137.500 (vnd)



ANGLA SERIES - Bản lề nối cánh

- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm

C22/C22N

Bản lề nối cánh, sử dụng chung với tay nâng 2 cánh hoặc pittong

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
ANGLA C22	Bản lề nối cánh, sử dụng chung với tay nâng 2 cánh hoặc pittong	Chiếc	66.000 (vnd)
ANGLA C22N	Bản lề nối cánh, sử dụng chung với tay nâng 2 cánh hoặc pittong có cân chỉnh	Chiếc	88.000 (vnd)



STERO SERIES - Bản lề không giảm chấn

- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm

C403-A/B/C

Bản lề thép mạ Nikel, dùng cho tủ không vách, tháo lắp thường, không giảm chấn

- Góc mở
- Độ dày cửa
- Kích thước khoét lỗ
- Khoảng cách lỗ vít

105°

14 mm-22 mm

Ø 35

32 mm

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
STERO C403-A	Lắp thẳng Full overlay	Chiếc	17.600 (vnd)
STERO C403-B	Lắp cong Haft overlay	Chiếc	17.600 (vnd)
STERO C403-C	Lắp lọt Inset	Chiếc	17.600 (vnd)



STERO SERIES - Bản lề không giảm chấn

- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm

C503

Bản lề thép mạ Nikel, bản lề lắp âm, tháo lắp thường, không giảm chấn

- Góc mở
- Độ dày cửa
- Kích thước khoét lỗ
- Khoảng cách lỗ vít

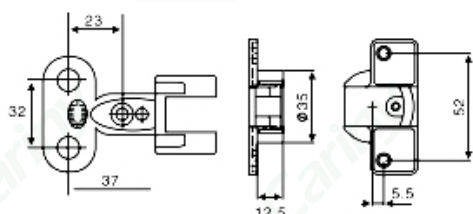
105°

14 mm-22 mm

Ø 35

32 mm

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
STERO C503	Bản lề lắp âm, thép mạ Nikel	Chiếc	27.500 (vnd)



DORIMA SERIES - Bản lề cánh bướm

- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm
- Góc mở
- Độ dày cửa
- Kích thước khoét lỗ
- Chất liệu

ZC119

Bản lề cánh bướm, khoét cánh, lắp âm cửa gỗ, mở 45° không giảm chấn

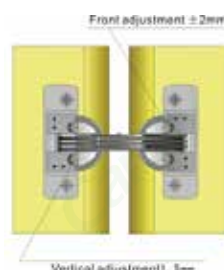
180°

16 mm-22 mm

ø 35

Hợp kim kẽm mạ Nikel

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
DORIMAZC-119	Bản lề cánh bướm, lắp âm cánh cửa gỗ, khoét cánh mở 45°	Chiếc	181.500 (vnđ)



Bản Lễ Cho Cửa Đi **Door Hinges**



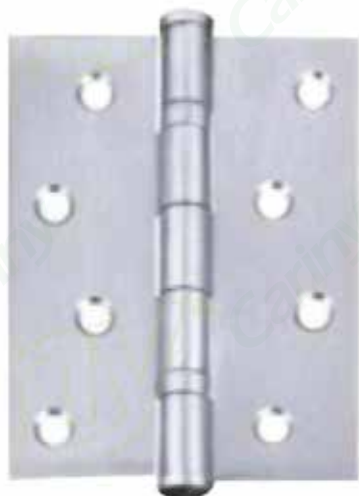
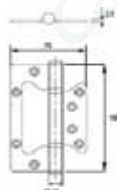
Bản Lề Cửa Đi/Door Hinges



DORIMA SERIES - Bản lề cửa gỗ

- Mã sản phẩm **BL-2025**
- Tên sản phẩm **Bản lề lá đồng trục dùng cho cửa gỗ**
- Sử dụng cho cánh cửa nặng tối đa
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
BL-2025	C100 x R75 x ø10 x D2.5 (mm)	Chiếc	38.500 (vnd)



DORIMA SERIES - Bản lề cửa gỗ

- Mã sản phẩm **BL-1025**
- Tên sản phẩm **Bản lề lá dùng cho cửa gỗ, dày 2,5 mm**
- Sử dụng cho cánh cửa nặng tối đa
- Chất liệu **Inox 304**

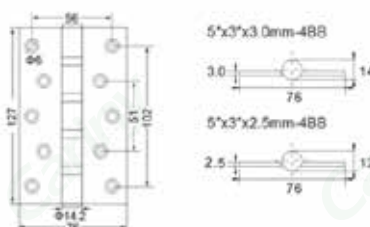
Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
BL-1025	C100 x R75 x ø12 x D2.5 (mm)	Chiếc	38.500 (vnd)



DORIMA SERIES - Bản lề cửa gỗ

- Mã sản phẩm **BL-1230**
- Tên sản phẩm **Bản lề lá dùng cho cửa gỗ, độ dày lá bản lề, dày 3 mm**
- Sử dụng cho cánh cửa nặng tối đa
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
BL-1230	C120 x R75 x ø12 x D3.0 (mm)	Chiếc	44.000 (vnd)





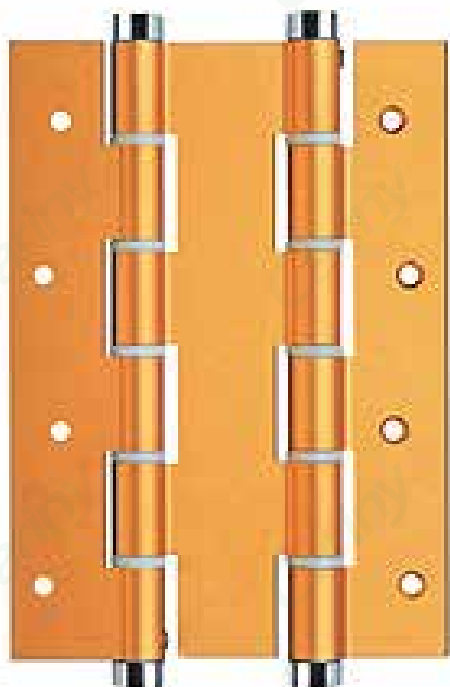
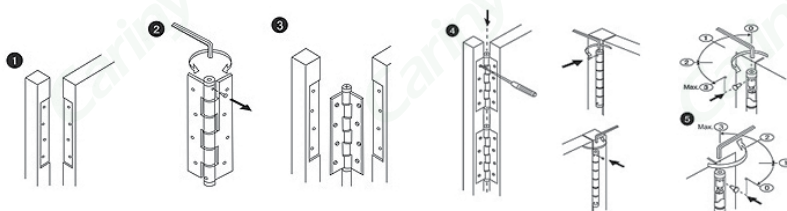
DORIMA SERIES - Bản lề lá

- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm
- Độ dày cửa tối thiểu
- Tải trọng
- Góc mở

BL-168

**Bản lề lá hợp kim Kẽm, Sivel(Gold),
đóng cửa tự động**
32 mm
25kg
270°

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
DORIMA BL-168	C180 x R80 x ø10 x D4 (mm)	Chiếc	198.000 (vnd)



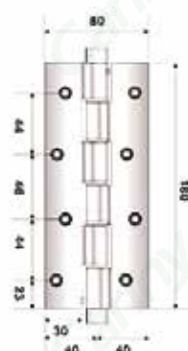
DORIMA SERIES - Bản lề lá

- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm
- Độ dày cửa tối thiểu
- Tải trọng

BL-188

**Bản lề lá dùng cho cửa mở 2 chiều, đóng
cửa tự động, hợp kim Kẽm, Sivel(Gold),
32 mm**
25kg

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
DORIMA BL-188	C180 x R80 x ø10 x D4.0 (mm)	Chiếc	363.000 (vnd)



DORIMA SERIES - Bản lề lắp âm cửa gỗ

- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm
- Góc mở
- Chất liệu

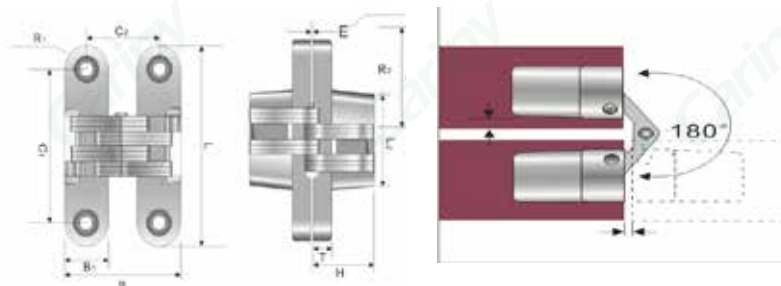
ZC214-45/60/70/95

Bản lề lắp âm cửa gỗ, không giảm chấn
180°

Hợp kim kẽm mạ Nikel



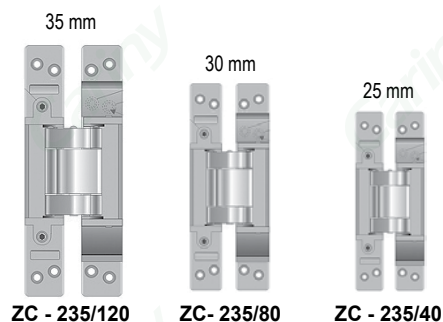
Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
DORIMA ZC 214-45	R13x C45 mm	Chiếc	121.000 (vnd)
DORIMA ZC 214-60	R13xC60 mm	Chiếc	143.000 (vnd)
DORIMA ZC 214-70	R16xC70 mm	Chiếc	198.000 (vnd)
DORIMA ZC 214-95	R19xC95 mm	Chiếc	341.000 (vnd)





- Mã sản phẩm **ZC235-40/80/120**
- Tên sản phẩm **Bản lề âm dùng cho cửa đi hợp kim kẽm mạ Nikel, điều chỉnh 3 chiều**
- Góc mở **180°**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
DORIMAZC235-40	25mm / 40kg	Chiếc	423.500 (vnđ)
DORIMAZC235-80	30mm / 80kg	Chiếc	544.500 (vnđ)
DORIMAZC235-120	35mm / 120kg	Chiếc	825.500 (vnđ)



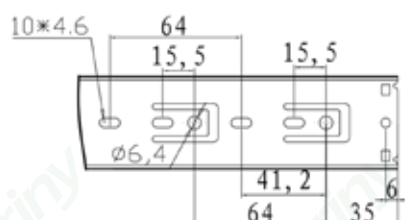
Ray Bi & Ray Âm Ball Bearing Slides Undermount Slides



Ray Bi/Ball Bearing Slides



Part 1



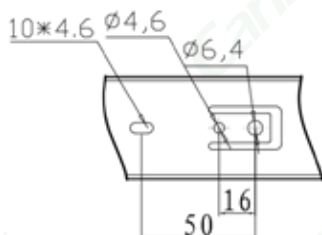
RAYOLA RBB SERIES - Ray bi 3 tầng không giảm chấn

- Mã sản phẩm **RBB-250/300/350/400/450/500/600/700/800**
- Tên sản phẩm **Ray bi 3 tầng, thép sơn tĩnh điện, không giảm chấn**
- Chiều cao **45 mm**
- Độ dày thép **1.0 x 1.0 x 1.2 mm**
- Tải trọng **30-35 kg**
- Quy cách đóng gói **15 bộ/thùng**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
RBB-250	Kích thước 250 mm Drawer length 250 mm	Bộ	66.000 (vnđ)
RBB-300	Kích thước 300 mm Drawer length 300 mm	Bộ	66.000 (vnđ)
RBB-350	Kích thước 350 mm Drawer length 350 mm	Bộ	77.000 (vnđ)
RBB-400	Kích thước 400 mm Drawer length 400 mm	Bộ	88.000 (vnđ)
RBB-450	Kích thước 450 mm Drawer length 450 mm	Bộ	99.000 (vnđ)
RBB-500	Kích thước 500 mm Drawer length 500 mm	Bộ	110.000 (vnđ)
RBB-600	Kích thước 600 mm Drawer length 600 mm	Bộ	143.000 (vnđ)
RBB-700	Kích thước 700 mm Drawer length 700 mm	Bộ	176.000 (vnđ)
RBB-800	Kích thước 800 mm Drawer length 800 mm	Bộ	209.000 (vnđ)



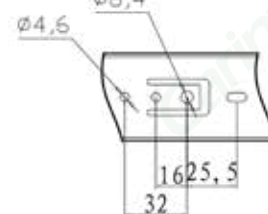
Part 2



RAYOLA RBG SERIES - Ray bi 3 tầng giảm chấn

- Mã sản phẩm **RGB-250/300/350/400/450/500/800/850**
- Tên sản phẩm **Ray bi 3 tầng, thép sơn tĩnh điện, có giảm chấn**
- Chiều cao **45 mm**
- Độ dày thép **1.2 x 1.2 x 1.4 mm**
- Tải trọng **30-35 kg**
- Quy cách đóng gói **15 bộ/thùng**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
RGB-250	Kích thước 250 mm Drawer length 250 mm	Bộ	132.000 (vnđ)
RGB-300	Kích thước 300 mm Drawer length 300 mm	Bộ	132.000 (vnđ)
RGB-350	Kích thước 350 mm Drawer length 350 mm	Bộ	143.000 (vnđ)
RGB-400	Kích thước 400 mm Drawer length 400 mm	Bộ	154.000 (vnđ)
RGB-450	Kích thước 450 mm Drawer length 450 mm	Bộ	165.000 (vnđ)
RGB-500	Kích thước 500 mm Drawer length 500 mm	Bộ	176.000 (vnđ)
RGB-800	Kích thước 800 mm Drawer length 800 mm	Bộ	275.000 (vnđ)
RGB-850	Kích thước 850 mm Drawer length 850 mm	Bộ	291.500 (vnđ)



RGB-250	250	250	--	--	--	--	--	--	160	--
RGB-300	300	300	150	--	--	--	--	--	96	208
RGB-350	350	350	192	--	--	--	--	--	128	256
RGB-400	400	400	224	--	--	--	--	--	128	288
RGB-450	450	450	--	288	--	--	--	--	160	352
RGB-500	500	500	224	352	--	--	--	--	224	384
RGB-800	800	800	--	--	--	--	--	--		
RGB-850	850	850	--	--	--	--	--	--		



Ray Bi/Ball Bearing Slides



RAYOLA RGI SERIES - Ray bi 3 tầng giảm chấn

- Mã sản phẩm **RGI-250/300/350/400/450/500**
- Tên sản phẩm **Ray bi 3 tầng, Inox, có giảm chấn**
- Chiều cao **45 mm**
- Độ dày thép **1.2 x 1.2 x 1.4 mm**
- Tải trọng **30-35 kg**
- Quy cách đóng gói **15 bộ/thùng**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
RGI-250	Kích thước 250 mm Drawer length 250 mm	Bộ	154.000 (vnd)
RGI-300	Kích thước 300 mm Drawer length 300 mm	Bộ	154.000 (vnd)
RGI-350	Kích thước 350 mm Drawer length 350 mm	Bộ	170.500 (vnd)
RGI-400	Kích thước 400 mm Drawer length 400 mm	Bộ	187.000 (vnd)
RGI-450	Kích thước 450 mm Drawer length 450 mm	Bộ	203.500 (vnd)
RGI-500	Kích thước 500 mm Drawer length 500 mm	Bộ	220.000 (vnd)



RAYOLA RBH SERIES - Ray bi 3 tầng không giảm chấn

- Mã sản phẩm **RBH-300/350/400/450/500**
- Tên sản phẩm **Ray bi 3 tầng, thép mạ kẽm, không giảm chấn**
- Chiều cao **45 mm**
- Độ dày thép **1.2 x 1.2 x 1.4 mm**
- Tải trọng **30-35 kg**
- Quy cách đóng gói **15 bộ/thùng**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
RBH-300	Kích thước 300 mm Drawer length 300 mm	Bộ	77.000 (vnd)
RBH-350	Kích thước 350 mm Drawer length 350 mm	Bộ	88.000 (vnd)
RBH-400	Kích thước 400 mm Drawer length 400 mm	Bộ	99.000 (vnd)
RBH-450	Kích thước 450 mm Drawer length 450 mm	Bộ	110.000 (vnd)
RBH-500	Kích thước 500 mm Drawer length 500 mm	Bộ	121.000 (vnd)

Ray Âm 3/4/Single Extension

EXCELA P34 SERIES - Ray âm mở 3/4



- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm
- Chiều cao
- Độ dày thép
- Tải trọng
- Quy cách đóng gói

P34-300/350/400/450/500

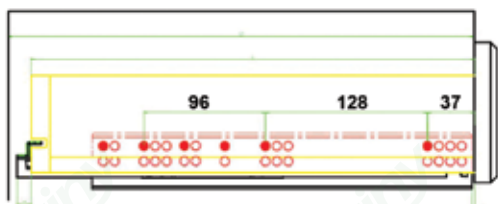
Ray âm thép mạ kẽm, mở 3/4, giảm chấn, tháo lắp nhanh

45 mm

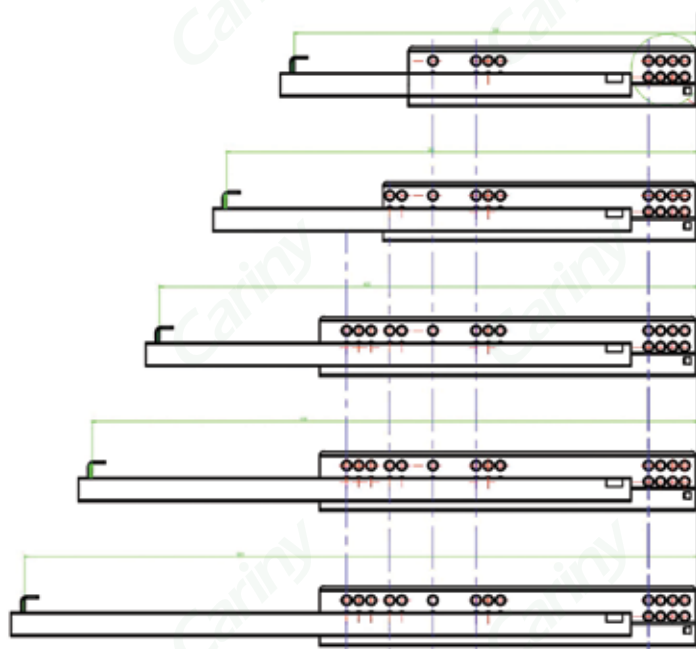
1.2 x 1.2 x 1.4 mm

40-45 kg

12bộ/thùng



Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
P34-300	Kích thước 300 mm Drawer length 300 mm	Bộ	154.000 (vnd)
P34-350	Kích thước 350 mm Drawer length 350 mm	Bộ	165.000 (vnd)
P34-400	Kích thước 400 mm Drawer length 400 mm	Bộ	176.000 (vnd)
P34-450	Kích thước 450 mm Drawer length 450 mm	Bộ	187.000 (vnd)
P34-500	Kích thước 500 mm Drawer length 500 mm	Bộ	198.000 (vnd)



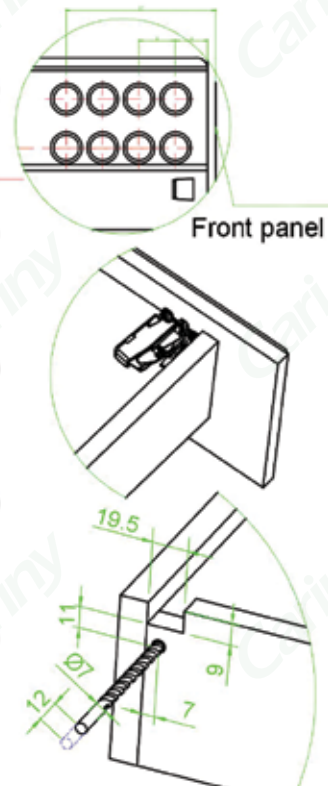
300 (12")

350 (14")

400 (16")

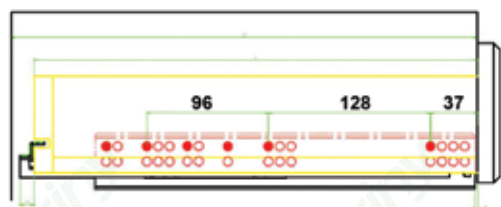
450 (18")

500 (20")



Front panel

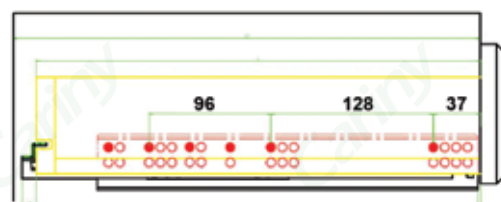
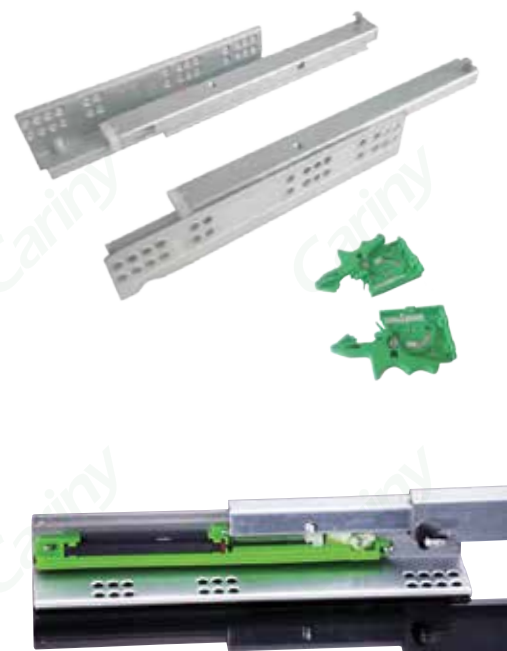
Ray Âm Mở Toàn Phần/Undermount Slides Full



EXCELA SBL SERIES - Ray âm mở toàn phần

- Mã sản phẩm **SBL-250/300/350/400/450/500/550/600/650/700**
- Tên sản phẩm **Ray âm kiểu Blum, giảm chấn, tháo lắp nhanh, có chỉnh lực giảm chấn, mở toàn phần**
- Tải trọng **40-45 kg**
- Quy cách đóng gói **10 bộ/thùng**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
SBL-250	Kích thước/Drawer Length: 250 mm	Bộ	220.000 (vnd)
SBL-300	Kích thước/Drawer Length: 300 mm	Bộ	220.000 (vnd)
SBL-350	Kích thước/Drawer Length: 350 mm	Bộ	231.000 (vnd)
SBL-400	Kích thước/Drawer Length: 400 mm	Bộ	242.000 (vnd)
SBL-450	Kích thước/Drawer Length: 450 mm	Bộ	258.500 (vnd)
SBL-500	Kích thước/Drawer Length: 500 mm	Bộ	275.000 (vnd)
SBL-550	Kích thước/Drawer Length: 550 mm	Bộ	297.000 (vnd)
SBL-600	Kích thước/Drawer Length: 600 mm	Bộ	319.000 (vnd)
SBL-650	Kích thước/Drawer Length: 650 mm	Bộ	341.000 (vnd)
SBL-700	Kích thước/Drawer Length: 700 mm	Bộ	363.000 (vnd)



EXCELA SGR SERIES - Ray âm mở toàn phần

- Mã sản phẩm **SGR-300/350/400/450/500**
- Tên sản phẩm **Ray âm thép mạ kẽm, giảm chấn, mở toàn phần, tháo lắp nhanh.**
- Tải trọng **40-45 kg**
- Quy cách đóng gói **10 bộ/thùng**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
SGR-300	Kích thước 300 mm Drawer length 300 mm	Bộ	220.000 (vnd)
SGR-350	Kích thước 350 mm Drawer length 350 mm	Bộ	231.000 (vnd)
SGR-400	Kích thước 400 mm Drawer length 400 mm	Bộ	242.000 (vnd)
SGR-450	Kích thước 450 mm Drawer length 450 mm	Bộ	258.000 (vnd)
SGR-500	Kích thước 500 mm Drawer length 500 mm	Bộ	275.000 (vnd)

Ray Hộp Ngăn Kéo Drawer Systems



Ray Hộp Ngăn Kéo/Drawer Systems



HORINA SERIES - Ray hộp

- Mã sản phẩm **SS1-450/500**
- Tên sản phẩm **Ray hộp ngăn kéo, ngăn thấp**
- Chất liệu **Inox 304**
- Chiều cao **108 mm**
- Chủng loại **Sử dụng ván 16 mm**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
HORINA SS1-450	Hộp cao 108 mm	Bộ	990.000 (vnd)
HORINA SS1-500		Bộ	1.100.000 (vnd)



HORINA SERIES - Ray hộp

- Mã sản phẩm **SS2-450/500**
- Tên sản phẩm **Ray hộp ngăn kéo, ngăn cao, có thanh tăng cường**
- Chất liệu **Inox 304**
- Chiều cao **108 mm**
- Chủng loại **Sử dụng ván 16 mm**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
HORINA SS2-450	Ray hộp inox 304	Bộ	1.100.000 (vnd)
HORINA SS2-500		Bộ	1.210.000 (vnd)



HORINA SERIES - Ray hộp

- Mã sản phẩm **SS3-450/500**
- Tên sản phẩm **Ray hộp ngăn kéo có vách kính, ngăn cao**
- Chất liệu **Inox 304**
- Chiều cao **108 mm**
- Chủng loại **Sử dụng ván 16 mm**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
HORINA SS3-450	Ray hộp inox 304 vách kính	Bộ	1.210.000 (vnd)
HORINA SS3-500	Ray hộp inox 304 vách kính	Bộ	1.320.000 (vnd)

Ray Hộp Ngăn Kéo/Drawer Systems



SLIMBOX SERIES - Ray hộp siêu mỏng

- Mã sản phẩm **AX89-450/500-AX121-450/500**
- Tên sản phẩm **Ray hộp siêu mỏng**
- Chất liệu **Nhôm sơn tĩnh điện**
- Chiều cao **108 mm - 212 mm**
- Màu sắc **Xám**
- Chủng loại **Sử dụng ván 16 mm**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
SLIMBOX AX-89/450	Ray hộp siêu mỏng	Bộ	990.000 (vnd)
SLIMBOX AX-89/500		Bộ	1.100.000 (vnd)
SLIMBOX AX-121/450		Bộ	1.100.000 (vnd)
SLIMBOX AX-121/500		Bộ	1.210.000 (vnd)



SLIMBOX SERIES - Ray hộp siêu mỏng

- Mã sản phẩm **AT89-450/500-AT121-450/500**
- Tên sản phẩm **Ray hộp siêu mỏng**
- Chất liệu **Nhôm sơn tĩnh điện**
- Chiều cao **108 mm - 212 mm**
- Màu sắc **Trắng**
- Chủng loại **Sử dụng ván 16 mm**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Đơn vị Unit	Giá bán Price
SLIMBOX AT-89/450	Ray hộp siêu mỏng	Bộ	990.000 (vnd)
SLIMBOX AT-89/500		Bộ	1.100.000 (vnd)
SLIMBOX AT-121/450		Bộ	1.100.000 (vnd)
SLIMBOX AT-121/500		Bộ	1.210.000 (vnd)



Kệ Đa Năng Multi-Function Baskets



Kệ Đa Năng/Multi-Function Baskets



DANASOLA SESIES - Kệ gia vị Inox sợi

- Mã sản phẩm **CS-1620**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị đa năng 2 tầng Inox sợi, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 200 mm**
- Chất liệu **Inox 304 điện hóa**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CS-1620	200 mm	S450 x C455 x R158 mm	Bộ	2.125.000 (vnd)



DANASOLA SESIES - Kệ gia vị, dao thớt Inox sợi

- Mã sản phẩm **CS-1621**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị, dao thớt đa năng, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 200 mm**
- Chất liệu **Inox 304 điện hóa**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CS-1621	200 mm	S450xC455xR158 mm	Bộ	2.125.000 (vnd)



DANASOLA SESIES - Kệ gia vị, dao thớt Inox sợi

- Mã sản phẩm **CS-1625**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị, dao thớt đa năng, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 250 mm**
- Chất liệu **Inox 304 điện hóa**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CS-1625	250 mm	S450xC455xR195 mm	Bộ	2.180.000 (vnd)





DANASOLA SESIES - Kệ gia vị, dao thớt Inox sợi

- Mã sản phẩm **CS-1630**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị, dao thớt đa năng, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 300 mm**
- Chất liệu **Inox 304 điện hóa**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CS-1630	300 mm	S450xC455xR250 mm	Bộ	2.235.000 (vnd)



DANASOLA SESIES - Kệ gia vị Inox sợi

- Mã sản phẩm **CS-1631**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị đa năng 3 tầng, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 300 mm**
- Chất liệu **Inox 304 điện hóa**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CS-1631	300 mm	S450xC455xR250 mm	Bộ	2.235.000 (vnd)



DANASOLA SESIES - Kệ gia vị, dao thớt Inox sợi

- Mã sản phẩm **CS-1635**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị, dao thớt đa năng, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 350 mm**
- Chất liệu **Inox 304 điện hóa**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CS-1635	350 mm	S450xC455xR293 mm	Bộ	2.290.000 (vnd)



Kệ Đa Năng/Multi-Function Baskets



DANASOLA SESIES - Kệ gia vị, dao thớt Inox sợi

- Mã sản phẩm **CS-1641**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị, dao thớt đa năng, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 400 mm**
- Chất liệu **Inox 304 điện hóa**

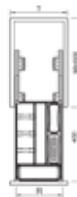
Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CS-1641	400 mm	S450xC455xR340 mm	Bộ	2.345.000 (vnd)



MINOURA SESIES - Kệ gia vị, dao thớt Inox hộp

- Mã sản phẩm **CG-1730**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị đa năng, Inox hộp, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 300 mm**
- Chất liệu **Inox 304**

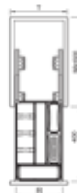
Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CG-1730	300 mm	S460xC490xR250 mm	Bộ	1.705.000 (vnd)

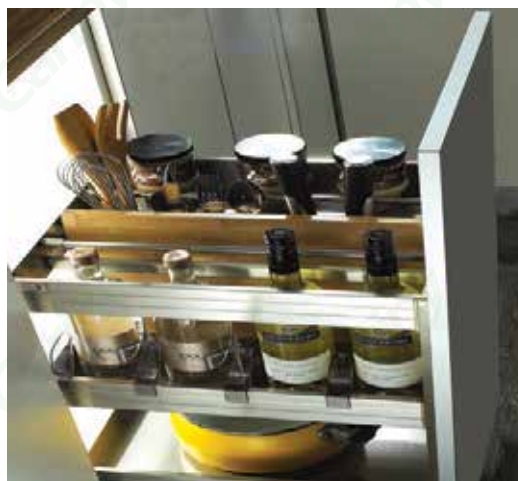


MINOURA SESIES - Kệ gia vị, dao thớt Inox hộp

- Mã sản phẩm **CG-1735**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị đa năng, Inox hộp, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 350 mm**
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CG-1735	350 mm	S460xC490xR300 mm	Bộ	1.815.000 (vnd)

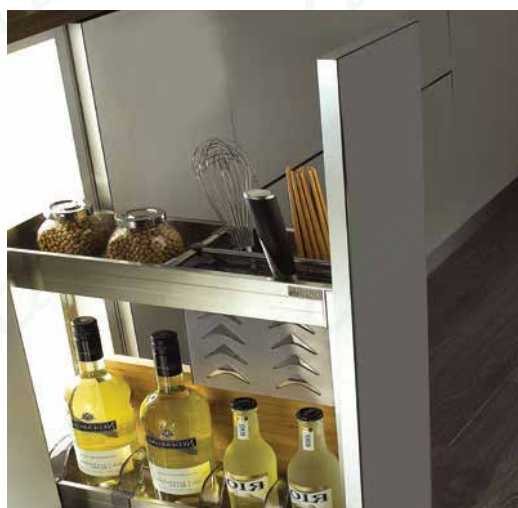




MINOURA SESIES - Kệ gia vị, dao thớt Inox hộp

- Mã sản phẩm **CG-1740**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị đa năng, Inox hộp, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 400 mm**
- Chất liệu **Inox 304**

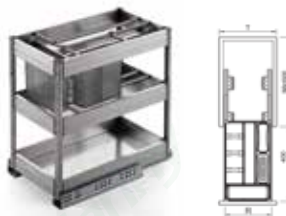
Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CG-1740	400 mm	S460xC490xR350 mm	Bộ	1.925.000 (vnđ)



MINOURA SESIES - Kệ gia vị, dao thớt Inox hộp

- Mã sản phẩm **CG-1820**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị, dao thớt đa năng, Inox hộp, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 200 mm**
- Chất liệu **Inox 304**

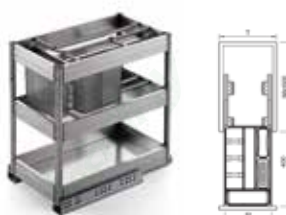
Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CG-1820	200 mm	S460xC480xR155 mm	Bộ	1.595.000 (vnđ)



MINOURA SESIES - Kệ gia vị, dao thớt Inox hộp

- Mã sản phẩm **CG-1825**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị, dao thớt đa năng, Inox hộp, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 250 mm**
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CG-1825	250 mm	S460xC480xR205 mm	Bộ	1.650.000 (vnđ)



Kệ Đa Năng/Multi-Function Baskets



MINOURA SESIES - Kệ gia vị, dao thớt Inox hộp

- Mã sản phẩm **CG-1830**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị đa năng, Inox hộp, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 300 mm**
- Chất liệu **Inox 304**

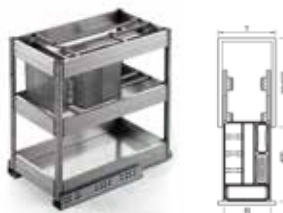
Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CG-1830	300 mm	S460xC490xR250 mm	Bộ	1.705.000 (vnd)



MINOURA SESIES - Kệ gia vị, dao thớt Inox hộp

- Mã sản phẩm **CG-1835**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị đa năng, Inox hộp, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 350 mm**
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CG-1835	350 mm	S460xC490xR300 mm	Bộ	1.815.000 (vnd)



MINOURA SESIES - Kệ gia vị, dao thớt Inox hộp

- Mã sản phẩm **CG-1840**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị đa năng, Inox hộp, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 400 mm**
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CG-1840	400 mm	S460xC490xR350 mm	Bộ	1.925.000 (vnd)





MINOURA SESIES - Kệ gia vị, dao thớt Inox hộp

- Mã sản phẩm **CK-1830**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị, dao thớt đa năng, Inox hộp vách kính cường lực, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 300 mm**
- Chất liệu **Inox 304**

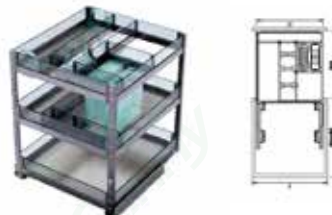
Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CK-1830	300 mm	S450xC490xR250 mm	Bộ	2.310.000 (vnd)



MINOURA SESIES - Kệ gia vị, dao thớt Inox hộp

- Mã sản phẩm **CK-1835**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị, dao thớt đa năng, Inox hộp vách kính cường lực, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 350 mm**
- Chất liệu **Inox 304**

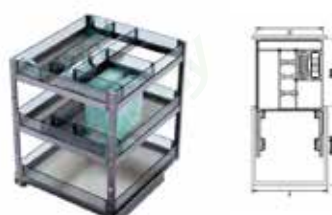
Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CK-1835	350 mm	S450xC490xR300 mm	Bộ	2.420.000 (vnd)



MINOURA SESIES - Kệ gia vị, dao thớt Inox hộp

- Mã sản phẩm **CK-1840**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị, dao thớt đa năng, Inox hộp vách kính cường lực, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 400 mm**
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CK-1840	400 mm	S450xC490xR350 mm	Bộ	2.530.000 (vnd)



Kệ Đa Năng/Multi-Function Baskets



DANASOLA SESIES - Kệ gia vị/dao thớt Inox sợi

- Mã sản phẩm **CH-1915**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị đa năng, inox nan dẹt, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 150 mm**
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CH-1915	150 mm	S490xC520xR100 mm	Bộ	1.960.000 (vnd)



DANASOLA SESIES - Kệ gia vị/ dao thớt Inox sợi

- Mã sản phẩm **CH-1930**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị, dao thớt đa năng, Inox nan dẹt, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 300 mm**
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CH-1930	300 mm	S450xC470xR245 mm	Bộ	2.290.000 (vnd)



DANASOLA SESIES - Kệ gia vị/dao thớt Inox sợi

- Mã sản phẩm **CH-1935**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị, dao thớt đa năng, Inox nan dẹt, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 350 mm**
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CH-1935	350 mm	S450xC470xR297 mm	Bộ	2.400.000 (vnd)



Kệ Đa Năng/Multi-Function Baskets



DANASOLA SESIES - Kệ gia vị/ dao thớt Inox sợi

- Mã sản phẩm **CH-1940**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị, dao thớt đa năng, Inox nan dệt, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 400 mm**
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CH-1940	400 mm	S450xC470xR345 mm	Bộ	2.510.000 (vnđ)



DANASOLA SESIES - Kệ gia vị/ dao thớt Inox sợi

- Mã sản phẩm **CH-1945**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị, dao thớt đa năng, Inox nan dệt, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 450 mm**
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CH-1945	450 mm	S450xC470xR397 mm	Bộ	2.630.000 (vnđ)



Kệ Đa Năng/Multi-Function Baskets



DANASOLA SESIES - Kệ gia vị/ dao thớt sợi Oval sơn Nano

- Mã sản phẩm **CH-1930V**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị, dao thớt đa năng, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 300 mm**
- Chất liệu **Sợi Oval sơn Nano màu champagne**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CH-1930V	300 mm	S459xC504xR264 mm	Bộ	2.090.000(vnd)



DANASOLA SESIES - Kệ gia vị/ dao thớt sợi Oval sơn Nano

- Mã sản phẩm **CH-1940V/CH-1945V**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị, dao thớt đa năng, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 400 mm(450 mm)**
- Chất liệu **Sợi Oval sơn Nano màu champagne**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CH-1940V	400 mm	S459xC504xR364 mm	Bộ	2.200.000(vnd)
CH-1945V	450 mm	S459xC504xR414 mm	Bộ	2.310.000 (vnd)



DANASOLA SESIES - Kệ gia vị/ dao thớt Inox sợi

- Mã sản phẩm **CH-2030**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị, dao thớt đa năng, Inox nan dẹt, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 300 mm**
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
DANASOLA CH-2030	300 mm	S480xC450xR240 mm	Bộ	2.750.000 (vnd)



Kệ Đa Năng/Multi-Function Baskets



DANASOLA SESIES - Kệ gia vị, dao thớt Inox sợi

- Mã sản phẩm **CH-2040**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị, dao thớt đa năng, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 400 mm**
- Chất liệu **Inox 304 nan dẹt**

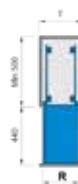
Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
DANASOLA CH-2040	400 mm	S480xC450xR340 mm	Bộ	3.410.000 (vnd)



DANASOLA SESIES - Kệ gia vị, dao thớt Inox sợi

- Mã sản phẩm **CH-3030M**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 300 mm**
- Chất liệu **Inox 304 nan dẹt**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
DANASOLA CH-3030M R/L	300 mm	S460xC580xR235 mm	Bộ	2.640.000 (vnd)



HIBOMERA SESIES - Kệ gia vị, dao thớt đa năng

- Mã sản phẩm **CH-2045**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị, dao thớt đa năng, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 450 mm**
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
HIBOMERA CH-2045	450 mm	S480xC450xR330 mm	Bộ	3.630.000 (vnd)



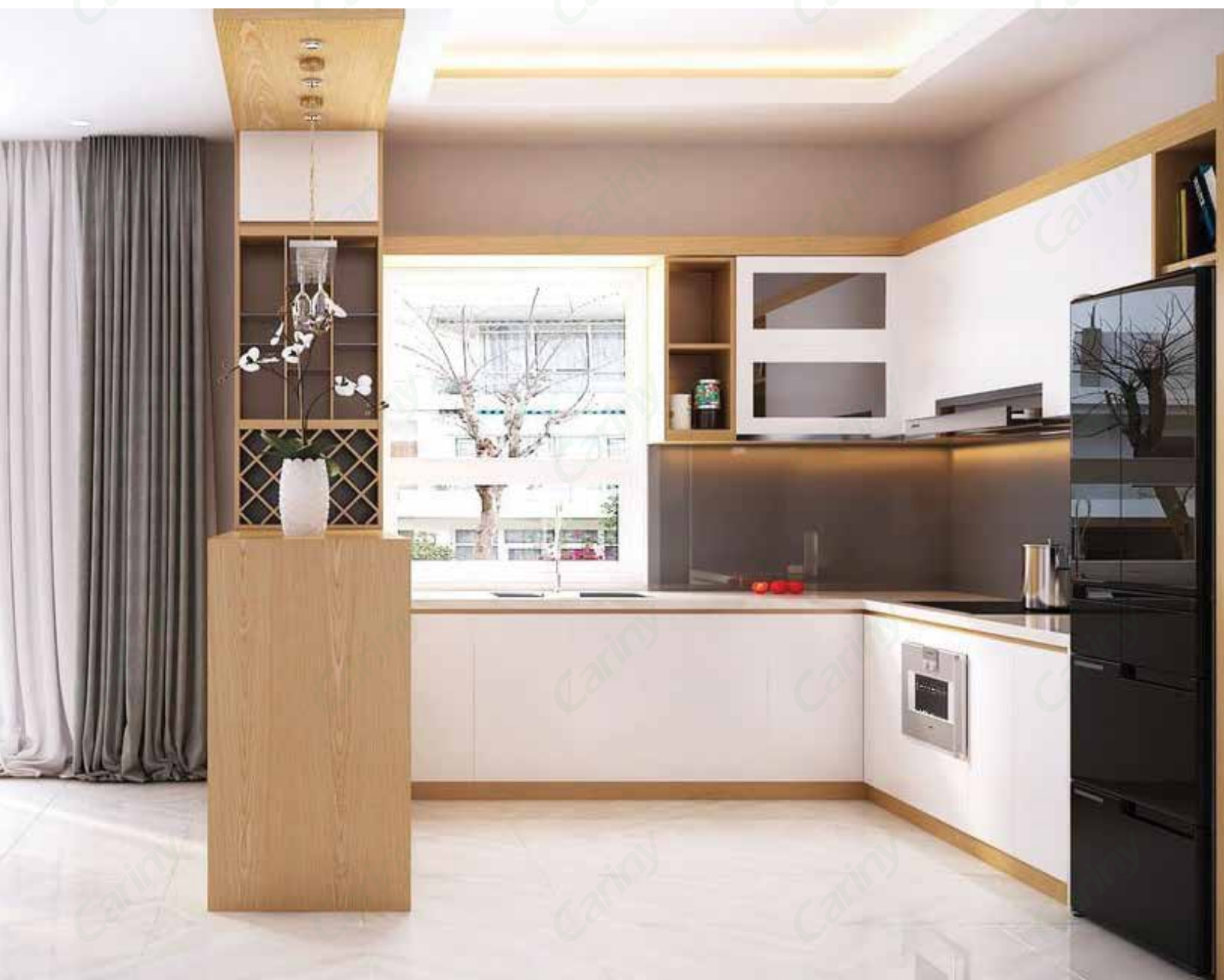
Kệ Đa Năng/Multi-Function Baskets



HIBOMERA SESIES - Kệ gia vị, dao thớt đa năng

- Mã sản phẩm **CH-2060**
- Tên sản phẩm **Kệ gia vị, dao thớt đa năng, ray âm giảm chấn, lắp cho mặt cánh rộng 600 mm**
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
HIBOMERA CH-2060	600 mm	S480xC450xR480 mm	Bộ	3.850.000 (vnđ)



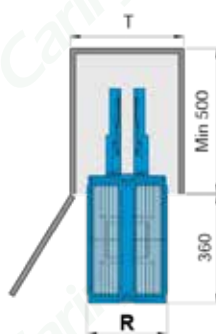
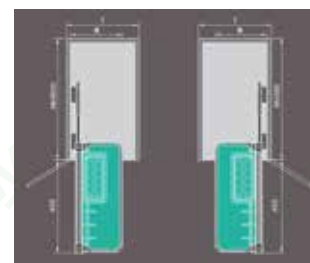
Kệ Đựng Chất tẩy Rửa/Under Sink Storage



CLERIA SERIES - Kệ đựng chất tẩy rửa

- Mã sản phẩm **CD-2510**
- Tên sản phẩm **Kệ đựng chất tẩy rửa**
- Chất liệu **Inox hộp**
- Chủng loại **Ray âm giảm chấn**
- Vị trí lắp ráp **Lắp vách tủ**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CD-2510	S458xC450xR212 mm	Bộ	1.540.000 (vnd)



CLERIA SERIES - Kệ đựng chất tẩy rửa

- Mã sản phẩm **CH-3510S**
- Tên sản phẩm **Kệ đựng chất tẩy rửa**
- Chất liệu **Inox sợi**
- Chủng loại **Ray âm giảm chấn**
- Vị trí lắp ráp **Dưới ngăn chậu rửa**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CH-3510	S450xC400xR300 mm	Bộ	2.860.000 (vnd)



CLERIA SERIES - Kệ đựng chất tẩy rửa

- Mã sản phẩm **CR-300/350**
- Tên sản phẩm **Kệ đựng chất tẩy rửa**
- Chất liệu **Inox sợi**
- Vị trí lắp ráp **Bắt vít cố định trên cánh tủ**

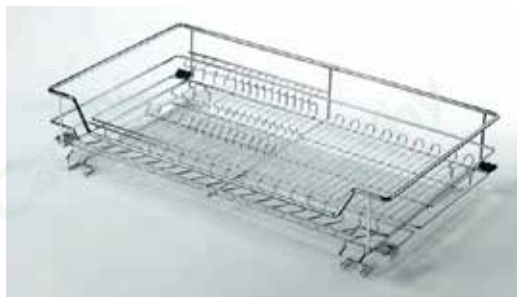
Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CR-300	S120xC430xR300mm	Bộ	1.155.000 (vnd)
CR-350	S120xC430xR350mm	Bộ	1.210.000 (vnd)



Kệ Bát Đĩa, Xoong Nồi Bowl & Dish Baskets Pot & Pan Baskets



Kệ Bát Đĩa, Xoong Nồi/Bowl & Dish Baskets, Pot & Pan Baskets



BADISOLA SERIES - Ngăn kéo xoong nồi, bát đĩa sợi tròn

- Mã sản phẩm **CW25 - 600/700/800/900**
CW26 - 600/700/800/900
- Tên sản phẩm **Ngăn kéo đựng xoong nồi, bát đĩa inox sợi tròn, Ray âm giảm chấn, có khay hứng nước, Dừng lắp mặt ngăn kéo (cánh), hoặc cánh mở Inox 304**
- Chất liệu

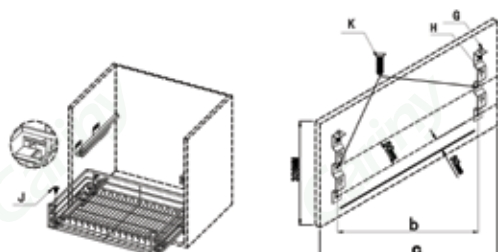
Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
Ngăn kéo giá đựng xoong nồi				
CW25-600	600 mm	S450xC130xR564 mm	Bộ	1.430.000 (vnd)
CW25-700	700 mm	S450xC130xR664 mm	Bộ	1.485.000 (vnd)
CW25-800	800 mm	S450xC130xR764 mm	Bộ	1.540.000 (vnd)
CW25-900	900 mm	S450xC130xR864 mm	Bộ	1.650.000 (vnd)
Ngăn kéo giá đựng bát đĩa				
CW26-600	600 mm	S450xC185xR564 mm	Bộ	1.485.000 (vnd)
CW26-700	700 mm	S450xC185xR664 mm	Bộ	1.540.000 (vnd)
CW26-800	800 mm	S450xC185xR764 mm	Bộ	1.595.000 (vnd)
CW26-900	900 mm	S450xC185xR864 mm	Bộ	1.705.000 (vnd)



BADISOLA SERIES - Ngăn kéo xoong nồi, bát đĩa Inox sợi

- Mã sản phẩm **CS25B - 600/700/800/900**
CS26B - 600/700/800/900
- Tên sản phẩm **Ngăn kéo đựng xoong nồi Inox sợi Ray âm giảm chấn, có khay hứng nước Dừng lắp mặt ngăn kéo (cánh)**
- Chất liệu **Inox 304 điện hóa**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
Ngăn kéo giá đựng xoong nồi				
CS25B-600	600 mm	S435xC195xR564 mm	Bộ	1.685.000 (vnd)
CS25B-700	700 mm	S435xC195xR664 mm	Bộ	1.795.000 (vnd)
CS25B-800	800 mm	S435xC195xR764 mm	Bộ	1.905.000 (vnd)
CS25B-900	900 mm	S435xC195xR864 mm	Bộ	2.015.000 (vnd)
Ngăn kéo giá đựng bát đĩa				
CS26B-600	600 mm	S435xC195xR564 mm	Bộ	1.795.000 (vnd)
CS26B-700	700 mm	S435xC195xR664 mm	Bộ	2.015.000 (vnd)
CS26B-800	800 mm	S435xC195xR764 mm	Bộ	2.125.000 (vnd)
CS26B-900	900 mm	S435xC195xR864 mm	Bộ	2.235.000 (vnd)



A 1Pcs	B 1Set	C 2Pcs	D 2Pcs	E 2Pcs	F 1Pcs
G 2Pcs	H 4Pcs	I 4Pcs	J 6Pcs	K 16Pcs	
M5x30	M5x16	M5x12	M4x8	ST4x12	

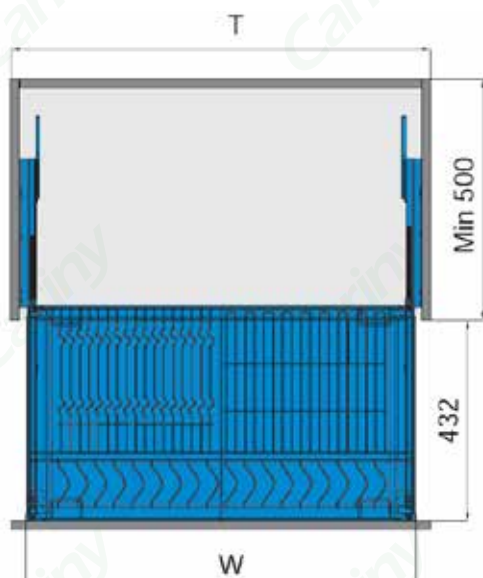
Kệ Bát Đĩa, Xoong Nồi/Bowl & Dish Baskets, Pot & Pan Baskets



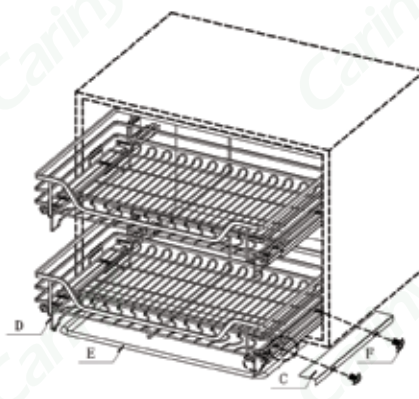
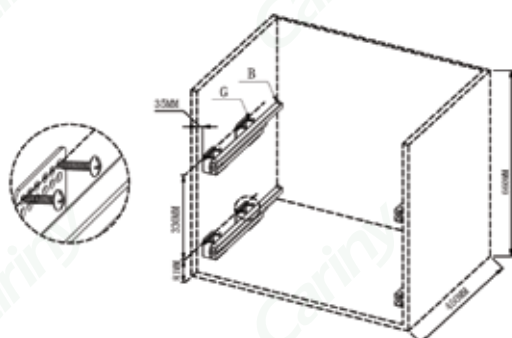
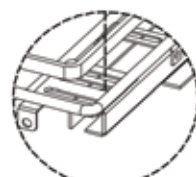
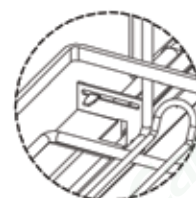
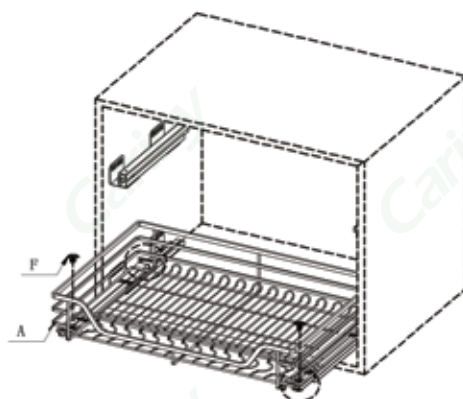
BADISOLA SERIES - Ngăn kéo xoong nồi, bát đĩa sợi

- Mã sản phẩm **CS25A - 600/700/800/900**
CS26A - 600/700/800/900
- Tên sản phẩm **Ngăn kéo đựng bát đĩa, xoong nồi inox sợi**
Ray âm giảm chấn, có khay hứng nước
Dùng lắp cánh mở (thùng)
- Chất liệu **Inox SUS 304 điện hóa**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
Ngăn kéo giá đựng xoong nồi				
CS25A-600	600 mm	S435xC195xW564 mm	Bộ	1.685.000 (vnd)
CS25A-700	700 mm	S435xC195xW664 mm	Bộ	1.795.000 (vnd)
CS25A-800	800 mm	S435xC195xW764 mm	Bộ	1.905.000 (vnd)
CS25A-900	900 mm	S435xC195xW864 mm	Bộ	2.015.000 (vnd)
Ngăn kéo giá đựng bát đĩa				
CS26A-600	600 mm	S435xC195xW564 mm	Bộ	1.795.000 (vnd)
CS26A-700	700 mm	S435xC195xW664 mm	Bộ	2.015.000 (vnd)
CS26A-800	800 mm	S435xC195xW764 mm	Bộ	2.125.000 (vnd)
CS26A-900	900 mm	S435xC195xW864 mm	Bộ	2.235.000 (vnd)



A 1Pcs	B 1Set	C 2Pcs	D 2Pcs	E 1Pcs
F 6Pcs	G 14Pcs			
M4x8	ST4x12			



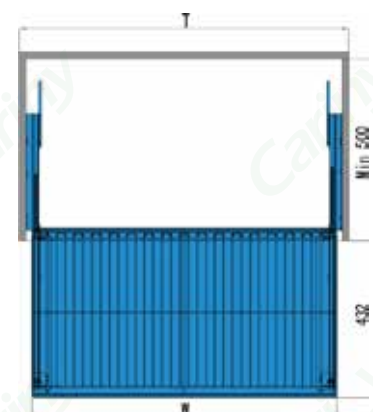
Kệ Bát Đĩa, Xoong Nồi/Bowl & Dish Baskets, Pot & Pan Baskets



BADISOLA SERIES - Ngăn kéo xong nồi, bát đĩa inox sợi

- Mã sản phẩm **CH25B - 600/700/800/900**
CH26B - 600/700/800/900
- Tên sản phẩm **Ngăn kéo đựng xoong nồi, bát đĩa inox sợi dệt Ray âm giảm chấn, có khay hứng nước Dừng lắp mặt ngăn kéo (cánh)**
- Chất liệu **Inox 304 mạ Chrome**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
Ngăn kéo giá đựng xoong nồi				
CH25-600	600 mm	S464xC196xR564 mm	Bộ	1.870.000 (vnd)
CH25-700	700 mm	S464xC196xR664 mm	Bộ	1.980.000 (vnd)
CH25-800	800 mm	S464xC196xR764 mm	Bộ	2.090.000 (vnd)
CH25-900	900 mm	S464xC196xR864 mm	Bộ	2.200.000 (vnd)
Ngăn kéo giá đựng bát đĩa				
CH26-600	600 mm	S464xC196xR564 mm	Bộ	2.090.000 (vnd)
CH26-700	700 mm	S464xC196xR664 mm	Bộ	2.200.000 (vnd)
CH26-800	800 mm	S464xC196xR764 mm	Bộ	2.310.000 (vnd)
CH26-900	900 mm	S464xC196xR864 mm	Bộ	2.420.000 (vnd)



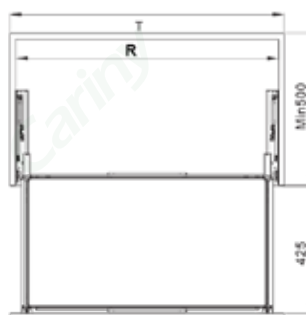
Kệ Bát Đĩa, Xoong Nồi/Bowl & Dish Baskets, Pot & Pan Baskets



BADISOLA SERIES - Ngăn kéo xong nồi

- Mã sản phẩm **CH25 - 600V/700V/800V/900V**
- Tên sản phẩm **Ngăn kéo đựng xoong nồi,
Ray âm giảm chấn, có khay hứng nước
Dùng lắp mặt ngăn kéo (cánh)**
- Chất liệu **Sợi Oval sơn Nano màu Champagne**

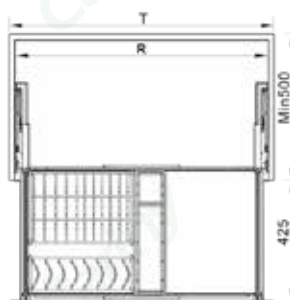
Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CH25-600V	600 mm	S462xC190xR564 mm	Bộ	1.540.000 (vnd)
CH25-700V	700 mm	S462xC190xR664 mm	Bộ	1.650.000 (vnd)
CH25-800V	800 mm	S462xC190xR764 mm	Bộ	1.760.000 (vnd)
CH25-900V	900 mm	S462xC190xR864 mm	Bộ	1.870.000 (vnd)



BADISOLA SERIES - Ngăn kéo bát đĩa

- Mã sản phẩm **CH26 - 600V/700V/800V/900V**
- Tên sản phẩm **Ngăn kéo đựng bát đĩa, ray âm giảm chấn,
có khay hứng nước, dùng lắp mặt ngăn kéo (cánh)**
- Chất liệu **Sợi Oval sơn Nano màu Champagne**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CH26-600V	600 mm	S462xC190xR564 mm	Bộ	1.760.000 (vnd)
CH26-700V	700 mm	S462xC190xR664 mm	Bộ	1.870.000 (vnd)
CH26-800V	800 mm	S462xC190xR764 mm	Bộ	1.980.000 (vnd)
CH26-900V	900 mm	S462xC190xR864 mm	Bộ	2.090.000 (vnd)



Kệ Bát Đĩa, Xoong Nồi/Bowl & Dish Baskets, Pot & Pan Baskets



RIMOULA SERIES - Ngăn kéo xoong nồi, bát đĩa Inox hộp

- Mã sản phẩm **CG25 - 600/700/800/900**
CG26 - 600/700/800/900
- Tên sản phẩm **Ngăn kéo giá đỡ xoong nồi, bát đĩa inox hộp**
Ray âm giảm chấn, có khay hứng nước
Dùng lắp mặt ngăn kéo (cánh) hoặc cánh mở
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
Ngăn kéo giá đỡ xoong nồi				
CG25-600	600 mm	S460xC150xR564 mm	Bộ	1.430.000 (vnd)
CG25-700	700 mm	S460xC150xR664 mm	Bộ	1.485.000 (vnd)
CG25-800	800 mm	S460xC150xR764 mm	Bộ	1.595.000 (vnd)
CG25-900	900 mm	S460xC150xR864 mm	Bộ	1.705.000 (vnd)
Ngăn kéo giá đỡ bát đĩa				
CG26-600	600 mm	S460xC150xR564 mm	Bộ	1.760.000 (vnd)
CG26-700	700 mm	S460xC150xR664 mm	Bộ	1.815.000 (vnd)
CG26-800	800 mm	S460xC150xR764 mm	Bộ	1.925.000 (vnd)
CG26-900	900 mm	S460xC150xR864 mm	Bộ	2.035.000 (vnd)



RIMOULA SERIES - Ngăn kéo xoong nồi, bát đĩa Inox hộp

- Mã sản phẩm **CK25-600/700/800/900**
CK26-600/700/800/900
- Tên sản phẩm **Ngăn kéo giá đỡ xoong nồi, bát đĩa**
Inox 304 hộp vách kính cường lực
Dùng lắp mặt ngăn kéo (cánh)

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
Ngăn kéo giá đỡ xoong nồi				
CK25-600	600 mm	S460xC150xR564 mm	Bộ	1.705.000 (vnd)
CK25-700	700 mm	S460xC150xR664 mm	Bộ	1.760.000 (vnd)
CK25-800	800 mm	S460xC150xR764 mm	Bộ	1.815.000 (vnd)
CK25-900	900 mm	S460xC150xR864 mm	Bộ	1.870.000 (vnd)
Ngăn kéo giá đỡ bát đĩa				
CK26-600	600 mm	S460xC150xR564 mm	Bộ	2.145.000 (vnd)
CK26-700	700 mm	S460xC150xR664 mm	Bộ	2.200.000 (vnd)
CK26-800	800 mm	S460xC150xR764 mm	Bộ	2.255.000 (vnd)
CK26-900	900 mm	S460xC150xR864 mm	Bộ	2.310.000 (vnd)



Giá Bát Đĩa Tủ Trên Bowl & Dish Draining Racks



Giá Bát Đĩa Tủ Trên/Bowl & Dish Draining Racks



DISOLA SERIES - Giá úp bát đĩa

- Mã sản phẩm **GB27-700/800/900/1000**
- Tên sản phẩm **Giá úp bát đĩa tủ trên, 2 tầng, có khay hứng nước**
- Chất liệu **Inox 304 sợi tròn**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
GB27-700	700 mm	S270xC137xR664 mm	Bộ	1.650.000 (vnđ)
GB27-800	800 mm	S270xC137xR764 mm	Bộ	1.815.000 (vnđ)
GB27-900	900 mm	S270xC137xR864 mm	Bộ	1.980.000 (vnđ)
GB27-1000	1000 mm	S270xC137xR964 mm	Bộ	2.145.000 (vnđ)



DISOLA SERIES - Giá úp bát đĩa

- Mã sản phẩm **GB28-600/700/800/900/1000**
- Tên sản phẩm **Giá úp bát đĩa tủ trên, 2 tầng, có khay hứng nước**
- Chất liệu **Inox 304 sợi dẹp**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
GB28-600	600 mm	S230xC95xR564 mm	Bộ	715.000 (vnđ)
GB28-700	700 mm	S230xC95xR664 mm	Bộ	770.000 (vnđ)
GB28-800	800 mm	S230xC95xR764 mm	Bộ	825.000 (vnđ)
GB28-900	900 mm	S230xC95xR864 mm	Bộ	880.000 (vnđ)
GB28-1000	1000 mm	S230xC95xR964 mm	Bộ	935.000 (vnđ)



DISOLA SERIES - Giá úp bát đĩa

- Mã sản phẩm **GB30-600/700/800/900**
- Tên sản phẩm **Giá đựng bát đĩa tủ trên, 3 tầng, có khay hứng nước**
- Chất liệu **Inox 304 sợi dẹp**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
GB30-600	600 mm	S230xC95xR564 mm	Bộ	1.010.000 (vnđ)
GB30-700	700 mm	S230xC95xR664 mm	Bộ	1.111.000 (vnđ)
GB30-800	800 mm	S230xC95xR764 mm	Bộ	1.221.000 (vnđ)
GB30-900	900 mm	S230xC95xR864 mm	Bộ	1.331.000 (vnđ)
GB30-1000	1000 mm	S230xC95xR964 mm	Bộ	1.441.000 (vnđ)

Giá Bát Đĩa Tủ Trên/Bowl & Dish Draining Racks



DISOLA SERIES - Giá úp bát đĩa

- Mã sản phẩm **GB29-700/800/900/1000**
- Tên sản phẩm **Giá đựng bát đĩa tủ trên, 2 tầng, có khay hứng nước**
- Chất liệu **Inox 304 sợi tròn**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
GB29-700	700 mm	S230xC137xR664 mm	Bộ	1.650.000 (vnd)
GB29-800	800 mm	S230xC137xR764 mm	Bộ	1.815.000 (vnd)
GB29-900	900 mm	S230xC137xR864 mm	Bộ	1.980.000 (vnd)
GB29-1000	1000 mm	S230xC137xR964 mm	Bộ	2.145.000 (vnd)



MOBIADO SERIES - Kệ di động

- Mã sản phẩm **KD24CI-600/700/800/900**
- Tên sản phẩm **Kệ di động đựng ly cốc, bát đĩa, 2 tầng có khay hứng nước, khay để đĩa, thìa,..**
- Chất liệu **Inox 304 điện hóa**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
KD24CI-600	600 mm	S280xC570xR564 mm	Bộ	5.720.000 (vnd)
KD24CI-700	700 mm	S280xC570xR664 mm	Bộ	5.830.000 (vnd)
KD24CI-800	800 mm	S280xC570xR764 mm	Bộ	5.940.000 (vnd)
KD24CI-900	900 mm	S280xC570xR864 mm	Bộ	6.160.000 (vnd)



MOBIADO SERIES - Kệ di động

- Mã sản phẩm **KD 24E2-800/900**
- Tên sản phẩm **Kệ di động đa năng cảm ứng đựng gia vị, dao thớt**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MOBIADO KD-24E2/800	S270xC664xR764 mm	Bộ	19.800.000 (vnd)
MOBIADO KD-24E2/900	S270xC664xR864 mm	Bộ	20.900.000 (vnd)



Thùng Gạo/Rice Bin Thùng Rác/Waste Bin



Thùng Gạo & Thùng Rác/Rice Bin And Waste Bin



GALITO SERIES - Thùng gạo

- Mã sản phẩm **TGK-260/300**
- Tên sản phẩm **Thùng gạo Inox, mặt kính trắng tráng gương**
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
TGK-260	S450xC650xR258 mm	Bộ	1.925.000 (vnđ)
TGK-300	S450xC650xR298 mm	Bộ	2.090.000 (vnđ)



GALITO SERIES - Thùng gạo

- Mã sản phẩm **TGK-261/301**
- Tên sản phẩm **Thùng gạo Inox, mặt kính đen**
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
TGK-261	S450xC650xR258 mm	Bộ	1.925.000 (vnđ)
TGK-301	S450xC650xR298 mm	Bộ	2.090.000 (vnđ)



GALITO SERIES - Thùng gạo

- Mã sản phẩm **TGK-262**
TGK-302
- Tên sản phẩm **Thùng gạo Inox, mặt kính trắng**
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
TGK-262	S450xC620xR258 mm	Bộ	2.090.000 (vnđ)
TGK-302	S450xC650xR298 mm	Bộ	2.310.000 (vnđ)



GALITO SERIES - Thùng gạo

- Mã sản phẩm **TGK-305**
- Tên sản phẩm **Thùng gạo Inox, có hiển thị trọng lượng mặt kính trắng**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
TGK-305	S450xC650xR298 mm	Bộ	2.310.000 (vnđ)

Thùng Gạo & Thùng Rác/Rice Bin And Waste Bin



GALITO SERIES - Thùng gạo

- Mã sản phẩm **TGK-320**
- Tên sản phẩm **Thùng gạo Inox, 2 ngăn mặt kính trắng**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
TGK-320	S450xC620xR258 mm	Bộ	2.310.000 (vnd)



GALITO SERIES - Thùng gạo

- Mã sản phẩm **TGA-200/250/300/450**
- Tên sản phẩm **Thùng gạo thép sơn tĩnh điện, có hiển thị trọng lượng dùng cho cánh kéo (TGA-200/250)/ cánh mở (TGA-300/450)**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
TGA-200	S470xC560xR150 mm	Bộ	1.540.000 (vnd)
TGA-250	S400xC510xR220 mm	Bộ	1.650.000 (vnd)
TGA-300	S390xC460xR260 mm	Bộ	1.430.000 (vnd)
TGA-450	S410xC560xR390 mm	Bộ	3.410.000 (vnd)



VARIO SERIES - Thùng rác

- Mã sản phẩm **TR-14L**
- Tên sản phẩm **Thùng rác tròn, mở xoay theo cánh**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
TR-14L	Ø330-H325 mm	Bộ	660.000



VARIO SERIES - Thùng rác nhựa

- Mã sản phẩm **TR-21/22(A/B)**
- Tên sản phẩm **Thùng rác nhựa màu trắng, 2 ngăn, mỗi ngăn 14L (A: lắp thùng/ B: lắp cánh)**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
TR-21A	S490xC430xR260 mm	Bộ	1.870.000
TR-21B	S490xC430xR260 mm	Bộ	1.980.000
TR-22A	S490xC330xR350 mm	Bộ	1.870.000
TR-22B	S490xC330xR350 mm	Bộ	1.980.000



Mâm Xoay & Kệ Góc Magic Corner

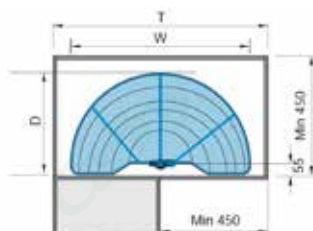
Mâm Xoay & Kệ Góc/Magic Corner



ROBINA MX-180 SERIES - Mâm xoay 1/2

- Mã sản phẩm **MX-180/180D**
- Tên sản phẩm **Mâm xoay 1/2, Inox sợi tròn (MX-180),
Inox sợi dẹt (MX-180D)**
- Đường kính **D = 745 mm**
- Chất liệu **Inox 304 điện hóa**

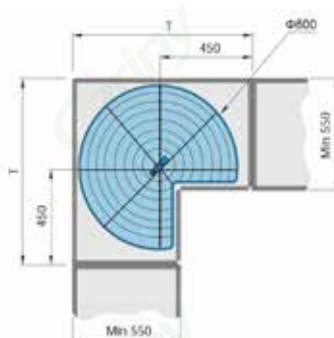
Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MX-180	450mm	(630-800)xØ745 mm	Bộ	1.430.000 (vnd)
MX-180D	450mm	(630-800)xØ745 mm	Bộ	2.090.000 (vnd)



ROBINA MX-270 SERIES - Mâm xoay 3/4

- Mã sản phẩm **MX-270/270D**
- Tên sản phẩm **Mâm xoay 3/4, Inox sợi tròn (MX-270),
Inox sợi dẹt (MX-270D)**
- Đường kính **D = 710 mm**
- Chất liệu **Inox 304 điện hóa**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MX-270	450 mm	(630-780)xØ710 mm	Bộ	1.980.000 (vnd)
MX-270D	450 mm	(630-780)xØ710 mm	Bộ	2.640.000 (vnd)



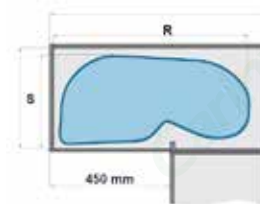
Mâm Xoay & Kệ Góc/Magic Corner



ANGELA SERIES - Kệ góc liên hoàn

- Mã sản phẩm **KG-271**
- Tên sản phẩm **Thiết kế dạng sợi dệt sang trọng phù hợp với mọi gian bếp hiện đại. Cấu tạo gồm có 2 khay các khay di chuyển độc lập với nhau. Sản phẩm phù hợp với để cốc chén, bát đĩa, chai lọ... cho bếp góc chữ L. Đáy rỗ của sản phẩm hoàn thiện có chống trượt, chống trầy xước.**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
KG-271ML/MR	450mm	S468xC(600-730)xR785 mm	Bộ	9.020.000 (vnd)



ANGELA SERIES - Kệ góc liên hoàn

- Mã sản phẩm **KG 272-G/K/I/M/DM**
- Tên sản phẩm **Kệ góc liên hoàn, Inox 304, có giảm chấn G-rổ Inox hộp, K-rổ vách kính, I-rổ Inox sợi, M-rổ đáy Melamine, DM-rổ đáy Melamine chống trượt**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh kéo hướng trái	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
KG-272GL Rổ inox hộp	450 mm	S505xC(610-810) xR820 mm	Bộ	6.490.000 (vnd)
KG-272KL Rổ inox vách kính	450 mm	S505xC(610-810) xR820 mm	Bộ	7.150.000 (vnd)
KG-272IL Rổ inox sợi	450 mm	S505xC(610-810) xR820 mm	Bộ	7.150.000 (vnd)
KG-272ML Rổ đáy melamine	450 mm	S505xC(610-810) xR820 mm	Bộ	7.370.000 (vnd)
KG-272DML Rổ inox đan dệt đáy melamine chống trượt	450 mm	S510xC(620-750) xR860 mm	Bộ	9.020.000 (vnd)



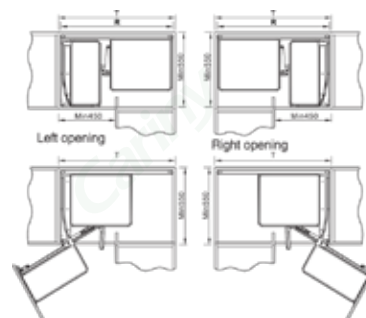
Mâm Xoay & Kệ Góc/Magic Corner



ANGELA SERIES - Kệ góc liên hoàn

- Mã sản phẩm **KG-272VR/L**
- Tên sản phẩm **Kệ góc liên hoàn, sợi Oval sơn Nano Champagne**
- Màu sắc

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
KG-272VR (mở phải)	450 mm	S510xC560xR(860-960) mm	Bộ	5.720.000(vnd)
KG-272VL (mở trái)	450 mm	S510xC560xR(860-960) mm	Bộ	5.720.000 (vnd)



ANGELA SERIES - Kệ góc liên hoàn

- Mã sản phẩm **KG-275M/I**
- Tên sản phẩm **Kệ góc liên hoàn, rổ Inox sợi, đáy Melammin**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
KG-275ML/MR Rổ đáy melamin	450 mm	S460xC590xR670 mm	Bộ	9.020.000 (vnd)
KG-275IL/IR Rổ inox đan dệt	450 mm	S460xC590xR670 mm	Bộ	9.020.000 (vnd)





Tủ Đồ Khô
Storage

Tủ Đồ Khô/Storage



MTK SERIES - Tủ kho

- Mã sản phẩm **MTK 645-G/SS/SD/K/TD/TM**
- Tên sản phẩm **Kệ tủ kho, dự trữ đồ khô, Inox 304, lắp cho cánh mở rộng 450 mm**
- Số tầng/rổ **6 tầng (12 rổ)**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MTK-645G Hệ tủ kho cánh mở, khung sơn tĩnh điện rổ inox hộp	450 mm	S500x(C min 1800) xR385 mm	Bộ	7.480.000 (vnd)
MTK-645SS Hệ tủ kho cánh mở, khung Inox rổ inox sợi tròn	450 mm	S500x(C1950-2100) xR345 mm	Bộ	8.580.000 (vnd)
MTK-645SD Hệ tủ kho cánh mở, khung Inox rổ inox sợi dẹt	450 mm	S500x(C1950-2100) xR345 mm	Bộ	9.680.000 (vnd)
MTK-645K Hệ tủ kho cánh mở, khung sơn tĩnh điện rổ inox hộp vách kính	450 mm	S500x(C min 1800) xR385 mm	Bộ	8.580.000 (vnd)
MTK-645TD Hệ tủ kho cánh mở, khung sơn tĩnh điện, rổ Inox sợi	450 mm	S500x(C1950-2100) xR385 mm	Bộ	10.560.000 (vnd)
MTK-645TM Hệ tủ kho cánh mở, khung sơn tĩnh điện rổ đáy melamin	450 mm	S500x(C1950-2100) xR385 mm	Bộ	10.560.000 (vnd)



MTK SERIES - Tủ kho

- Mã sản phẩm **MTK 660-DM/G/K**
- Tên sản phẩm **Kệ tủ kho, dự trữ đồ khô, Inox 304, lắp cho cánh mở rộng 600 mm**
- Số tầng/rổ **6 tầng (12 rổ)**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MTK-660DM Hệ tủ kho cánh mở, rổ thép sợi dẹt mạ crom, đáy melamin	600 mm	S530xC1950 xR525 mm	Bộ	15.840.000 (vnd)
MTK-660G Hệ tủ kho cánh mở, rổ inox hộp	600 mm	S500xC1840 xR535 mm	Bộ	9.790.000 (vnd)
MTK-660K Hệ tủ kho cánh mở, rổ inox vách kính	600 mm	S500x C1840 xR535 mm	Bộ	10.890.000 (vnd)



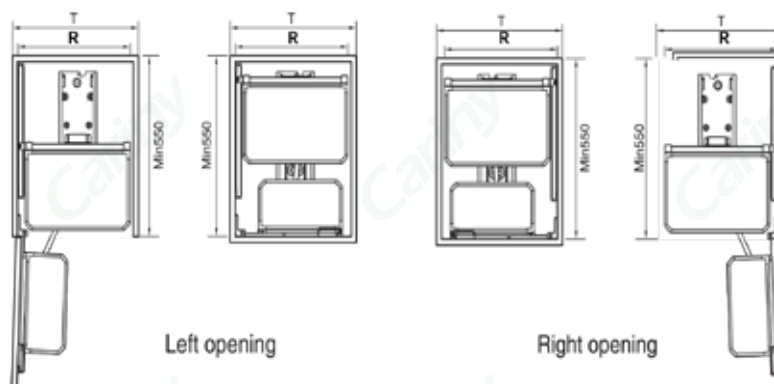
Tủ Đồ Khô/Storage



MTK SERIES - Tủ kho sợi Oval

- Mã sản phẩm **MTK 645V/660V**
- Tên sản phẩm **Kệ tủ kho, dự trữ đồ khô, sợi Oval sơn Nano, lắp cho cánh mở rộng 450 mm(600 mm)**
- Số tầng/rổ **6 tầng (12 rổ)**
- Màu sắc **Champagne**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MTK-645V	450 mm	S500xC1780xR405 mm	Bộ	6.820.000(vnd)
MTK-660V	600 mm	S500xC1780xR555 mm	Bộ	8.250.000 (vnd)



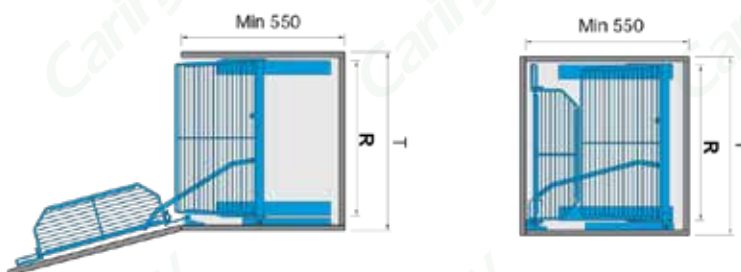
Tủ Đồ Khô/Storage



CH SERIES - Tủ kho

- Mã sản phẩm **CH-2050M**
- Tên sản phẩm **Kệ tủ kho, dự trữ đồ khô, Inox 304, lắp cho cánh mở rộng 500 mm**
- Số tầng/rổ **2 tầng (4 rổ)**

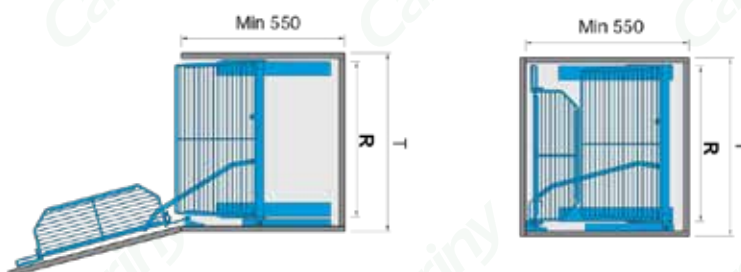
Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CH-2050M	S490x590xR410 mm	Bộ	3.740.000 (vnd)



MTK SERIES - Tủ kho

- Mã sản phẩm **MTK 445-G/K**
- Tên sản phẩm **Kệ tủ kho, dự trữ đồ khô, Inox 304, lắp cho cánh mở rộng 450 mm**
- Số tầng/rổ **4 tầng (8 rổ)**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MTK-445G Hệ tủ kho cánh mở, rổ inox hộp	450 mm	S500x(C min 1400) xR385 mm	Bộ	5.830.000(vnd)
MTK-445K Hệ tủ kho cánh mở, rổ inox vách kính	450 mm	S500x(C min 1400) xR385 mm	Bộ	6.380.000(vnd)



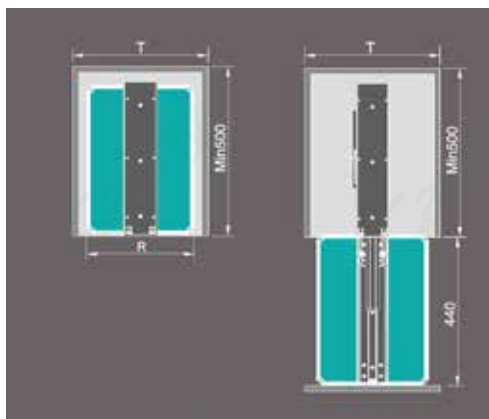
Tủ Đồ Khô/Storage



KTK SERIES - Tủ kho

- Mã sản phẩm **KTK 640SS**
- Tên sản phẩm **Kệ Tủ kho, Inox 304, lắp cho cánh kéo rộng 400 mm**
- Số tầng/rổ **6 tầng (6 rổ)**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
KTK-640SS Hệ tủ kho 6 tầng, cánh kéo, rổ inox sợi	400 mm	S510x(C1950-2100) xR364 mm	Bộ	9.020.000 (vnd)



MTK SERIES - Tủ kho

- Mã sản phẩm **MTK -550WM/560WM**
- Tên sản phẩm **Kệ Tủ kho, vách gỗ, lắp cho cánh mở rộng 500 - 600 mm**
- Số tầng/rổ **5 tầng (5 rổ)**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MTK-550WM Hệ tủ kho cánh mở, rổ vách gỗ, đáy melamin	500mm	S535x(C2020-2320) xR380 mm	Bộ	21.560.000(vnd)
MTK-560WM Hệ tủ kho cánh mở, rổ vách kính, đáy melamin	600mm	S535x(C2020-2320) xR480 mm	Bộ	22.660.000(vnd)





GTK SERIES - Tủ kho

- Mã sản phẩm **GTK 540-HM/WM/SM**
- Tên sản phẩm **Kệ tủ kho, Inox 304 lắp cho cánh kéo xoay rộng 400 mm**
- Số tầng/rổ **5 tầng (5 rổ)**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
GTK-540HM Hệ tủ kho cánh kéo xoay, rổ vách kính, đáy melamin	400 mm	S520x(C2100-2400) xR340 mm	Bộ	26.180.000 (vnd)
GTK-540WM Hệ tủ kho cánh kéo xoay, rổ vách gỗ, đáy melamin	400 mm	S520x(C2100-2400) xR340 mm	Bộ	26.180.000 (vnd)
GTK-540SM Hệ tủ kho cánh kéo xoay, rổ vách inox sợi dệt, đáy melamin	400 mm	S520x(C2100-2400) xR340 mm	Bộ	26.180.000 (vnd)



GTK SERIES - Tủ kho

- Mã sản phẩm **MTK 550KM/560KM**
- Tên sản phẩm **Kệ Tủ kho, Inox 304 lắp cho cánh kéo xoay rộng 500 - 600 mm**
- Số tầng/rổ **5 tầng (5 rổ)**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MTK-550KM Hệ tủ kho cánh mở, rổ vách kính, đáy melamin	500 mm	S535x(C2020-2320) xR380 mm	Bộ	14.850.000 (vnd)
MTK-560KM Hệ tủ kho cánh mở, rổ vách kính, đáy melamin	600 mm	S535x(C2020-2320) xR480 mm	Bộ	15.950.000 (vnd)





Phụ Kiện Tủ Quần Áo Wardrobe Accessories



Phụ Kiện Tủ Quần Áo/Wardrobe Accessories



MARDIO SERIES - Phụ kiện tủ áo

- Mã sản phẩm **WA 301-600/700/800/900**
- Tên sản phẩm **Rổ đựng quần áo, vách kính, ray giảm chấn**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm Size	Giá bán Price
WA301-600	S460xC170xR564mm	1.540.000 (vnd)
WA301-700	S460xC170xR664mm	1.595.000 (vnd)
WA301-800	S460xC170xR764mm	1.650.000 (vnd)
WA301-900	S460xC170xR864mm	1.705.000 (vnd)



MARDIO SERIES - Phụ kiện tủ áo

- Mã sản phẩm **WA 302-600/700/800/900**
- Tên sản phẩm **Rổ đựng quần áo, vách mây nhựa, ray giảm chấn**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm Size	Giá bán Price
WA302-600	S460xC170xR564mm	1.925.000 (vnd)
WA302-700	S460xC170xR664mm	1.980.000 (vnd)
WA302-800	S460xC170xR764mm	2.035.000 (vnd)
WA302-900	S460xC170xR864mm	2.090.000 (vnd)



MARDIO SERIES - Phụ kiện tủ áo

- Mã sản phẩm **WA 303-600/700/800/900**
- Tên sản phẩm **Rổ đựng quần áo, vách thép mạ Chrome, ray giảm chấn**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm Size	Giá bán Price
WA303-600	S460xC170xR564mm	1.650.000 (vnd)
WA303-700	S460xC170xR664mm	1.705.000 (vnd)
WA303-800	S460xC170xR764mm	1.760.000 (vnd)
WA303-900	S460xC170xR864mm	1.815.000 (vnd)

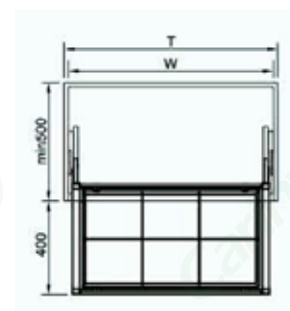
Phụ Kiện Tủ Quần Áo/Wardrobe Accessories



MARDIO SERIES - Phụ kiện tủ áo

- Mã sản phẩm **WA 402-800/900**
- Tên sản phẩm **Rổ đựng quần áo, vách mây nhựa, ray giảm chấn**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm Size	Giá bán Price
WA402-800	S477xC218xR764mm	2.310.000 (vnd)
WA402-900	S477xC218xR864mm	2.365.000 (vnd)



MARDIO SERIES - Phụ kiện tủ áo

- Mã sản phẩm **WA 305-600/700/800/900**
- Tên sản phẩm **Hệ thanh suốt treo quần kèm khay phụ kiện ray giảm chấn**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm Size	Giá bán Price
WA305-600	S460xC170xR564mm	1.540.000 (vnd)
WA305-700	S460xC170xR664mm	1.595.000 (vnd)
WA305-800	S460xC170xR764mm	1.650.000 (vnd)
WA305-900	S460xC170xR864mm	1.705.000 (vnd)



MARDIO SERIES - Phụ kiện tủ áo

- Mã sản phẩm **WA 306-600/700/800/900**
- Tên sản phẩm **Kệ để phụ kiện, cà vạt, thắt lưng, ray giảm chấn**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm Size	Giá bán Price
WA306-600	S460xC170xR564mm	1.430.000 (vnd)
WA306-700	S460xC170xR664mm	1.485.000 (vnd)
WA306-800	S460xC170xR764mm	1.540.000 (vnd)
WA306-900	S460xC170xR864mm	1.595.000 (vnd)

Phụ Kiện Tủ Quần Áo/Wardrobe Accessories



MARDIO SERIES - Phụ kiện tủ áo

- Mã sản phẩm **WA 314**
- Tên sản phẩm **Giá treo quần dài đa năng, lắp vách tủ, kèm khay phụ kiện, ray giảm chấn**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm Size	Giá bán Price
WA-314	S460xC220xR360mm	1.089.000 (vnd)



MARDIO SERIES - Phụ kiện tủ áo

- Mã sản phẩm **WA 313**
- Tên sản phẩm **Móc treo quần áo đa năng, lắp vách tủ, ray giảm chấn**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm Size	Giá bán Price
WA-313	S460xC135xR120mm	660.000 (vnd)



MARDIO SERIES - Phụ kiện tủ áo

- Mã sản phẩm **WA 319A/B**
- Tên sản phẩm **Móc treo cà vạt, thắt lưng đa năng(trái,phải), lắp vách tủ, ray giảm chấn**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm Size	Giá bán Price
WA319 - A/B	S460xC70xR140mm	462.000 (vnd)





MARDIO SERIES - Phụ kiện tủ áo

- Mã sản phẩm **WA 320A/B**
- Tên sản phẩm **Móc treo cà vạt, thắt lưng đa năng, lắp vách tủ ray giảm chấn**

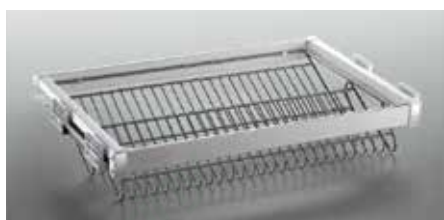
Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA 320-A/B	S460xC70xR140mm	462.000 (vnd)



MARDIO SERIES - Phụ kiện tủ áo

- Mã sản phẩm **WA 307-800/900**
- Tên sản phẩm **Kệ để giày dép, ray giảm chấn**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm Size	Giá bán Price
WA307-800	S460xC170xR764mm	1.430.000 (vnd)
WA307-900	S460xC170xR864mm	1.485.000 (vnd)





MARDIO SERIES - Phụ kiện tủ áo

- Mã sản phẩm **WA 304-600/700/800/900**
- Tên sản phẩm **Hệ thanh suốt treo quần dài, ray giảm chấn**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm Size	Giá bán Price
WA 304-600	S460xC60xR564mm	1.034.000 (vnd)
WA 304-700	S460xC60xR664mm	1.078.000 (vnd)
WA 304-800	S460xC60xR764mm	1.122.000 (vnd)
WA 304/900	S460xC60xR864mm	1.166.000 (vnd)



MARDIO SERIES - Phụ kiện tủ áo

- Mã sản phẩm **WA 311**
- Tên sản phẩm **Móc treo quần đôi, lắp trần tủ, ray giảm chấn**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm Size	Giá bán Price
WA-311	S460xC135xR650mm	1.430.000 (vnd)





MARDIO SERIES - Phụ kiện tủ áo

- Mã sản phẩm **WA 312**
- Tên sản phẩm **Móc treo quần đơn lắp trần tủ, ray giảm chấn**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm Size	Giá bán Price
WA-312	S460xC135xR360mm	979.000 (vnd)



MARDIO SERIES - Phụ kiện tủ áo

- Mã sản phẩm **WA 308**
- Tên sản phẩm **Kệ xếp quần áo 3 tầng, vách kính, ray giảm chấn**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm Size	Giá bán Price
WA-308	S460xC960xR330mm	2.145.000 (vnd)

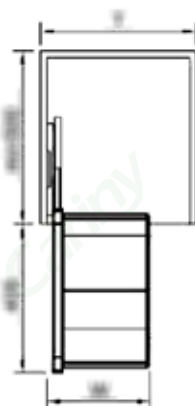




MARDIO SERIES - Phụ kiện tủ áo

- Mã sản phẩm **WA 309**
- Tên sản phẩm **Kệ xếp quần áo 3 tầng, vách mây nhựa, ray giảm chấn**

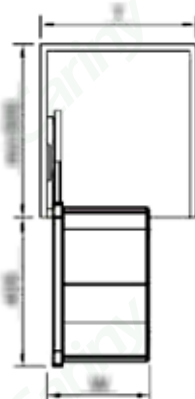
Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm Size	Giá bán Price
WA-309	S460xC960xR325mm	2.585.000 (vnd)



MARDIO SERIES - Phụ kiện tủ áo

- Mã sản phẩm **WA 310**
- Tên sản phẩm **Kệ xếp quần áo 3 tầng, vách thép mạ Chrome ray giảm chấn**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Giá bán Price
WA-310	S460xC960xR325mm	2.365.000 (vnd)

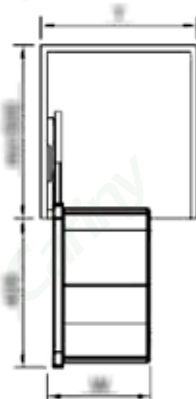




MARDIO SERIES - Phụ kiện tủ áo

- Mã sản phẩm **WA 410**
- Tên sản phẩm **Kệ xếp quần áo 4 tầng, thép mạ Chrome ray giảm chấn**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm Size	Giá bán Price
WA-410	S478xC971xR305mm	2.475.000 (vnd)



MARDIO SERIES - Phụ kiện tủ áo

- Mã sản phẩm **WA - 226**
- Tên sản phẩm **Cầu bàn là, gỗ (có xoay)**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm Size	Giá bán Price
WA-226		2.150.000 (vnd)



MARDIO SERIES - Phụ kiện tủ áo

- Mã sản phẩm **WA 224G**
- Tên sản phẩm **Cầu bàn là, gỗ (không xoay)**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm Size	Giá bán Price
WA-224G		1.320.000 (vnd)



MARDIO SERIES - Phụ kiện tủ áo

- Mã sản phẩm **WA 504-A/B**
- Tên sản phẩm **Móc treo quần áo di động, Inox**

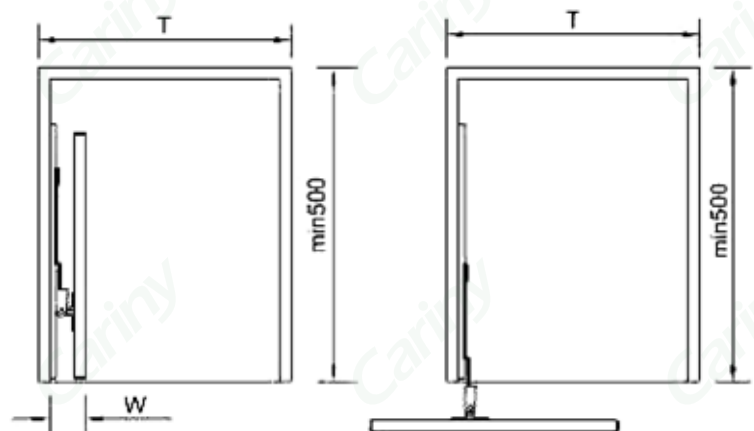
Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm Size	Giá bán Price
WA-504A	R800 - 1000mm	1.650.000 (vnd)
WA-504B	R900 - 1000mm	1.760.000 (vnd)

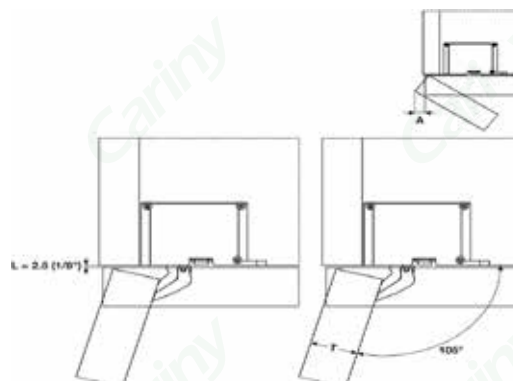


MARDIO SERIES - Phụ kiện tủ áo

- Mã sản phẩm **WA 224A**
- Tên sản phẩm **Gương xoay lắp vách**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm Size	Giá bán Price
WA-224A	S40 x C1200 x R400mm	1.375.000 (vnd)

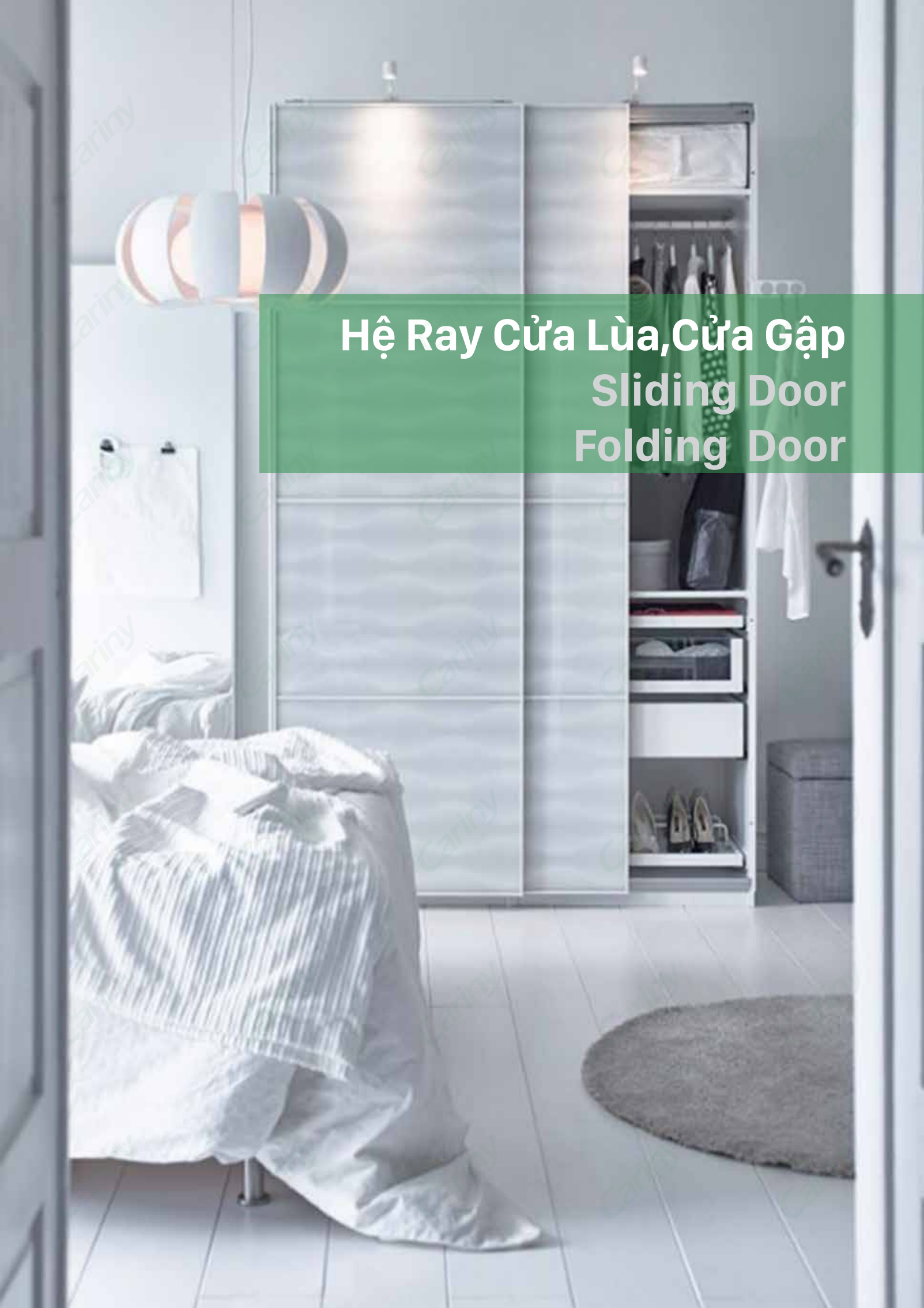




Mã sản phẩm Code	Mô tả sản phẩm Description	Giá bán Price
CEL6XE6XXV	Bản lề góc, có giảm chấn, dùng chung với profile nhôm, sử dụng cho ván dày tối thiểu 18mm, kích thước cánh cửa tối đa 600x2100 mm (chỉ sử dụng 1 bản lề trên và 1 bản lề dưới/1 cánh), góc mở 105°	1.650.000 (vnd)
DEL6BSFV02	Ke góc	165.000 (vnd)
KK-601	Profile nhôm dùng chung với bản lề góc, dùng cho kính 5 mm, thanh 3m, không tay nắm, màu xám	990.000 (vnd)
KK-602	Profile nhôm dùng chung với bản lề góc, dùng cho kính 5 mm, thanh 3m, có tay nắm, màu xám	990.000 (vnd)
KK-701	Profile nhôm dùng chung với bản lề góc, dùng cho kính 5 mm, thanh 3m, không tay nắm, màu đen	1.150.000 (vnd)
KK-702	Profile nhôm dùng chung với bản lề góc, dùng cho kính 5 mm, thanh 3m, có tay nắm, màu đen	1.150.000 (vnd)

Hệ Tủ Áo Kính/Glass Wardrobe System





Hệ Ray Cửa Lùa, Cửa Gập Sliding Door Folding Door



CWA SERIES - Bánh xe cửa lùa

- Mã sản phẩm **CWA-201**
- Tên sản phẩm **Ray trượt cửa lùa thường không tăng chỉnh sử dụng 02 dẫn hướng bên trên và 02 bánh xe bên dưới, 2 bánh xe/bộ/cánh, ray đi kèm UD22/UD33**
- Độ dày ván **Tối thiểu 18 mm**
- Màu sắc **Trắng**
- Tải trọng cánh **30 kg**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Giá bán/bộ/cánh Price
CWA - 201	Bộ bánh xe cửa lùa thường không tăng chỉnh	137.500 (vnd)
UD-22/33	Thanh ray dùng cho bánh xe cửa lùa dài 2m/3 m	44.000 (vnd/md)



CWA SERIES - Bánh xe cửa lùa

- Mã sản phẩm **CWA-202**
- Tên sản phẩm **Ray trượt cửa lùa có tăng chỉnh độ cao, sử dụng 02 dẫn hướng bên trên và 02 bánh xe bên dưới, 2 bánh xe/bộ, ray trên/ray/cánh dưới dùng UD22/UD33**
- Độ dày ván **Tối thiểu 18 mm**
- Màu sắc **Cam (không giảm chấn)**
- Tải trọng cánh **30 kg**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Giá bán/bộ/cánh Price
CWA - 202	Bộ bánh xe cửa lùa có tăng chỉnh độ cao	159.000 (vnd)
UD-22/33	Thanh ray dùng cho bánh xe cửa lùa dài 2m/3 m	44.000 (vnd/md)

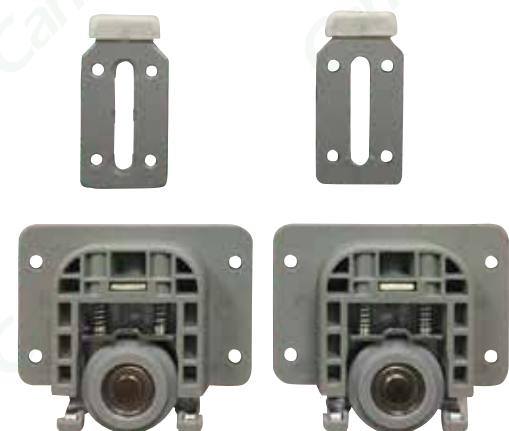


Hệ Ray Cửa Lùa/Sliding Door

CWA SERIES - Bánh xe cửa lùa

- Mã sản phẩm **CWA-203**
- Tên sản phẩm **Ray trượt cửa lùa có tăng chỉnh độ cao ($\pm 6\text{mm}$) sử dụng 02 dẫn hướng bên trên và 02 bánh xe bên dưới bằng nhựa, 2 bánh xe/bộ/cánh, ray trên dùng UD22/UD33, ray dưới dùng UD72/UD73**
- Độ dày ván **Tối thiểu 18 mm**
- Tải trọng cánh **30 kg**

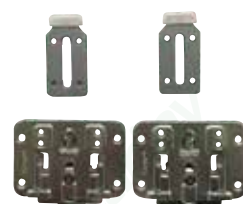
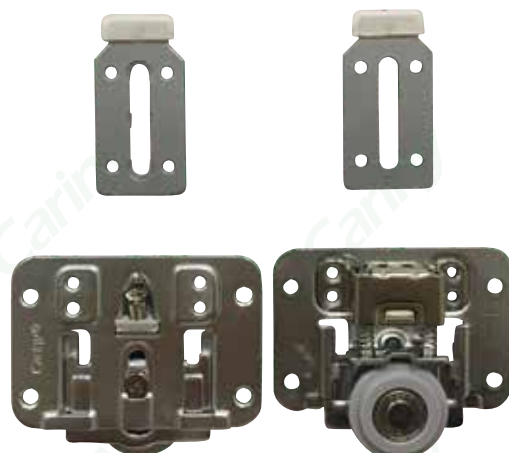
Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Giá bán/bộ/cánh Price
CWA - 203	Bộ bánh xe cửa lùa có tăng chỉnh độ cao ($\pm 6\text{mm}$)	176.000 (vnđ)
UD-22/33	Thanh ray dùng cho bánh xe cửa lùa dài 2m/3 m	44.000 (vnđ/md)
UD-72/73		55.000 (vnđ/md)



CWA SERIES - Bánh xe cửa lùa

- Mã sản phẩm **CWA-204**
- Tên sản phẩm **Ray trượt cửa lùa thép mạ kẽm có tăng chỉnh độ cao ($\pm 6\text{mm}$), sử dụng 02 dẫn hướng bên trên và 02 bánh xe bên dưới bằng thép mạ kẽm, 2 bánh xe/bộ/cánh ray trên dùng UD22/UD33, ray dưới dùng UD72/UD73**
- Độ dày ván **Tối thiểu 18 mm**
- Tải trọng cánh **40-50 kg**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Giá bán/bộ/cánh Price
CWA - 204	Bộ bánh xe cửa lùa thép mạ kẽm có tăng chỉnh ($\pm 6\text{mm}$)	198.000 (vnđ)
UD-22/33	Thanh ray dùng cho bánh xe cửa lùa dài 2m/3 m	44.000 (vnđ/md)
UD-72/73		55.000 (vnđ/md)



Hệ Ray Cửa Lùa/Sliding Door

CWA SERIES - Bánh xe cửa lùa



- Mã sản phẩm **CWA-205**
- Tên sản phẩm **Bộ bánh xe cửa lùa có tăng chỉnh độ cao(±6mm) hệ hai bánh xe trên bằng nhựa, bánh xe dưới bằng thép mạ kẽm, 4 bánh xe/bộ/cánh, ray trên /ray dưới dùng UD72/UD73**
- Độ dày ván **Tối thiểu 15 mm**
- Tải trọng cánh **50 kg**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Giá bán/bộ/cánh Price
CWA - 205	Bộ bánh xe cửa lùa có tăng chỉnh độ cao (±6mm)	352.000 (vnd)
UD-72/73	Thanh ray dùng cho bánh xe cửa lùa dài 2m/3 m	55.000 (vnd/md)



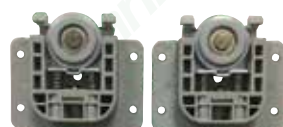
UD-62/63



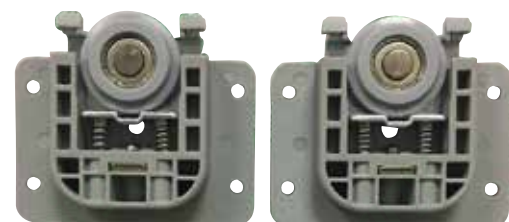
UD-22/33



UD-72/73



CWA SERIES - Bánh xe cửa lùa



- Mã sản phẩm **CWA-206**
- Tên sản phẩm **Bộ bánh xe cửa lùa có giảm chấn, có tăng chỉnh độ cao (±6mm), hệ hai bánh xe trên bằng nhựa, bánh xe dưới bằng thép mạ kẽm, 4 bánh xe/bộ/cánh, ray trên dùng UD62/63, ray dưới dùng UD72/UD73**
- Chất liệu **Bánh trên bằng nhựa, bánh dưới bằng thép mạ kẽm**
- Độ dày ván **Cánh gỗ dày từ 15 - 20 mm, cánh nhôm dày tối đa 30 mm. Chiều rộng cánh tối thiểu 500 mm, tối đa 1200 mm, chiều cao cánh tối đa 2500 mm**
- Tải trọng cánh **50 kg**

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Giá bán/bộ/cánh Price
CWA - 206	Bộ bánh xe cửa lùa có tăng chỉnh độ cao (±6mm)	475.000 (vnd)
UD-62/63	Thanh ray dùng cho bánh xe cửa lùa dài 2m/3 m	88.000 (vnd/md)
UD-72/73		55.000 (vnd/md)



UD-62/63



UD-22/33



UD-72/73



Hệ Ray Cửa Gập/Folding Door



FDA SERIES - Bánh xe cửa gấp

- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm
- Lắp đặt
- Giảm chấn
- Tải trọng cánh

FDA-902

Bộ ray cửa gấp 2 cánh/ 4 cánh, gấp, trượt tự do
Cánh phủ ngoài không dùng bản lề
Có giảm chấn
20 kg (độ dày ván tối thiểu 16 mm,
cánh tủ rộng từ 300-600 mm))

Mã sản phẩm Code	Mô tả Description	Giá bán/bộ/cánh Price
FDA-902	Bộ ray cửa gấp 2 cánh/ 4 cánh	1.155.000 (vnd)

Accessories

Accessories	Qty	Accessories	Qty
Left upper roller	1	Right upper roller	1
Left down roller	1	Right down roller	1
Plastic hinge	1	Plastic hinge plate	1
Roller Spacer	1	Damper	2
Down Allen key	1	3/16" x 16" Round screw	10

Installation Dimension:
Single door width: 300 - 600mm;
Single door loading capacity: 20kgs; Single door thickness: ≥ 16mm
Door height h = H2 + H + 55
H = Door's height - top panel's height

Door width W = $\frac{L-2n}{4}$ n=door's quantity
Side panel F = 18mm

3. Separate the rollers.

4. Install accessories.

5. Drill holes of dia 5 for upper & down rail.

6. Install upper down rail and accessories (mind the accessories direction).

7. Fix upper rail and down rail.

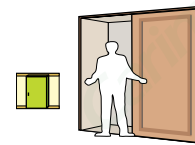
8. Install door and tighten screws.

9. Lock down roller.

10. Door adjustment.

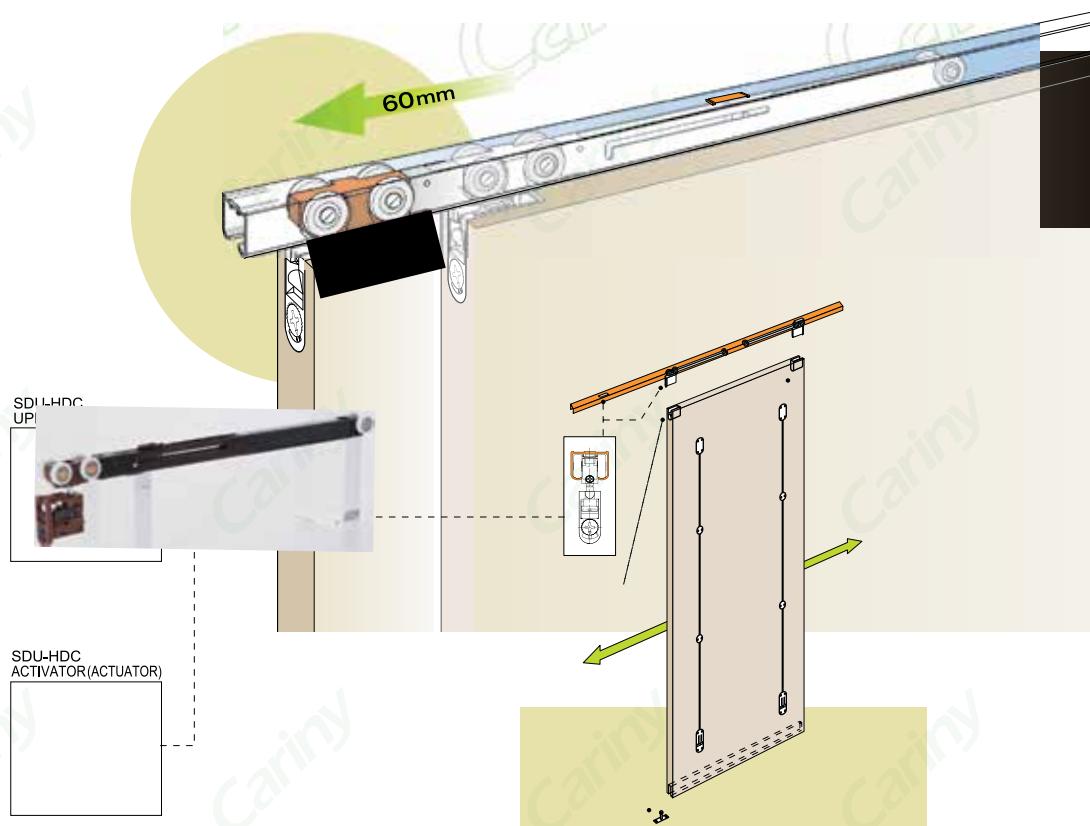
11. Install dampers.

SLIDING SDU-HDC



Soft Closing Function designed for ordinally shaped Upper Rail.

Enable to add the Soft Closing Function on premounted standard door.



SDU-HDC

Inlay

Upper Hang

MAX. Load : 30Kg

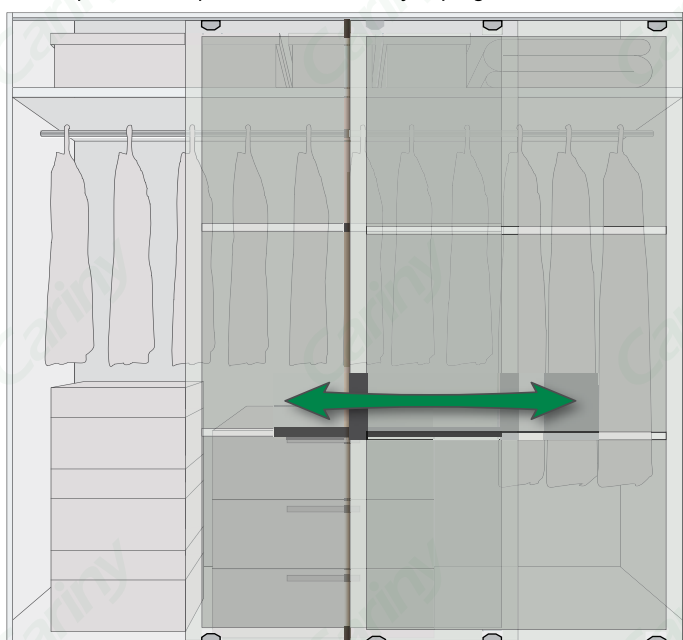
Thickness : 26mm +

Upper Side-edge

SLIDING SRT-2 Practical and Durable



Designed shallow for thin door panel. Exceptional in durability, stability, and smoothness. Easier adjustment with visual gauge. Y-shaped runner prevent doors from jumping off track.



SDR-1 UPPER RAIL 628... L		
SRT-2 BOTTOM RAIL Y-shape 613... L		
UPPER GUIDE 5545400		
SLIDE ROLLER 5545500C		
UPPER STOPPER for SDR-1 UPPER RAIL 554311		
RAIL-END CAP for SRT-2 BOTTOM RAIL 554569		
BOTTOM STOPPER W/ BRAKE 554903		

※L= Rail Length (mm)

Inlay

Bottom Load

MAX. Load : 30Kg

Thickness : 20mm +

Backside Mount

Hệ Ray Lùa Murakoshi-Nhật Bản/Folding Door

Bi-FOLDING FDO-3

Accurate Door Support

Feel the smoothness and silence even with large-sized doors.
"No use of bottom track" enables easier use of castered-containers, such as PC-workstation, or "barrier-free closet".

SDU-1 UPPER RAIL



FDO-6 UPPER ROLLER



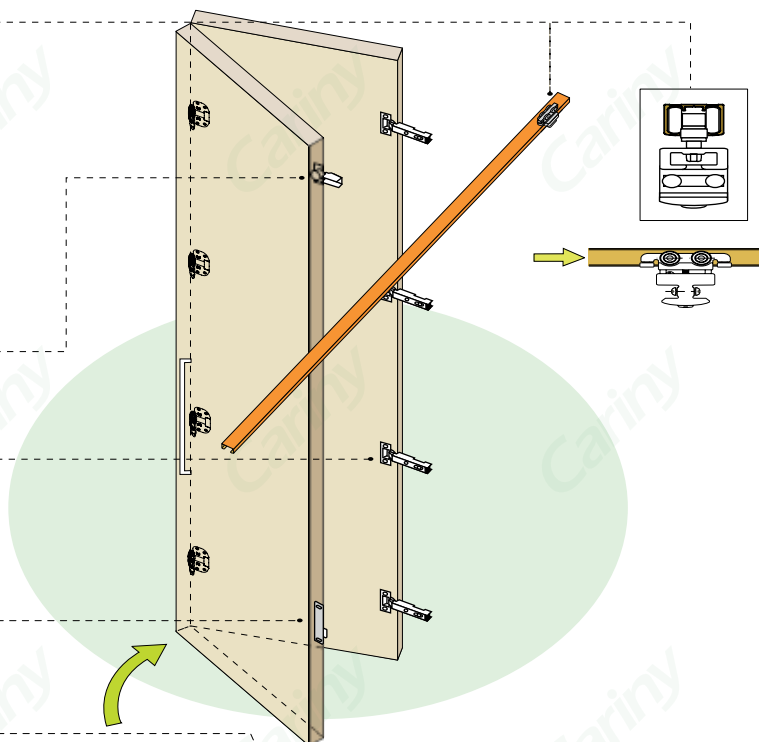
FDO-6 SUSPENSION HING



AXLE HINGE (w/o CATCH) MOUNTING PLATE



ANTI-SWING CLUTCH for Non-rail



FDO
-3

Overlay

Upper
Hang

Fixed

MAX.
Load
: 30Kg

Thickness
: 16mm +

Backside
Mount

Bi-FOLDING FDP

Simple, Practical, Economical

Best way of Bi-folding Doors. Simple Design.

FDP-1 RAIL



AXLE PIVOT BASE(N)



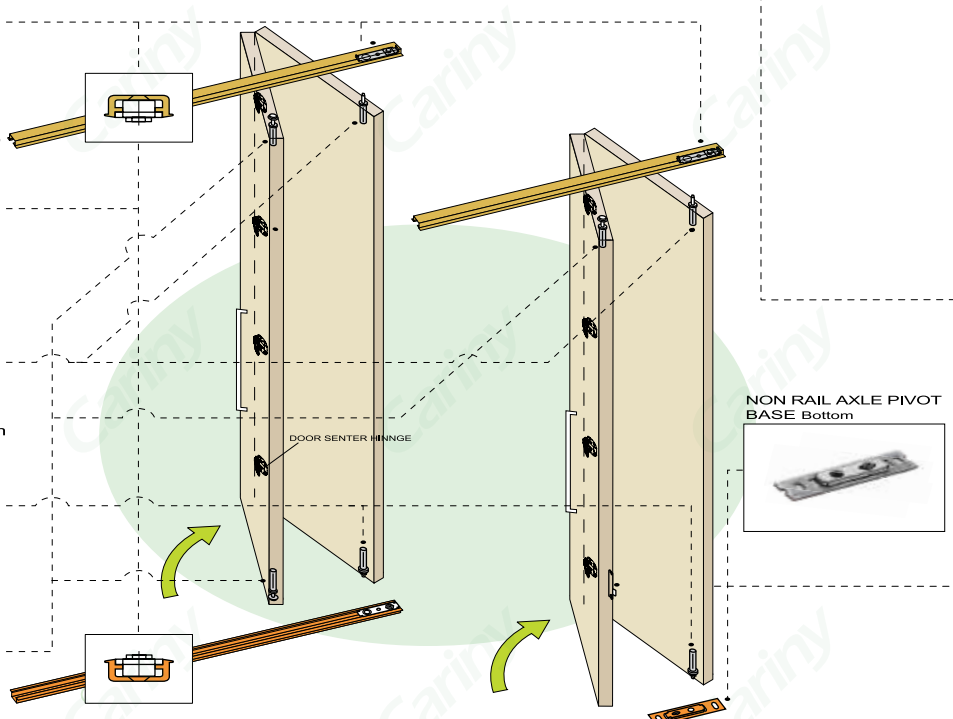
AXLE PIVOT(N) Upper



AXLE PIVOT(N) Bottom



AXLE PIVOT(L34) Common use



NON RAIL AXLE PIVOT BASE Bottom



FDP

Inlay

Bottom
Load

Fixed

MAX.
Load
: 20Kg

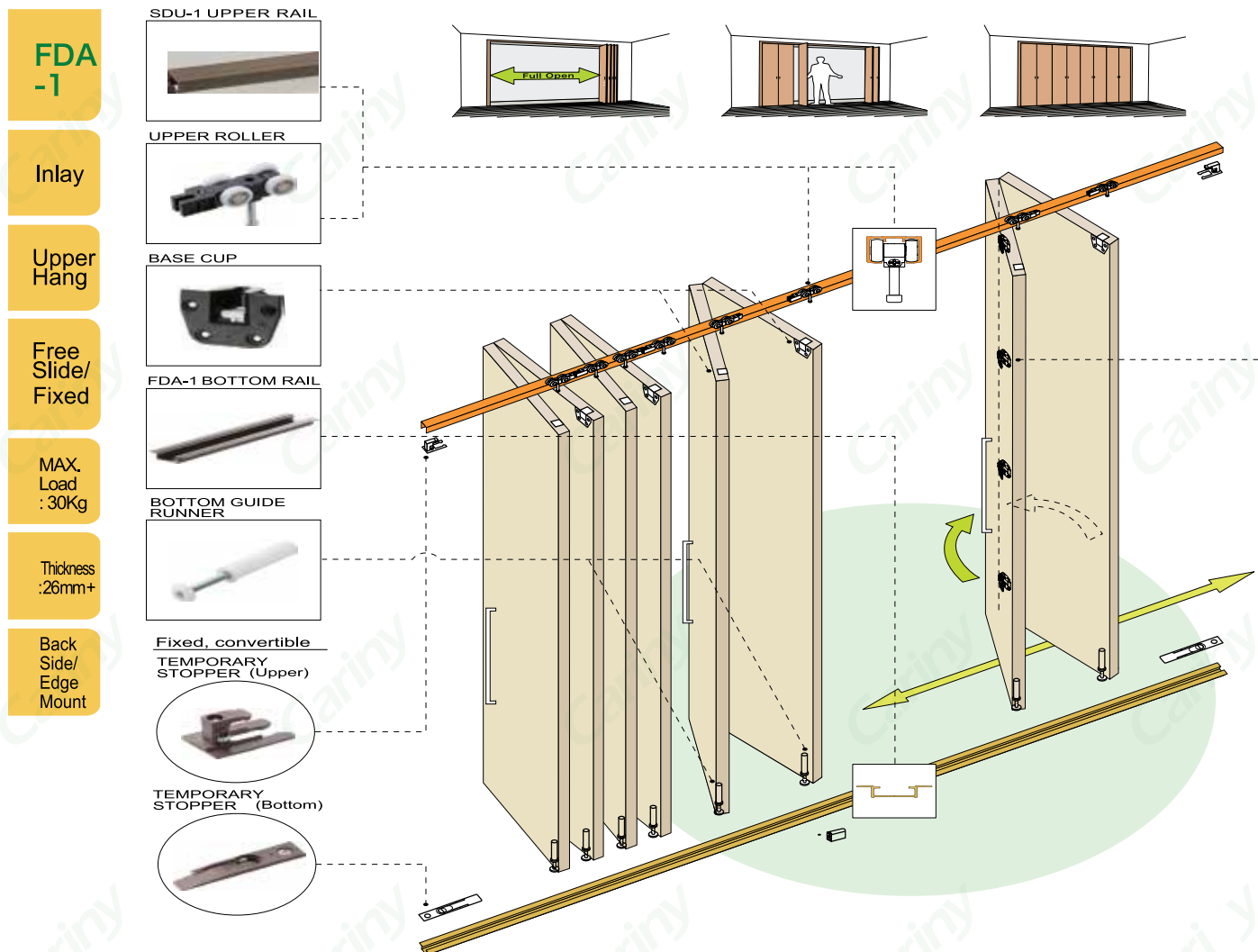
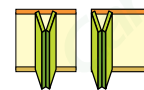
Thickness
: 20mm +

Top/
Bottom
Edge
Mount

Bi-FOLDING FDA-1

Quick Installation, Smooth Performance

Durable design, practical installation and smooth operation. One-step installation. Barrier free applicable.

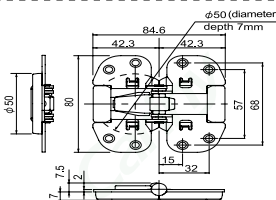


Bi-FOLDING DOOR HINGE

'Twin Stopper' Stops Folding in Middle range for Smoother Sliding

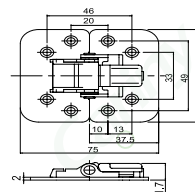
Stops at 37° to keep bi-folding door in 'triangle' shape. Perfect for small rooms and narrow spaces.

FE -B (In-lay)

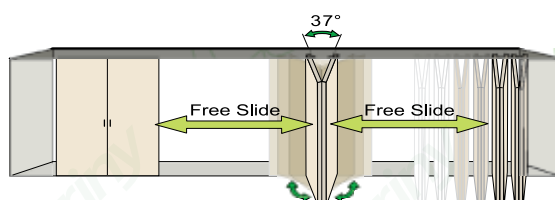


- Coil Spring with twin Stopper
- Flat-head $\phi 3.5$ T.P.
Material : Steel
Finish : Black
Package : 150pcs / ctn

FE



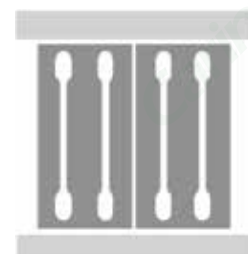
- Coil Spring with twin Stopper (Direct Mount)
- Flat-head $\phi 3.5$ T.P.
Material : Steel
Finish : Black
Package : 150pcs / ctn



Thickness : 20 mm +
Backside Mount

WARDROBE Functional Hardware

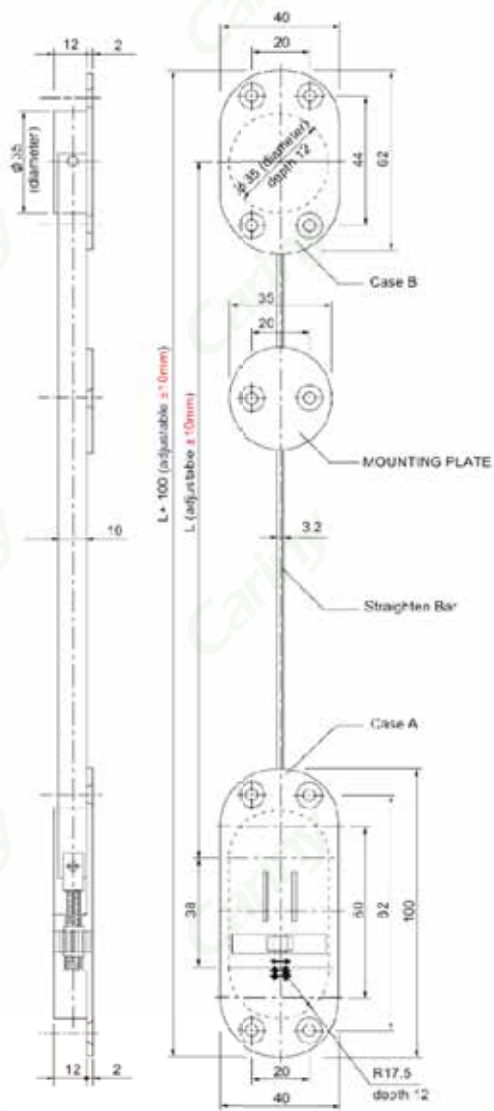
ANTI-BEND 3A



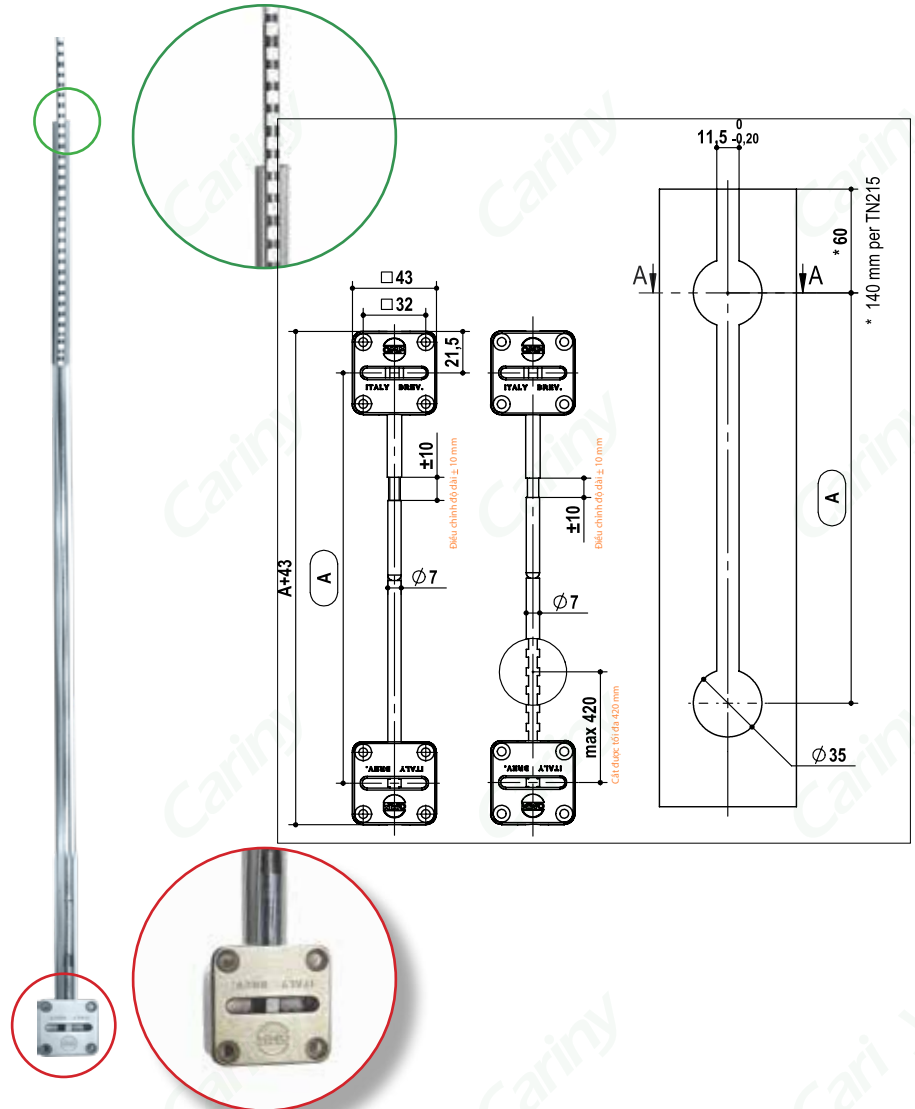
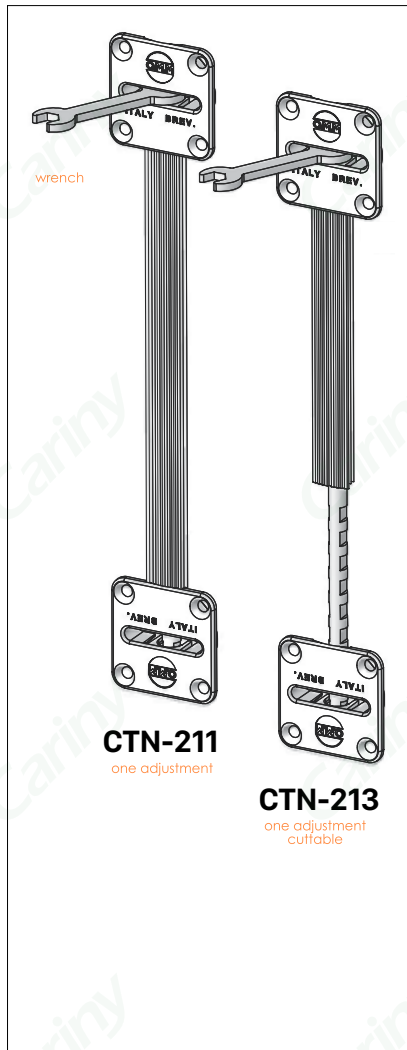
Neat Finish and Stability for Better for Better Slide

Prevent doors from bending

Suggested for high/wide door panels.

DESCRIPTION			
ANTI-BEND 3A		SCALE	
			
NAME	CODE	L-scale	Suggested Height
L1710	5538176A	1.700	2.000mm +
L2000	5538206A	1.990	2.200mm +
ANTI-BEND 3A [material] Steel, ZDC, Plastic [finish] Black Coating [package] 20pcs/ctn			

CARINY OMM ANTI-BEND

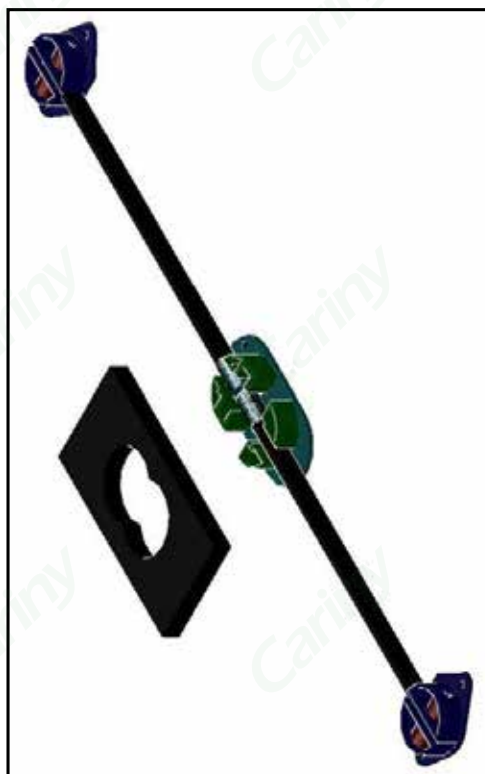
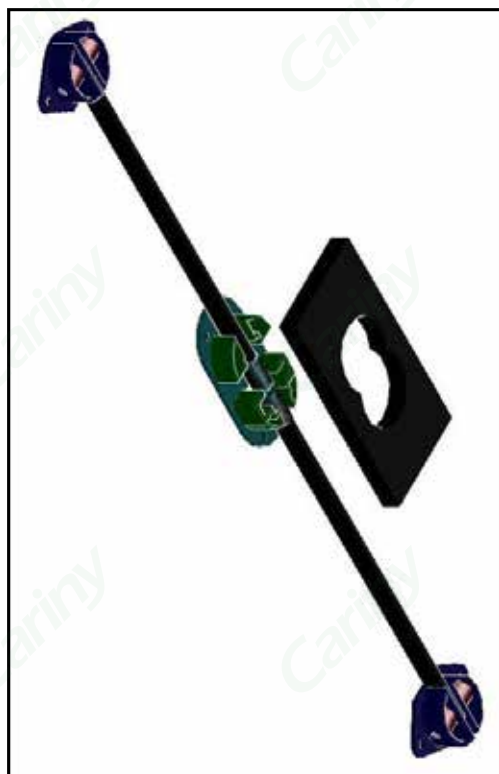


Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Dung sai Adjustment	Giá bán Price
CTN-211	1740 mm	Mạ nikel	10mm	250.000 (vnđ)
	2040 mm			270.000 (vnđ)
CTN-213	1740 mm	Mạ Nikel	10mm	265.000 (vnđ)
	2040 mm			285.000 (vnđ)

Thanh chống cong dạng tròn bằng thép , tăng khả năng chịu lực & khả năng chống cong cánh cửa.

- Dễ dàng tăng chỉnh với 2 vị trí : trên mặt và phía trên cánh cửa bằng lục giác.
- Thanh chống cong OMM CTN 213-2040mm có thể cắt được theo nhu cầu thi công của khách hàng (tối đa 420 mm)
- Độ dày gỗ tối thiểu 16 mm
- OMM có ốp che thanh chống cong sẽ có tính chất trang trí & thẩm mỹ cao trên bề mặt sản phẩm hoàn thiện.

Thanh Chống Cong/Antibend



Name	Giá	L-Scale	Suggested Height
ATB-1500	220.000	1500 mm	
ATB-1700	235.000	1700 mm	
ATB-2000	250.000	2000 mm	

Tay Nắm Handles



Tay Nắm/Handles



CZ-014

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 014-192N	192	Zinc alloy	Matte chrome	169.000(vnd)
CZ 014-192C	192	Zinc alloy	Matte chrome	169.000(vnd)



CZ-2389

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 2389 -128	128 mm	Zinc alloy	Polished chrome	145.000 (vnd)
CZ 2389 -160	160 mm	Zinc alloy	Polished chrome	171.000 (vnd)
CZ 2389 -192	192 mm	Zinc alloy	Polished chrome	219.000 (vnd)



CZ-136

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 136-160	160 mm	Zinc alloy	Matte nikel	249.000 (vnd)



CZ-2414

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 2414-128	128 mm	Zinc alloy	Matte nikel	115.000 (vnd)
CZ 2414-190	160 mm	Zinc alloy	Matte nikel	129.000 (vnd)



CZ SERIES

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 183-16	16 mm	Zinc alloy	Polished chrome	129.000 (vnd)



CZ SERIES

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 108-36	36 mm	Zinc alloy	Polished chrome	59.000 (vnd)



CZ SERIES

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 070-160	160mm	Zinc alloy	Polished chrome	129.000(vnd)



CZ SERIES

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 236-16	16mm	Zinc alloy	Polished chrome	89.000 (vnd)
CZ 236-160	160mm	Zinc alloy	Polished chrome	119.000 (vnd)

Tay Nắm/Handles



CZ SERIES

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 2936-160	160 mm	Zinc alloy	Matte chrome	214.500 (vnđ)
CZ 2936-96	96 mm	Zinc alloy	Matte chrome	195.000 (vnđ)



CZ SERIES

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 2168- 96	96mm	Zinc alloy	Polished chrome	121.000 (vnđ)
CZ 2168-128	128mm	Zinc alloy	Stainless steel finish	145.200 (vnđ)
CZ 2168-160	160mm	Zinc alloy	Mat chrome	152.900 (vnđ)



CZ SERIES

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 312-192	192mm	Zinc alloy	Mat chrome Mat nickel + Lack	130.900 (vnđ)



CZ SERIES

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 193-128	128mm	Zinc alloy	Polished chrome	119.000(vnđ)
CZ 193-160	160mm	Zinc alloy	Polished chrome	119.000 (vnđ)

Tay Nắm/Handles



CZ SERIES

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 305-128	128mm	Zinc alloy	Polished chrome	101.200 (vnd)
CZ 305-160	160mm	Zinc alloy	Polished chrome	101.200 (vnd)
CZ 305-288	288mm	Zinc alloy	Polished chrome	167.200 (vnd)



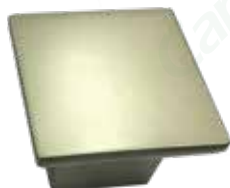
CZ SERIES

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 839		Zinc alloy	Matte chrome Mat bronze	59.000 (vnd)



CZ-2786

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 2786	172mm	Metal	Polished chrome Mat chrome Mat nickel+lack	66.000 (vnd)



CZ-2324

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
CZ 2324-16	16mm	Zinc alloy	Mat chrome Mate nickel+lacquer Stainless steel finish	77.000 (vnd)

Tay Nắm/Handles



HGA-05

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
HGA05-128	128mm	Zinc alloy	Matte chrome	77.000 (vnd)
HGA05-160	160mm	Zinc alloy	Matte chrome	82.500 (vnd)
HGA05-192	192mm	Zinc alloy	Matte chrome	88.000 (vnd)
HGA05-224	224mm	Zinc alloy	Matte chrome	93.500 (vnd)



HGA-06

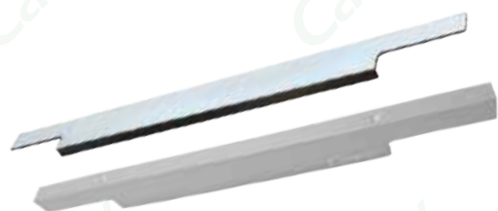
Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
HGA06-128	128mm	Zinc alloy	Matte chrome	104.500 (vnd)
HGA06-160	160mm	Zinc alloy	Matte chrome	110.000 (vnd)
HGA06-192	192mm	Zinc alloy	Matte chrome	115.500 (vnd)
HGA06-224	224mm	Zinc alloy	Matte chrome	121.000 (vnd)



HGA-07

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
HG 007-96	96mm	Zinc alloy	Matte chrome	27.500 (vnd)
HG 007-128	128mm	Zinc alloy	Matte chrome	33.000 (vnd)
HG 007-160	160mm	Zinc alloy	Matte chrome	38.500 (vnd)
HG 007-192	192mm	Zinc alloy	Matte chrome	44.000 (vnd)
HG 007-224	224mm	Zinc alloy	Matte chrome	49.500 (vnd)

Tay Nắm/Handles



HF-06

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
HF06-250, 300	250mm-300	Zinc alloy		192.500 (vnd)
HF06-350	350mm	Zinc alloy		220.500 (vnd)
HF06-400	400mm	Zinc alloy		247.000 (vnd)
HF06-450	450mm	Zinc alloy		275.000 (vnd)
HF06-500	500mm	Zinc alloy		302.500 (vnd)
HF06-600	600mm	Zinc alloy		330.000 (vnd)
HF06-700	700mm	Zinc alloy		357.500 (vnd)
HF06-800	800mm	Zinc alloy		385.000 (vnd)
HF06-900	900mm	Zinc alloy		412.500 (vnd)
HF06-1000	1000mm	Zinc alloy		440.000 (vnd)



HGA-10

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
HGA10-128	128mm	Zinc alloy		104.500 (vnd)
HGA10-160	160mm	Zinc alloy		110.000 (vnd)
HGA10-192	192mm	Zinc alloy		115.500 (vnd)
HGA10-224	224mm	Zinc alloy		121.000 (vnd)



HG-439

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Hoàn thiện	Giá bán Price
HG439-297	297 mm	Zinc alloy		192.500 (vnd)
HG439-589	589 mm	Zinc alloy		330.000 (vnd)

Tay Nắm/Handles

TA 181B

- Tay nắm bắt vít, không đầu bịt màu bạc sử dụng cho ván 18 mm

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Đơn vị tính	Giá bán Price
TA 181B	3000 mm	Nhôm	Thanh	330.000 (vnđ)

TA 181BB

- Tay nắm bắt vít, có đầu bịt màu bạc sử dụng cho ván 18 mm

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Đơn vị tính	Giá bán Price
TA 181BB	3000 mm	Nhôm	Thanh	396.000 (vnđ)
DB-series	-	Nhựa	Chiếc	7.700(vnđ)

TA 183 SERIES

Mã sản phẩm **TA 183B**
TA 183C

- Tay nắm âm soi rãnh 1,5mm, không đầu bịt sử dụng cho ván 18 mm
(B: Màu bạc/ C: Màu chrome)

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Đơn vị tính	Giá bán Price
TA 183B	3000 mm	Nhôm	Thanh	495.000 (vnđ)
TA 183C	3000 mm	Nhôm	Thanh	495.000 (vnđ)

TA 191

- Tay nắm âm soi rãnh 1,5mm, có đầu bịt màu bạc sử dụng cho ván 18-19 mm

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Đơn vị tính	Giá bán Price
TA 191BB	3000 mm	Nhôm	Thanh	495.000 (vnđ)
DB-series	-	Nhựa	Chiếc	7.700(vnđ)

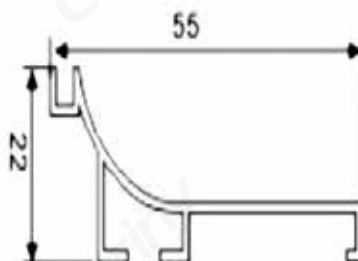
Tay Nắm/Handles

HGA-9106



- Tay nắm nhôm định hình chữ J (màu ghi bạc và màu titan), thanh dài 3m có đệm nhựa

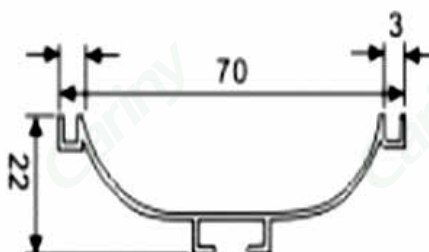
Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Đơn vị tính	Giá bán Price
HGA-9106	3000 mm	Nhôm	Thanh	396.000 (vnđ)
PK-9106		Nhựa	bộ	28.600 (vnđ)
PKZ-9109	3000 mm	Nhựa	thanh	28.600(vnđ/m)



HGA-9107

- Tay nắm nhôm định hình chữ C (màu ghi bạc và màu titan), thanh dài 3m có đệm nhựa

Mã sản phẩm Code	Kích thước	Chất Liệu	Đơn vị tính	Giá bán Price
HGA-9107	3000 mm	Nhôm	Thanh	495.000 (vnđ)
PK-9107		Nhựa	bộ	28.600 (vnđ)
PKZ-9109	3000 mm	Nhựa	thanh	28.600(vnđ/m)



Hệ Thống Piston Thủy Lực Tay Nâng Cánh Tủ Lifting Door Systems



Kiểu dáng hiện đại
Thiết kế thông minh
Đa dạng trong lắp đặt và công năng sử dụng



Hệ Pít-Tông Và Tay Nâng/Lifting Door Systems



D-LITE LIFT HK-6

- Chuyển động mượt mà và êm ái của sản phẩm đem lại trải nghiệm sử dụng thật sự thoải mái
- Có thể dừng cánh tủ ở bất cứ vị trí nào nhờ tính năng dừng đa điểm
- Thiết kế tinh tế tiết kiệm tối đa diện tích cho khoang tủ

Mã sản phẩm Code	Chiều cao thùng tủ	Đơn vị Unit	Giá bán Price
D-LITE LIFT HK-6	200-600mm	Bộ	1.650.000 (vnd)



MONOLIFT HK-5

- Kết hợp giữa triết lý thiết kế tối giản, tinh tế và công nghệ chế tạo đẳng cấp đem lại kích thước cực kỳ nhỏ gọn và vẻ đẹp quyến rũ cho sản phẩm

Mã sản phẩm Code	Chiều cao thùng tủ	Đơn vị Unit	Giá bán Price
MONOLIFT HK-5 L/R	350-600mm	Chiếc	950.000 (vnd)



JUPITA HK-3

- Tay nâng thủy lực 1 cánh, dùng mọi vị trí

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
JUPITA HK-3L/R		Chiếc	550.000 (vnd)



DUOLIFT HF-22

- Kết hợp giữa triết lý thiết kế tối giản, tinh tế và công nghệ chế tạo đẳng cấp đem lại kích thước cực kỳ nhỏ gọn và vẻ đẹp quyến rũ cho sản phẩm

Mã sản phẩm Code	Chiều cao thùng tủ	Đơn vị Unit	Giá bán Price
DUOLIFT HF22/650	650mm	Bộ	2.390.000 (vnd)
DUOLIFT HF22/720	720mm	Bộ	2.390.000 (vnd)
DUOLIFT HF22/800	800mm	Bộ	2.490.000 (vnd)
DUOLIFT HF22/865	865mm	Bộ	2.590.000 (vnd)



JUPITA HF-21

Mã sản phẩm Code	Chiều cao thùng tủ	Đơn vị Unit	Giá bán Price
JUPITA HF-21	600-720mm	Bộ	1.650.000 (vnd)



JUPITA-PS

- Pít-tông mở lên, có thể điều chỉnh, dừng đa điểm

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
JUPITA-PA	80/100/120N	Chiếc	170.000/198.000/220.000 (vnd)
JUPITA-PT	80/100/120/140N	Chiếc	93.000/99.000/105.000/110.000 (vnd)
JUPITA-PS	50/60/80/100N	Chiếc	



JUPITA-PD

- Pít-tông mở xuống

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
JUPITA-PD	80/100/120N	Chiếc	121.000/127.000/132.000 (vnd)



JUPITA HK-41

- Tay nâng compa

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
JUPITA HK-41	mm	Cặp	99.000 (vnd)
JUPITA HK-42	mm	Cặp	132.000 (vnd)
JUPITA HK-43	mm	Cặp	165.000 (vnd)
JUPITA HK-44	mm	Cặp	198.000 (vnd)



JUPITA HG5118

- Bản lề giảm chấn dùng cho bàn phần (3kg và 5kg)

Mã sản phẩm Code	Mô tả	Đơn vị Unit	Giá bán Price
JUPITA HG5118	Tải trọng 5kg	Bộ	495.000 (vnd)



HYDRA MT

- Móc treo thùng tủ trên hoặc treo kệ tivi, kệ lavabo

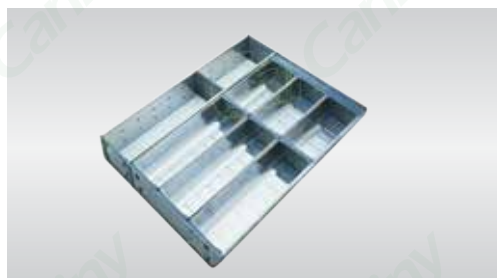
Mã sản phẩm Code	Mô tả sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
HYDRA MT-1		Chiếc	42.500 (vnd)
HYDRA MT-2		Chiếc	14.300 (vnd)
HYDRA MT-3		Chiếc	16.500 (vnd)
HYDRA MT-7		Chiếc	86.900 (vnd)



TMT-2000

- Bát treo dài 2m

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
TMT-2000	Thanh 2 m	Mét	220.000 (vnd)



KCC/KCI

- Khay chia thìa đĩa, inox 304

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
KCC-450	S425xC65xR280 mm	Bộ	990.000 (vnd)
KCC-500	S425xC65xR280 mm	Bộ	1.100.000 (vnd)
KCI-450	S425xC65xR380 mm	Bộ	1.100.000 (vnd)
KCI-500	S425xC65xR380 mm	Bộ	1.210.000 (vnd)



CDN90-150B

- Chân đế tủ bếp, chất liệu nhựa ABS, gioăng ngược NEW, có tăng chỉnh chiều cao: 90-150mm

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CDN90-150B	90mm+60mm	Chiếc	16.500 (vnd)
CDN90-150	90mm+60mm	Chiếc	14.300 (vnd)



YC-120

- Yếm che chân đế nhựa, thanh dài 3m, mạ nhôm, chiều cao 100 mm

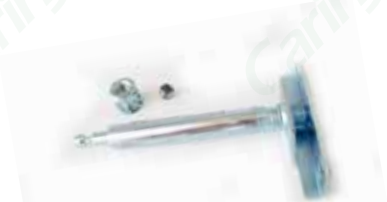
Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
YC-100	Yếm nhựa	Mét dài	165.000 (vnd)
YC-120	Yếm nhôm	Mét dài	165.000 (vnd)



SD-12/100

- Chốt đọt gỗ

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
SD-12/100	L=100mm	Chiếc	27.500 (vnd)



CD276-12/110

- Chốt đọt gỗ có khóa

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CD276-12/110	Chốt không khóa	Chiếc	38.500(vnd)
CD276N-12/110	Chốt có khóa	Chiếc	



TAMLOT

- Tấm lót thùng tủ (nhôm/nhựa) (cuộn khoảng 35m, dày 0,2 mm)

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
TAMLOTNHOM		Mét dài	88.000 (vnd)
TAMLOTNHUA		Mét dài	88.000 (vnd)

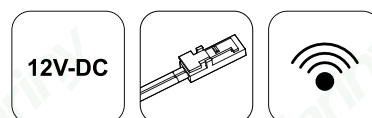
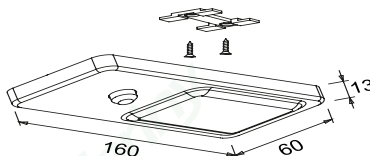
CARINY LED LIGHTING



CL-1006 IR/PIR

- Đèn cảm ứng đóng mở(IR sensor)/ chuyển động(PIR Sensor)
- Thiết kế mỏng để dễ dàng lắp trên bề mặt tủ, không cần khoét gỗ
- Vị trí lắp đặt thông dụng: bên dưới nóc/đáy tủ bếp trên
- Vật liệu hoàn thiện: nhựa sơn ánh kim

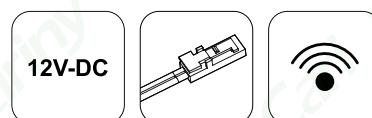
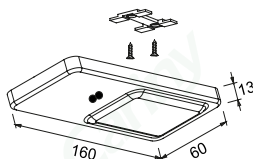
Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-1006 IR sensor	4500-6000K	137	2,1W 12V-DC	Chiếc	572.000 (vnd)
CL-1006 PIR sensor	4500-6000K	137	2,1W 12V-DC	Chiếc	638.000 (vnd)



CL-3008PAH

- Đèn cảm ứng vẫy tay (PAH Sensor)
- Thiết kế mỏng để dễ dàng lắp trên bề mặt tủ, không cần khoét gỗ
- Vị trí lắp đặt thông dụng: bên dưới nóc/đáy tủ bếp trên
- Vật liệu hoàn thiện: nhựa sơn ánh kim

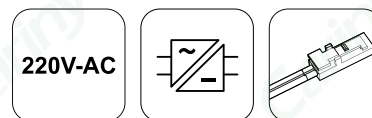
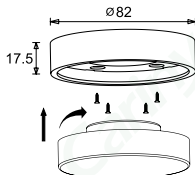
Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-3008PAH PAH Sensor	3000K	137	2,2W 12V-DC	Chiếc	638.000 (vnd)



CL-5015

Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-5015	4500-6000K	310	3W 220V	Chiếc	550.000 (vnd)

- Đèn Led không công tắc, thiết kế mỏng để dễ dàng lắp trên bề mặt tủ, không cần khoét gỗ
- Vị trí lắp đặt thông dụng: bên dưới nóc/đáy tủ bếp trên
- Vật liệu hoàn thiện: nhựa sơn ánh kim



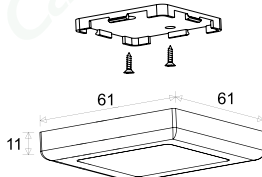
Đèn Led/Led Lighting



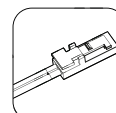
CL-5016

Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-5016	4500-6000K	98	1,3W 12V	Chiếc	286.000 (vnd)

- Thiết kế mỏng để dễ dàng lắp trên bề mặt tủ, không cần khoét gỗ
- Vị trí lắp đặt thông dụng: bên dưới nóc/đáy tủ bếp trên
- Vật liệu hoàn thiện: nhựa sơn ánh kim



12V-DC



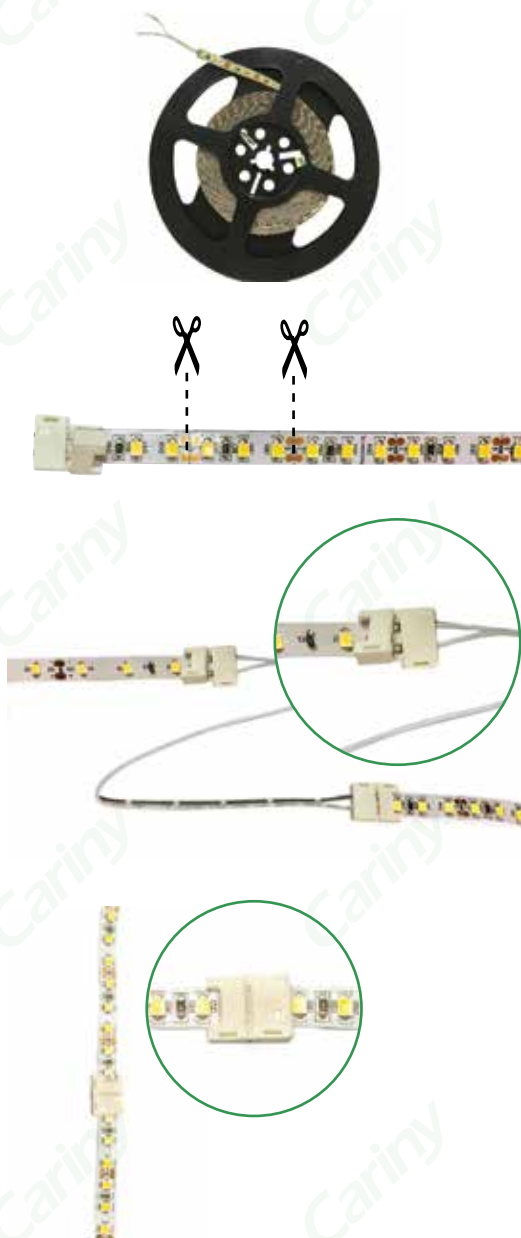
CL-LD SERIES

- Đèn LED dây, sử dụng đa dạng trong trang trí nội thất, các vị trí lắp đặt thông dụng: dưới đáy tủ bếp trên, dưới tấm đợt trang trí,...
- Tích hợp băng dính 3M ở mặt sau, dễ dàng lắp đặt,
- Chiều dài 6 mét / cuộn
- Số lượng bóng LED: 120 bóng / m (5W / m)
- LED dây sử dụng điện 12V hoặc 24V thông qua đổi nguồn (biến áp) 220V xuống 12V/ 24V

Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-LD4512/5	4500K	465	5W/m 12V-DC	Cuộn	1.650.000 (vnd)
CL-LD4524/5	4500K	465	5W/m 24V-DC		
CL-LD6012/5	6000K	465	5W/m 12V-DC		1.650.000 (vnd)
CL-LD6024/5	6000K	465	5W/m 24V-DC		

24V-DC

12V-DC



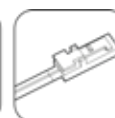
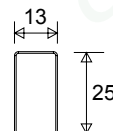
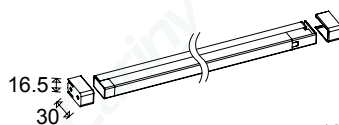
Đèn Led/Led Lighting



CL-1012

- Thiết kế đặc biệt dành cho ngăn kéo
- Vị trí lắp đặt thông dụng: bên dưới thanh giằng tủ ngăn kéo
- Tích hợp công tắc cảm biến đóng mở cánh
- Vật liệu hoàn thiện: Profile nhôm và acylic

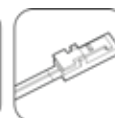
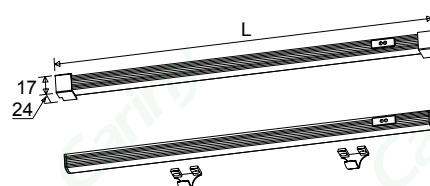
Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-1012/800 (L=762 mm)	4500-6000K	380	6,8W 12V-DC	Chiếc	1,342.000 (vnd)
CL-1012/900 (L=862 mm)	4500-6000K	440	7,8W 12V-DC	Chiếc	1,441.000 (vnd)



CL-1011

- Thiết kế đặc biệt dành cho ngăn kéo
- Vị trí lắp đặt thông dụng: bên dưới thanh giằng tủ ngăn kéo
- Tích hợp công tắc cảm biến đóng mở cánh
- Vật liệu hoàn thiện: Profile nhôm và acylic

Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-1011/800 (L=762 mm)	4500-6000K	435	5,4W 12V-DC	Chiếc	1,111.000 (vnd)
CL-1011/900 (L=862 mm)	4500-6000K	490	6W 12V-DC	Chiếc	1,221.000 (vnd)



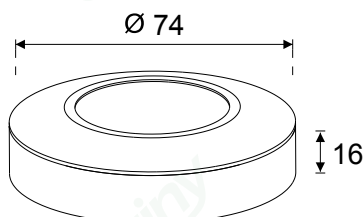
Đèn Led/Led Lighting



CL-5030

- Thiết kế mỏng, dễ dàng lắp trên bề mặt tủ, không cần khoét gỗ
- Vị trí lắp đặt thông dụng: Bên dưới nóc tủ bếp trên
- Vật liệu hoàn thiện: Nhôm xước

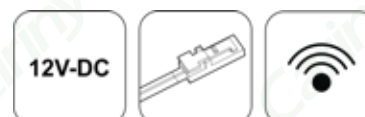
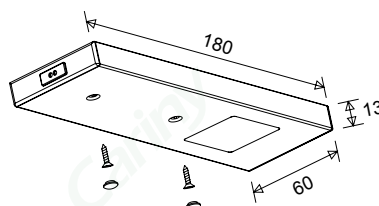
Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-5030	4500K	145	2,5W 12V-DC	Chiếc	418.000 (vnd)



CL-1007IR/PIR

- Thiết kế mỏng, dễ dàng lắp trên bề mặt tủ, không cần khoét gỗ
- Vị trí lắp đặt thông dụng: Bên dưới nóc tủ bếp trên
- Tích hợp công tắc cảm biến đóng mở cánh/ cảm ứng chuyển động
- Vật liệu hoàn thiện: Nhôm xước

Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-1007 PIR	4500-6000K	98	1,3W 12V-DC	Chiếc	638.000 (vnd)
CL-1007 IR	4500-6000K	98	1,3W 12V-DC	Chiếc	572.000 (vnd)



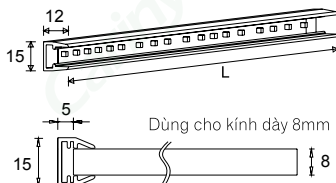
Đèn Led/Led Lighting



CL-4012

- Thiết kế đặc biệt dành cho đợt kính
- Vị trí lắp đặt thông dụng: Dọc theo cạnh trong và ngoài của đợt kính
- Vật liệu hoàn thiện: Profile nhôm

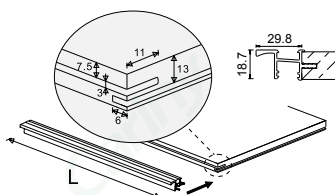
Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-4012/600 (L=563 mm)	4500-6000K	230	3,8W 12V-DC	Chiếc	429.000 (vnd)
CL-4012/600 (L=863 mm)	4500-6000K	347	5,7W 12V-DC	Chiếc	583.000 (vnd)



CL-3045

- Thiết kế đặc biệt để lắp đặt cho tấm dày 18 mm
- Vị trí lắp đặt thông dụng: Cạnh ngoài tấm đáy hoặc tấm đợt của tủ bếp
- Tích hợp công tắc cảm biến chuyển động gần (vẫy tay)
- Vật liệu hoàn thiện: Nhôm xước

Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-3045/800 (L=563 mm)	4500-6000K	955	16,5W 12V-DC	Chiếc	1.342.000 (vnd)
CL-3045/800 (L=864 mm)	4500-6000K	1114	18,4W 12V-DC	Chiếc	1.441.000 (vnd)



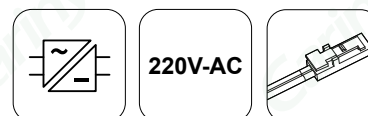
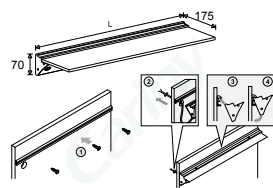
Đèn Led/Led Lighting



CL-4009

- Tích hợp đèn kính cường lực 8 mm với cách lắp đặt dễ dàng
- Vị trí lắp đặt thông dụng: Làm đèn vách hoặc đèn trong tủ
- Vật liệu hoàn thiện: Nhôm xước & kính cường lực

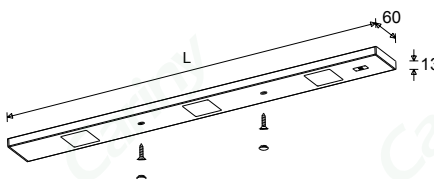
Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-4009/600 (L=600 mm)	6000K	230	3,8W 12V-DC	Chiếc	1.804.000 (vnd)
CL-4009/900 (L=900 mm)	6000K	347	5,7W 12V-DC	Chiếc	2.343.000 (vnd)



CL-3002

- Tích hợp đèn kính cường lực 8 mm với cách lắp đặt dễ dàng
- Vị trí lắp đặt thông dụng: Làm đèn vách hoặc đèn trong tủ
- Vật liệu hoàn thiện: Nhôm xước

Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-3002/600 (L=563 mm)	4500-6000K	300	4,2W 12V-DC	Chiếc	968.000 (vnd)
CL-3002/900 (L=863 mm)	4500-6000K	400	5,6W 12V-DC	Chiếc	1.777.000 (vnd)



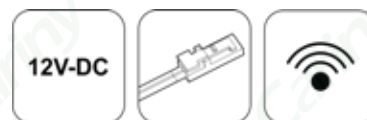
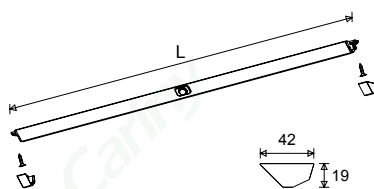
Đèn Led/Led Lighting



CW-1029

- Thiết kế đặc biệt để lắp đặt trong khoang tủ áo
- Vị trí lắp đặt thông dụng: Trong khoang tủ áo.
- Tích hợp công tắc cảm ứng 30s (PIR sensor)
- Vật liệu hoàn thiện: Profile nhôm & acrylic

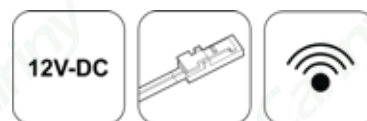
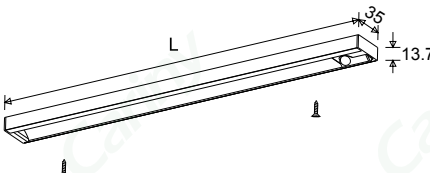
Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CW-1029 (L=850 mm)	4500-6000K	640	10,3W 12V-DC	Chiếc	1.290.000 (vnd)



CL-3009

- Thiết kế đặc biệt cho khoang tủ quần áo
- Vị trí lắp đặt thông dụng: Bên ngoài cửa vách đứng khoang tủ quần áo
- Tích hợp công tắc cảm ứng chuyển động 30s (PIR sensor switch)
- Vật liệu hoàn thiện: Nhôm xước

Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-1029/400 (L=400 mm)	4500-6000K	125	2,4W 12V-DC	Chiếc	880.000 (vnd)
CL-1029/550 (L=550 mm)	4500-6000K	190	3,5W 12V-DC	Chiếc	990.000 (vnd)
CL-1029/1150 (L=1150 mm)	4500-6000K	400	7,9W 12V-DC	Chiếc	1.290.000 (vnd)



Đèn Led/Led Lighting



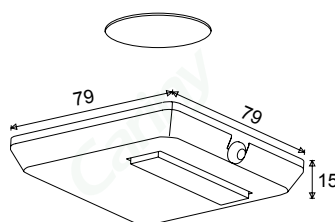
CL-5013

- Thiết kế mỏng để dễ dàng lắp trên bề mặt tủ, không cần khoét gỗ
- Vị trí lắp đặt thông dụng: Bên dưới tấm nóc tủ quần áo
- Đèn sạc pin, tích hợp công tắc cảm ứng chuyển động
- Vật liệu hoàn thiện: Nhựa sơn ánh kim

Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-5013	4500-6000K	70	0,7W 5V-DC	Chiếc	715.000 (vnd)



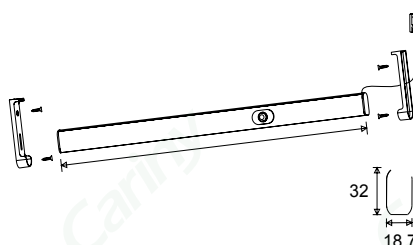
Miếng dán kim loại
kèm băng dính 3M



CL-1024

- Thiết kế suốt quần áo kết hợp đèn chiếu sáng
- Vị trí lắp đặt thông dụng: Bên trong khoang treo quần áo
- Thích hợp công tắc cảm ứng chuyển động 30s (PIR sensor switch)
- Hoàn thiện: Màu cafe

Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-1024 (L=962 mm)	4500K	365	13W 12V-DC	Chiếc	(vnd)
CL-1024 (L=1162 mm)	4500K	420	13W 12V-DC	Chiếc	(vnd)



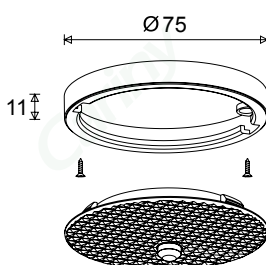
Đèn Led/Led Lighting



CL-5042

- Thiết kế mỏng dễ dàng lắp trên bề mặt tủ, không cần khoét gỗ
- Vị trí lắp đặt thông dụng: Bên dưới nóc tủ bếp trên
- Thích hợp công tắc cảm ứng chuyển động 30s (PIR sensor switch)
- Vật liệu hoàn thiện: Nhựa sơn ánh kim

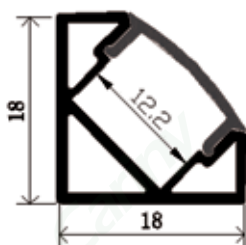
Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-5042	4500-6000K	120	1,4W 12V-DC	Chiếc	495.000 (vnd)



LP-90/3

- Thiết kế dạng thanh profile nhôm dài 3m, sử dụng chung với đèn led dây cuộn 5m/6m
- Profile nhôm dạng góc 90°
- Ưu điểm bề mặt đèn phủ Acrylic giúp chống chói lóa và ánh sáng đều không bị lộ từng điểm sáng
- Có thể cắt được theo từng vị trí thi công và theo từng modul tủ
- Ứng dụng đa dạng có thể lắp dọc theo các hộc tủ, các khe trang trí, khe hắt sáng,...

Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
LP-90/3	4500K	35	48W 12V-DC	Chiếc	1.595.000 (vnd)



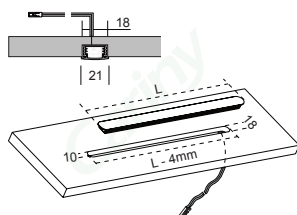
Đèn Led/Led Lighting



P-928

- Thanh profile nhôm dài 3m, (sử dụng chung với đèn led dây cuộn 5m/6m, giá của thanh chưa bao gồm đèn Led)
- Profile nhôm dạng chữ U
- Ưu điểm bề mặt đèn phủ Acrylic giúp chống chói lóa và ánh sáng đều không bị lộ từng điểm sáng
- Có thể cắt được theo từng vị trí thi công và theo từng modul tủ
- Ứng dụng đa dạng có thể lắp dọc theo các hộc tủ, các khe trang trí, khe hắt sáng,...

Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
P-928				Chiếc	935.000 (vnd)



LP-180

- Đèn thả dài 1m có dây điều chỉnh độ cao
- Ưu điểm bề mặt đèn phủ Acrylic giúp chống chói lóa và ánh sáng đều không bị lộ từng điểm sáng

Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
LP-180	4500K	35	48W 12V-DC	Chiếc	1.078.000 (vnd)



12V-DC



CL-1017

- Đèn led soi âm 9 mm
- Vị trí lắp đặt thông dụng: Bên dưới nóc tủ bếp trên

Mã sản phẩm Code	Nhiệt độ màu Color temperature	Quang thông Lumen	Công suất & Nguồn vào	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-1017	4500K	35	6,8W 12V-DC	Chiếc	1.595.000 (vnd)



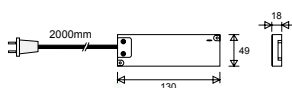
Đèn Led/Led Lighting



CL-1215

- Biến áp đổi nguồn từ 220V xuống 12V
- Công suất tối đa 15W
- Ưu điểm nổi trội có đèn báo nguồn điện vào, thiết kế mỏng có thể lắp sau hậu tủ
- Có tích hợp sẵn 06 cổng ra để sử dụng chung tối đa 06 đèn (cổng ra tương thích các loại đầu nối và cảm biến có sẵn)
- Dòng điện ổn định, tỏa nhiệt thấp, độ bền cao

Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Cổng ra Slot	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-1215	100-240V AC	12V DC	6	Max.15W	Chiếc	363.000 (vnd)



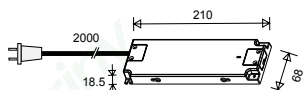
12V-DC



CL-1248

- Biến áp đổi nguồn từ 220V xuống 12V
- Công suất tối đa 48W
- Ưu điểm nổi trội có đèn báo nguồn điện vào, thiết kế mỏng có thể lắp sau hậu tủ
- Có tích hợp sẵn 06 cổng ra để sử dụng chung tối đa 06 đèn (cổng ra tương thích các loại đầu nối và cảm biến có sẵn)
- Dòng điện ổn định, tỏa nhiệt thấp, độ bền cao

Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Cổng ra Slot	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-1248	100-240V AC	12V-DC	6	Max.48W	Chiếc	825.000 (vnd)



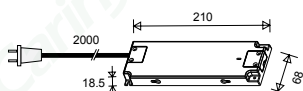
12V-DC



CL-2448

- Biến áp đổi nguồn từ 220V xuống 12V
- Công suất tối đa 48W
- Ưu điểm nổi trội có đèn báo nguồn điện vào, thiết kế mỏng có thể lắp sau hậu tủ
- Có tích hợp sẵn 06 cổng ra để sử dụng chung tối đa 06 đèn (cổng ra tương thích các loại đầu nối và cảm biến có sẵn)
- Dòng điện ổn định, tỏa nhiệt thấp, độ bền cao

Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Cổng ra Slot	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-2448/15	100-240V AC	24V-DC	6	Max.15W	Chiếc	363.000 (vnd)
CL-2448/48	100-240V AC	24V-DC	6	Max.48W	Chiếc	825.000 (vnd)



24V-DC

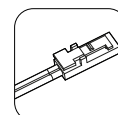
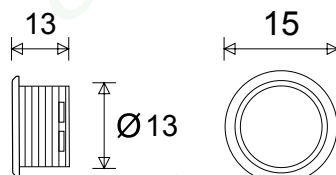
12V-DC



CL-S001/220V

Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Công Suất W	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-S001/12V	220V - DC	220V	100W	Chiếc	440.000 (vnd)

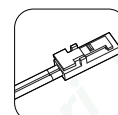
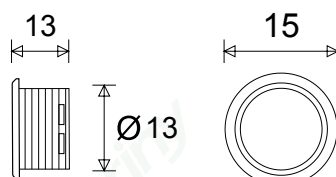
- Cảm biến đóng mở cánh (đèn bật khi cánh tủ mở ra và tắt khi cánh tủ đóng lại), nguồn điện 220V
- Vị trí lắp đặt thông dụng: lắp chìm trong thân tấm hoặc nổi với đại tích hợp



CL-S102/12V

Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Công Suất W	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-S102/12V	12V - DC	12V	60W	Chiếc	338.000 (vnd)

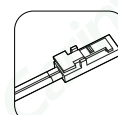
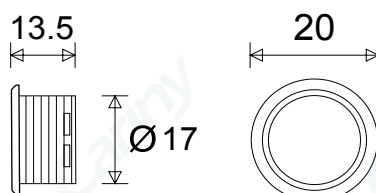
- Cảm biến đóng mở cánh (đèn bật khi cánh tủ mở ra và tắt khi cánh tủ đóng lại), nguồn điện 12V
- Vị trí lắp đặt thông dụng: lắp chìm trong thân tấm hoặc nổi với đại tích hợp



CL-S004/touch

Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Công Suất W	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-S004/touch	12V - DC	12V	20W	Chiếc	308.000 (vnd)

- Cảm biến chạm để bật/tắt, nguồn điện 12V
- Vị trí lắp đặt thông dụng: lắp chìm trong thân tấm hoặc nổi với đại tích hợp



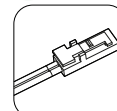
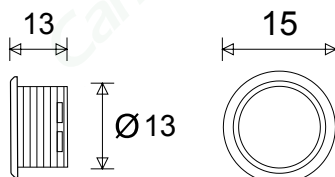
Đèn Led/Led Lighting



CL-S003/PAH

Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Công Suất W	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-S003/PAH	12V - DC	12V	60W	Chiếc	308.000 (vnd)

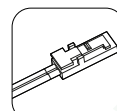
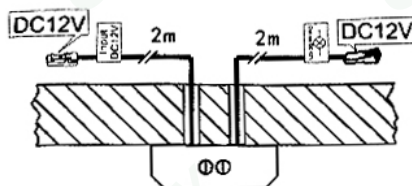
- Cảm biến vẫy tay để bật/tắt, nguồn điện 12V
- Vị trí lắp đặt thông dụng: lắp chìm trong thân tấm hoặc nổi với đại tích hợp



CL-S106/IR

Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Công Suất W	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-S106/IR	12V - DC	12V	25W	Chiếc	385.000 (vnd)

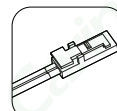
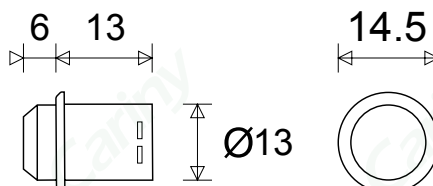
- Cảm biến đóng mở cánh (đèn bật khi cánh tủ mở ra và tắt khi cánh tủ đóng lại), nguồn điện 12V
- Vị trí lắp đặt thông dụng: lắp chìm trong thân tấm hoặc nổi với đại tích hợp



CL-S106/PIR

Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Công Suất W	Đơn vị Unit	Giá bán Price
CL-S106/PIR	12V - DC	12V	20W	Chiếc	308.000 (vnd)

- Cảm biến đóng mở cánh (đèn bật khi cánh tủ mở ra và tắt khi cánh tủ đóng lại), nguồn điện 12V
- Vị trí lắp đặt thông dụng: lắp chìm trong thân tấm hoặc nổi với đại tích hợp





Thùng Rác/Khay Chia Elletipi
Made In Italy
Waste Bin/ Cutlery Trays





PENSILE SERIES

- Mã sản phẩm **I850 CB 56-600/700/800/900/1000**
- Tên sản phẩm **Giá úp bát đĩa tủ trên, 2 tầng, có khay hứng nước**
- Chất liệu **Inox 304 sợi dệt**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
I850 CB 56 - 600	600 mm	S250xC100xR564 mm	Bộ	
I850 CB 56 - 700	700 mm	S270xC137xR664 mm	Bộ	
I850 CB 56 - 800	800 mm	S270xC137xR764 mm	Bộ	
I850 CB 56 - 900	900 mm	S270xC137xR864 mm	Bộ	
I850 CB 56 - 1000	1000 mm	S270xC137xR964 mm	Bộ	



FLEXO SERIES

- Mã sản phẩm **R280 series**
- Tên sản phẩm **Khay chia thìa đĩa, sử dụng chung với ngăn kéo ray âm, vách ngăn nhựa có thể di chuyển được, dễ dàng lắp ráp, vệ sinh**
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
R280/S	R710/730 x C60 x S400 mm	Bộ	
R290/S	R810/830 x C60 x S480 mm		



FLEXO SERIES

- Mã sản phẩm **FLEXO U-TOP**
- Tên sản phẩm **Khay chia thìa đĩa, sử dụng chung với ngăn kéo ray hộp, vách ngăn nhựa có thể di chuyển được, dễ dàng lắp ráp, vệ sinh**
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
R390/S	R850 x C80 x S465 mm	Bộ	



RING SERIES

- Mã sản phẩm **PPI607/1ALL**
- Tên sản phẩm **Thùng rác tròn, mở xoay theo cánh**
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
PPI607/1ALL	C320x R270xS270 mm	Bộ	660.000



SWING SERIES

- Mã sản phẩm **PBN ASG 28**
PBN ASG 34
- Tên sản phẩm **Thùng rác nhựa gắn cánh, mở xoay theo cánh (tự động mở nắp)**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
PBN ASG 28	C300xR340xS260 mm	Bộ	1,265,000(vnd)
PBN ASG 34	C360xR340xS260 mm	Bộ	1,320,000(vnd)



EASY SERIES

- Mã sản phẩm **PBD SA SG28**
PBD SA SG34
PBD SA SG44
- Tên sản phẩm **Thùng rác nhựa gắn cánh, đi kèm bas gắn cánh**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
PBD SA SG28	C280xR300xS230 mm	Bộ	935,000(vnd)
PBD SA SG34	C340xR300xS230 mm	Bộ	990,000(vnd)
PBD SA SG44	C440xR300xS230 mm	Bộ	1,045,000(vnd)



TOWER SERIES

- Mã sản phẩm **PAI 609/1**
- Tên sản phẩm **Thùng rác Inox 304, nắp mở tự động khi kéo thùng sử dụng cho cánh mở (lắp thùng)**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
PAI 609/1	C395xR250xS410 mm	Bộ	



CITY SERIES

- Mã sản phẩm **PTA 3045A**
PTA 3045B
PTA 4045A
- Tên sản phẩm **Thùng rác nhựa, có bộ lọc khử mùi tích hợp trên nắp, dùng cho cánh mở (lắp thùng)**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
PTA 3045A	C440xR280xS470 mm	Bộ	3,025,000(vnd)
PTA 3045 B	C440xR280xS470 mm	Bộ	3,080,000(vnd)
PTA 4045A	C440xR350xS470 mm	Bộ	3,465,000(vnd)



STREET SERIES

- Mã sản phẩm **PA2 INL424326A**
- Tên sản phẩm **Thùng rác Inox 304, có bộ lọc khử mùi tích hợp trên nắp, ray giảm chấn, dùng cho cánh mở (lắp thùng)**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
PA2 INL424326A	C400xR260xS430 mm	Bộ	6,105,000(vnd)
PA2 INL424333A	C400xR330xS430 mm	Bộ	6,435,000(vnd)



COMPO EVO SERIES

- Mã sản phẩm **PBE22 09050**
- Tên sản phẩm **Bộ thùng rác nhựa, sử dụng phân loại rác, có bộ lọc khử mùi tích hợp trên nắp, sử dụng cho ngăn kéo ray hộp**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
PBE22 09050	C220xR810xS470 mm	Bộ	5,720,000(vnd)



BLOCK U-TOP SERIES

- Mã sản phẩm **PBFT 5030A**
- Tên sản phẩm **Thùng rác nhựa, có bộ lọc khử mùi trên nắp sử dụng ray bi, lắp thùng.**

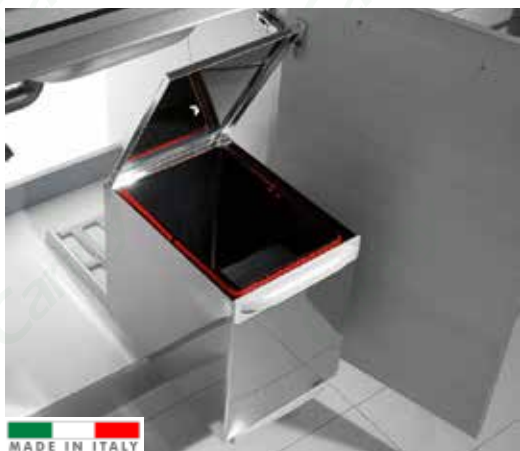
Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
PBFT 5030A	C280xR260xS500 mm	Bộ	3,300,000(vnd)



COVER BOX SERIES

- Mã sản phẩm **PAI 609/1**
- Tên sản phẩm **Thùng rác nhựa độc lập lắp cho ngăn kéo ray hộp**

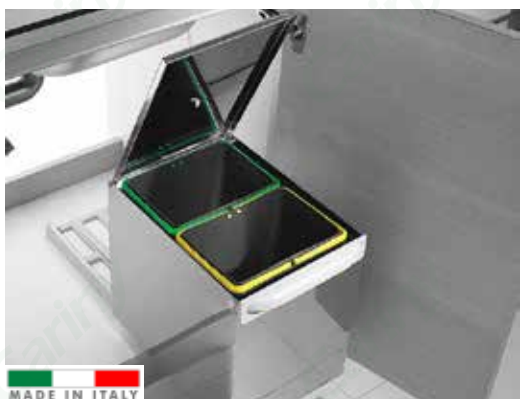
Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
PTM SG34 + STA PT CG	C340xR300xS225 mm	Bộ	825,000(vnd)
PTM SP 34 + STA PT CP	C340xR225xS150 mm	Bộ	880,000(vnd)



PLAST DIVISION

- Mã sản phẩm **97XP/1 MERCURY 1**
- Tên sản phẩm **Thùng rác cao cấp Inoxa(Ý) lắp trong tủ bếp, 16L/thùng**
- Chất liệu **Thùng Inox, giỏ nhựa**

Mã sản phẩm Code	KT cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
97XP/1 MERCURY 1	300 mm	R250 x C354 x S356 mm	Bộ	2,100,000 (vnd)



PLAST DIVISION

- Mã sản phẩm **97XP/2 MERCURY 2**
- Tên sản phẩm **Thùng rác cao cấp Inoxa(Ý) lắp trong tủ bếp, 16L/thùng**
- Chất liệu **Thùng Inox, giỏ nhựa**

Mã sản phẩm Code	KT cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
97XP/2 MERCURY 2	300 mm	R250 x C354 x S356 mm	Bộ	2,300,000 (vnd)



INOXA
INDUSTRIE

Phụ Kiện Tủ Bếp Inoxa Made In Italy Cabinet Accessories




MADE IN ITALY



Titanium



Slate



Chrome / grey



Chrome / white



Champagne



- Rổ thiết kế dạng sợi Oval rất sang trọng tinh tế & tăng độ cứng cáp của sản phẩm.
- Bề mặt hoàn thiện (sợi rổ, mặt đáy, hệ khung) thiết kế nhiều phân loại màu sắc phù hợp cho mọi ý tưởng thiết kế, phù hợp với mọi loại gỗ (gỗ công nghiệp, gỗ tự nhiên, ..)

• Hệ ray giảm chấn, thiết kế lắp đặt tăng độ chắc chắn khi sử dụng .

- Đáy rổ của sản phẩm hoàn thiện được làm bằng tấm High Pressure Laminate trơn trượt, chống trầy xước & đặc biệt có khả năng chống nước .
- Sản phẩm được sản xuất tại Ý, đạt tiêu chuẩn Châu Âu, đáp ứng mọi yêu cầu của người sử dụng.
- Sản phẩm hoàn thiện với công nghệ mạ tối đa với nhiều lớp mạ kim loại , đảm bảo thời gian sử dụng lâu dài nhất.




DISH-DRAINERS SERIES

- Mã sản phẩm **716KIT series**
- Tên sản phẩm **Giá tủ bát trên 2 tầng, sợi Oval**
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	KT cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
716KIT80XT516	800 mm	R742 x S236 mm	Bộ	2,959,000 (vnd)
716KIT80XC516				
716KIT90XT516	900 mm	R842 x S236 mm	Bộ	3,179,000 (vnd)
716KIT90XC516				


ELLITE SERIES

- Mã sản phẩm **5104EY series**
- Tên sản phẩm **Giá để gia vị 2 tầng tủ dưới, sợi rổ Oval, đáy rổ tấm High Pressure Laminate**
- Chất liệu **Stainless stell**

Mã sản phẩm Code	KT cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
5104EY/15-45PTT	150 mm	R110 x C521 x S451 (± 3mm)	Bộ	3,355,000 (vnd)
5104EY/15-45PCB				
5104EY/20-45PTT	200 mm	R160 x C521 x S451 (± 3mm)	Bộ	3,575,000 (vnd)
5104EY/20-45PCB				
5104EY/25-45PTT	250 mm	R210 x C521 x S451 (± 3mm)	Bộ	3,795,000 (vnd)
5104EY/25-45PCB				





ELLITE SERIES

- Mã sản phẩm **5102EY series**
- Tên sản phẩm **Giá để gia vị 2 tầng tủ dưới, sợi rổ Oval, đáy rổ tấm High Pressure Laminate**
- Chất liệu **Stainless stell**

Mã sản phẩm Code	KT cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
5102EY/30-45PTT	300 mm	R264 x C483 x S451 (± 3mm)	Bộ	4,125,000 (vnd)
5102EY/30-45PCB				
5102EY/40-45PTT	400 mm	R364 x C483 x S451 (± 3mm)	Bộ	4,449,000 (vnd)
5102EY/40-45PCB				
5102EY/45-45PTT	450 mm	R414 x C483 x S451 (± 3mm)	Bộ	5,269,000 (vnd)
5102EY/45-45PCB				



ELLITE SERIES

- Mã sản phẩm **5202EDY series**
- Tên sản phẩm **Giá để xoong nồi, bát đĩa tủ dưới, sợi rổ Oval, đáy rổ tấm High Pressure Laminate**
- Chất liệu **Stainless stell**

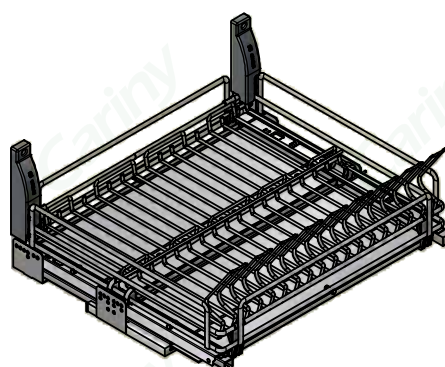
Mã sản phẩm Code	KT cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
5202EDY/45-50PTT	450 mm	R414 x C153 x S460 mm	Bộ	3,256,000 (vnd)
5202EDY/45-50PCB				
5202EDY/50-50PTT	500 mm	R464 x C153 x S460 mm	Bộ	4,449,000 (vnd)
5202EDY/50-50PCB				




ELLITE SERIES

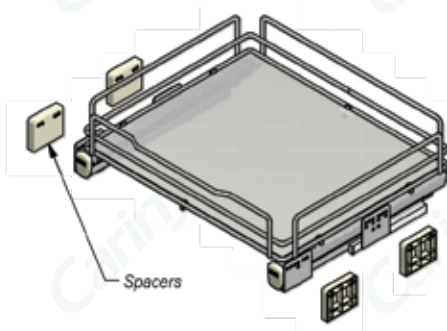
- Mã sản phẩm **5703EY series**
- Tên sản phẩm **Giá để bát đĩa, xoang nổi tủ dưới, sợi rổ Oval,**
- Chất liệu **Inox 304**

Mã sản phẩm Code	KT cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
5703EY/60-50PT	600 mm	R564 x C247 x S513 mm	Bộ	5,940,000 (vnd)
5703EY/60-50PC				
5703EY/90-50PT	900 mm	R864 x C247 x S513 mm	Bộ	7,535,000 (vnd)
5703EY/90-50PC				


ELLITE SERIES

- Mã sản phẩm **5202EY series**
- Tên sản phẩm **Giá để xoang nổi, bát đĩa tủ dưới, sợi rổ Oval, đáy rổ tấm High Pressure Laminate**
- Chất liệu **Stainless stell**

Mã sản phẩm Code	KT cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
5202EY/60-50PTT	600mm	R564 x C229 x S455 mm	Bộ	3,839,000 (vnd)
5202EY/60-45PCB				
5202EY/80-50PTT	800mm	R764 x C229 x S455 mm	Bộ	4,450,000 (vnd)
5202EY/80-45PCB				
5202EY/90-50PTT	900mm	R864 x C229 x S455 mm	Bộ	4,675,000 (vnd)
5202EY/90-45PCB				

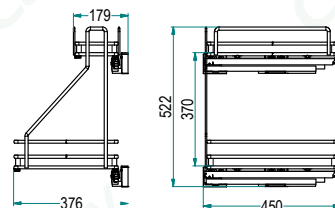
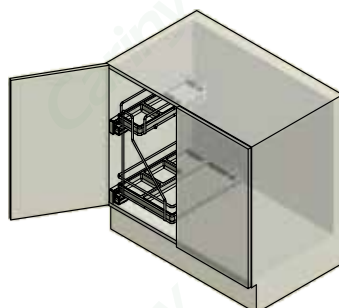




ELLITE SERIES

- Mã sản phẩm **5107EY series**
- Tên sản phẩm **Giá để chất tẩy rửa tủ dưới, sợi rổ Oval, (trái/phải) đáy rổ tấm High Pressure Laminate**
- Chất liệu **Stainless stell**

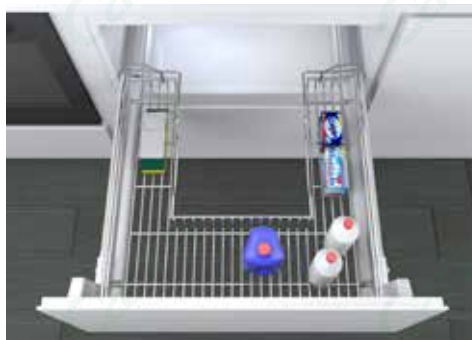
Mã sản phẩm Code	KT cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
5107EY/45DXTT (phải)	450mm	R376 x C522 x S450 mm	Bộ	5,005,000 (vnd)
5107EY/45DXCB (phải)				
5107EY/45SXTT (trái)		R376 x C522 x S450 mm		
5107EY/45SXCB (trái)				



CROMATICA SERIES

- Mã sản phẩm **3207Y series**
- Tên sản phẩm **Giá để chất tẩy rửa lắp dưới ngăn chậu rửa, sợi Inox tròn**
- Chất liệu **Stainless stell**

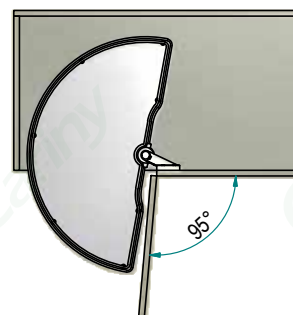
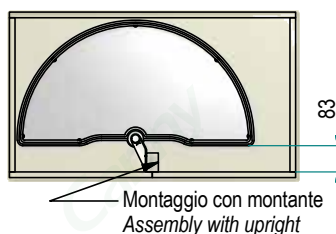
Mã sản phẩm Code	KT cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
3207Y/80-45C	800 mm	R764 x C209 x S460 mm	Bộ	3,690,000 (vnd)
3207Y/90-45C	900 mm	R864 x C209 x S460 mm	Bộ	3,890,000 (vnd)



**DELUXE SERIES**

- Mã sản phẩm **4301BE series**
- Tên sản phẩm **Mâm xoay góc 1/2, sợi tròn đáy rỗ tấm High Pressure Laminate**
- Chất liệu **Stainless stell**

Mã sản phẩm Code	KT cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
4301BE/76T	450mm	C615 x Ø 745 mm	Bộ	5,950,000 (vnd)
4301BW/76B				

**DELUXE SERIES**

- Mã sản phẩm **803BE series**
- Tên sản phẩm **Kệ góc liên hoàn ngăn tủ dưới (trái/phải) sợi rỗ Oval, đáy rỗ tấm High Pressure Laminate**
- Chất liệu **Stainless stell**

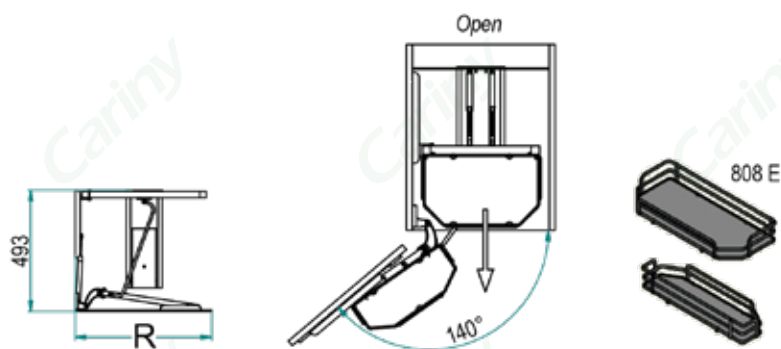
Mã sản phẩm Code	KT cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
803BE/DXTT	450mm	R450 (880) x C(640-800) x S490 mm	Bộ	11,715,000 (vnd)
803BE/DXGCB				
803BE/SXTT				
803BE/SXGCB				



**ELLITE SERIES**

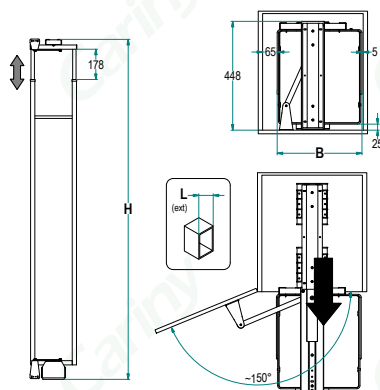
- Mã sản phẩm **808AE series**
- Tên sản phẩm **Tủ kho cánh mở 6 tầng, 12 rổ, sợi rổ Oval, đáy rổ tấm High Pressure Laminate**
- Chất liệu **Stainless stell**

Mã sản phẩm Code	KT cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
808AE/45TT	450 mm	R410 x C1800 x S500 mm	Bộ	15,455,000 (vnd)
808AE/45CB				
808AE/60TT	600 mm	R560 x C1800 x S500 mm	Bộ	16,225,000 (vnd)
808AE/60CB				

**ELLITE SERIES**

- Mã sản phẩm **860AE series**
- Tên sản phẩm **Tủ kho cánh mở 5tầng, 5 rổ, sợi rổ Oval, đáy rổ tấm High Pressure Laminate**
- Chất liệu **Stainless stell**

Mã sản phẩm Code	KTcánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
860AE/45TTT	450 mm	R350 x C(1800-2250) x S450 mm	Bộ	14,949,000 (vnd)
860XAE/45CB				
860AE/60TTT	600 mm	R500 x C(1800-2250) x S450 mm	Bộ	15,719,000 (vnd)
860XAE/60CB				

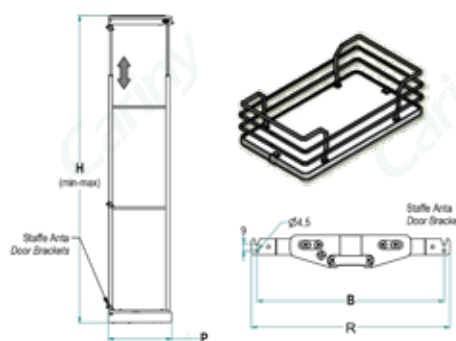




- Mã sản phẩm **858A series**

- Chất liệu **Stainless steel**

Mã sản phẩm Code	KT cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
858A/30-50TT	300 mm	R246 x C(1835-2180) x S450 mm	Bộ	15,565,000 (vnd)
858A/30-50CB				
858A/40-50TT	400 mm	R346 x C(1835-2180) x S450 mm	Bộ	15,939,000 (vnd)
858A/40-50CB				





HELIOS SERIES

- Mã sản phẩm **6102HY series**
- Tên sản phẩm **Giá để gia vị 2 tầng tủ dưới**
- Chất liệu **Nhựa cao cấp, đáy chống trượt**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
6102HY/30AR	300 mm	R264 x S475 x C505 mm	Bộ	
6102HY/40AR	400 mm	R364 x S475 x C505 mm	Bộ	
6102HY/45AR	450 mm	R414 x S475 x C505 mm	Bộ	



HELIOS SERIES

- Mã sản phẩm **6202HDY series**
- Tên sản phẩm **Giá để bát đĩa, xoong nồi 2 tầng tủ dưới**
- Chất liệu **Nhựa cao cấp, đáy chống trượt**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
6202HDY/80AR	800 mm	R764 x S460 x C132 mm	Bộ	
6202HDY/90AR	900 mm	R864 x S460 x C132 mm	Bộ	





HELIOS SERIES

- Mã sản phẩm **6703HY series**
- Tên sản phẩm **Giá để bát đĩa tủ dưới, lắp cho cánh kéo**
- Chất liệu **Nhựa cao cấp, đáy chống trượt**

Mã sản phẩm Code	Kích thước cánh	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
6703HY/60-50	600 mm	R544 x S475 x C230 mm	Bộ	
6703HY/90-50	900 mm	R844 x S475 x C230 mm	Bộ	



HELIOS SERIES

- Mã sản phẩm **803BE/ series**
- Tên sản phẩm **Kệ góc liên hoàn ngăn tủ dưới (trái/phải)**
- Chất liệu **Nhựa cao cấp, đáy chống trượt**

Mã sản phẩm Code	Kích thước thùng tủ	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
803BE/DXTTT bên phải	900 mm	R860 x S485 x C640/800 mm	Bộ	
803AE/SXTTT bên trái		R860 x S485 x C1100/1260 mm	Bộ	



Ray Bàn Mở Rộng Atim Made In Italy Transformables System



COCKTAIL SERIES

- Mã sản phẩm **411/78 series**
- Tên sản phẩm **Ray trượt bàn mở rộng lắp đặt cho ngăn tủ**
- Tải trọng **60 kg**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
411/78.1155.22 E	S540 x C120 x R405 x M699 mm	Bộ	8,060,000 (vnd)
411/78.1150.22 E	S540 x C120 x R555 x M699 mm		
411/78.1160.22 E	S540 x C120 x R805 x M699 mm		
411/78.1170.22 E	S540 x C120 x R1155 x M699 mm		



T-table XL SERIES

- Mã sản phẩm **411/78 series**
- Tên sản phẩm **Ray trượt bàn mở rộng lắp đặt cho ngăn tủ có kết hợp chân bàn**
- Tải trọng **100 kg**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
411/78.1950.22	S520 x C150 x R555 x M1168 mm T(Chiều cao chân bàn): 700/795 mm	Bộ	18,750,000 (vnd)
411/78.1960.22	S540 x C120 x R855 x M1168 mm T: 745/840 mm		
411/78.1960.22X	S540 x C120 x R1155 x M1168 mm T: 745/840 mm		



PARTY MENSOLA SERIES

- Mã sản phẩm **411/78 series**
- Tên sản phẩm **Ray trượt bàn mở rộng lắp đặt cho ngăn tủ có kết hợp chân bàn**
- Tải trọng **40 kg**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
411/78.1601.22	S502 x C140 x R555 x M1540 mm T: 730/755 mm	Bộ	26,300,000 (vnd)
411/78.1602.22	S502 x C140 x R855 x M1540 mm T: 730/755 mm		
411/78.1600.22	S502 x C140 x R1155 x M1540 mm T: 730/755 mm		



EVOLUTION XL SERIES

- Mã sản phẩm **411/78 series**
- Tên sản phẩm **Ray trượt bàn mở rộng lắp đặt cho ngăn tủ có kết hợp chân bàn**
- Tải trọng **60 kg**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
411/78.1620.25	S520 x C150 x R555 x M1520 mm T: 730/755 mm	Bộ	24,300,000 (vnd)
411/78.1621.25	S520 x C150 x R855 x M1520 mm T: 730/755 mm		
411/78.1622.25	S520 x C150 x R1155 x M1520 mm T: 730/755 mm		



HOMEWORK SERIES

- Mã sản phẩm **411/78 series**
- Tên sản phẩm **Ray trượt bàn mở rộng lắp đặt cho ngăn tủ**
- Tải trọng **40 kg**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
411/78.1200.22	S540 x C55 x R555 x M1070 mm	Bộ	12,750,000 (vnd)
411/78.1210.22	S540 x C55 x R855 x M1070 mm		
411/78.1220.22	S540 x C55 x R1155 x M1070 mm		



SLIDE SQUARE SERIES

- Mã sản phẩm **411/78 series**
- Tên sản phẩm **Ray trượt bàn mở rộng lắp đặt trên bề mặt**
- Tải trọng **60 kg**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
411/78.1241.22	S1200 x C75 x R1200 x M350 x L1200 mm Hệ trượt: Bàn vuông/ Bàn chữ nhật	Bộ	25,700,000 (vnd)
411/78.1242.22	S950 x C75 x R1200 x M350 x L950 mm Hệ trượt: Bàn chữ nhật		
411/78.1243.22	S950 x C75 x R1200 x M350 x L950 mm Hệ trượt: Bàn chữ nhật		
411/78.1245.22	S900 x C75 x R900 x M315 x L900 mm Hệ trượt: Bàn vuông/ Bàn chữ nhật		



FE ZINCATO SERIES

- Mã sản phẩm **411/78 series**
- Tên sản phẩm **Bàn lễ 90° mở rộng cánh tủ**
- Tải trọng **20 kg**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
411/78.0005.02	C350 x R450mm Kích thước cánh tủ	Bộ	13,200,000 (vnd)



T-BENCH SERIES

- Mã sản phẩm **411/78 series**
- Tên sản phẩm **Ray trượt ghế mở rộng lắp đặt cho ngăn tủ có kết hợp chân ghế**
- Tải trọng **100 kg**

Mã sản phẩm Code	Kích thước sản phẩm	Đơn vị Unit	Giá bán Price
411/78.1950.22	S540 x C120 x R405 x M789 mm T: 385/410 mm	Bộ	14,200,000 (vnd)
411/78.1960.22	S540 x C120 x R555 x M789 mm T: 385/410 mm		
411/78.1960.22X	S520 x C150 x R555 x M1168 mm T: 385/410 mm		16,650,000 (vnd)





 **samet**
soul of furniture

Hệ Ray Lùa Samet Made In Turkey Sliding Door





SERIES - Ray cửa lùa

- Mã sản phẩm **SMT 75T**
- Tên sản phẩm **Hệ ray trượt 2 cánh**
- Hệ ray trượt **2 cánh**
- Tải trọng **75 kg (điều chỉnh dung sai lắp đặt 8 mm)**
- Tính năng **Hoạt động êm và nhẹ**
- Phụ kiện **Chứa ba gồm giảm chấn**

Mã sản phẩm Code	Mô tả	Giá bán Price
SMT-75T	Hệ ray trượt 2 cánh, tải trọng 75kg	320.000 (vnd)
128018471300	Ray cửa lùa dùng cho SMT-75T (thanh 3m)	175.000 (vnd)



SERIES - Ray cửa lùa

- Mã sản phẩm **SMT 100**
- Tên sản phẩm **Hệ ray trượt lắp cánh phủ ngoài**
- Hệ ray trượt **Dùng cho 4 cánh (chiều dày cánh 18-50 mm)**
- Tải trọng **80 kg (điều chỉnh dung sai lắp đặt 20 mm)**
- Tính năng **Hoạt động êm và nhẹ**

Mã sản phẩm Code	Mô tả	Giá bán Price
SMT-110	Hệ ray trượt lắp trên cánh, tải trọng 80kg	2.159.000 (vnd)
1280185711300	Ray trên dùng cho SMT-110 (3m)	1.450.000 (vnd)





Đèn Led Cao Cấp Domus Made In Italy Led Lighting



MADE IN ITALY



FLEXYLED SE H4 SERIES

- Mã sản phẩm **1281501B series**
- Tên sản phẩm **Đèn led silicon dạng cuộn, ánh sáng trắng, lắp đặt thông dụng đợt/vách trang trí, tủ bếp/tủ áo (1 đầu giắc cắm)**
- Số lượng bóng **120 bóng/m**
- Vị trí cắt **Khoảng cách 25 mm**
- Quy cách **Cuộn 2m/2,5m/3m**

Mã sản phẩm	Nhiệt độ màu	Công suất nguồn vào	Đơn vị tính	Giá bán
1281501B/200	6000k	22W/m 12Vdc	Cuộn 2m	
1281501B/250	6000k	27W/m 12Vdc	Cuộn 2,5m	
1281501B/300	6000k	30W/m 12Vdc	Cuộn 3m	



FLEXYLED SE H4 M12 SERIES

- Mã sản phẩm **1323801B series**
- Tên sản phẩm **Đèn led silicon dạng cuộn, ánh sáng trắng, lắp đặt thông dụng đợt/vách trang trí, tủ bếp/tủ áo (2 đầu giắc cắm)**
- Số lượng bóng **120 bóng/m**
- Vị trí cắt **Khoảng cách 25 mm**
- Quy cách **Cuộn 2,5m/3m**

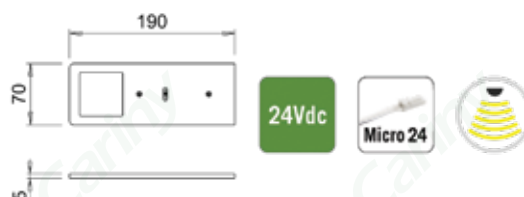
Mã sản phẩm	Nhiệt độ màu	Công suất nguồn vào	Đơn vị tính	Giá bán
1323801B/250	6000k	22W/m 12Vdc	Cuộn 2,5m	
1323801B/300	6000k	27W/m 12Vdc	Cuộn 3m	



POLAR SE SERIES

- Mã sản phẩm **1325632B series**
- Tên sản phẩm **Đèn led thiết kế siêu mỏng, cảm ứng vẫy tay, dễ dàng lắp đặt trên bề mặt tủ, không cần khoét gỗ, lắp đặt thông dụng tủ bếp/tủ áo**
- Chất liệu **Nhôm**
- Bề mặt hoàn thiện **Đen mờ/Trắng bóng**

Mã sản phẩm	Nhiệt độ màu	Công suất nguồn vào	Đơn vị tính	Giá bán
1325632B/2	6000k	22W/m 12Vdc	chiếc	
1325656B/2 P	6000k	27W/m 12Vdc	chiếc	



**POLAR SERIES**

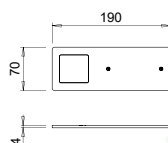
- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm
- Chất liệu
- Bề mặt hoàn thiện

POLAR

Đèn led thiết kế siêu mỏng, dễ dàng lắp đặt trên bề mặt tủ, không cần khoét gỗ, lắp đặt thông dụng tủ bếp/tủ áo

Nhôm
Nhôm xước

Mã sản phẩm	Nhiệt độ màu	Công suất nguồn vào	Đơn vị tính	Giá bán
POLAR		5W 24V/DC	Bộ	750.000 (vnd)



24V-DC

**POLAR SERIES**

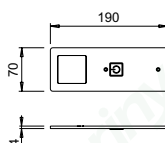
- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm
- Chất liệu
- Bề mặt hoàn thiện

POLAR SWS

Đèn led thiết kế siêu mỏng, có công tắc dễ dàng lắp đặt trên bề mặt tủ, không cần khoét gỗ, lắp đặt thông dụng tủ bếp/tủ áo

Nhôm
Nhôm xước

Mã sản phẩm	Nhiệt độ màu	Công suất nguồn vào	Đơn vị tính	Giá bán
POLAR SWS		5W 24V/DC	Bộ	2.090.000 (vnd)



24V-DC

**POLAR SERIES**

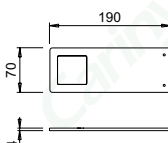
- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm
- Chất liệu
- Bề mặt hoàn thiện

POLAR UP

Đèn led thiết kế siêu mỏng, dễ dàng lắp đặt trên bề mặt tủ, không cần khoét gỗ, lắp đặt thông dụng tủ bếp/tủ áo

Nhôm
Nhôm xước

Mã sản phẩm	Nhiệt độ màu	Công suất nguồn vào	Đơn vị tính	Giá bán
POLAR UP		5W 24V/DC	Bộ	750.000 (vnd)



24V-DC



POLAR SERIES

- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm
- Chất liệu
- Bề mặt hoàn thiện

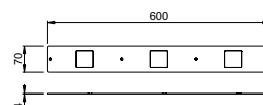
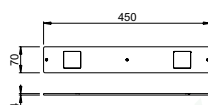
POLAR XL

Đèn led thiết kế siêu mỏng, dễ dàng lắp đặt trên bề mặt tủ, không cần khoét gỗ, lắp đặt thông dụng tủ bếp/tủ áo

Nhôm

Nhôm xước

Mã sản phẩm	Nhiệt độ màu	Công suất nguồn vào	Đơn vị tính	Giá bán
POLAR XL2		10W 24V/DC	Bộ	1.815.000 (vnd)
POLAR XL3		15W 24V/DC	Bộ	2.640.000 (vnd)



24V-DC



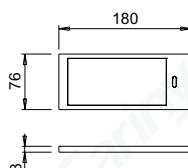
K-PAD SERIES

- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm

K-PAD

Đèn led thiết kế siêu mỏng, dễ dàng lắp đặt trên bề mặt tủ, không cần khoét gỗ, lắp đặt thông dụng tủ bếp/tủ áo

Mã sản phẩm	Nhiệt độ màu	Công suất nguồn vào	Đơn vị tính	Giá bán
K-PAD Slave		5W 24V/DC	Bộ	1.430.000 (vnd)
K-PAD SDM		5W 24V/DC	Bộ	1.870.000 (vnd)



24V-DC



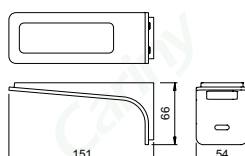
SKATE SERIES

- Mã sản phẩm
- Tên sản phẩm

SKATE

Đèn led lắp cho gầm tủ bếp hoặc dưới đợt trang trí, dễ dàng lắp đặt không cần khoét gỗ

Mã sản phẩm	Mô tả	Công suất nguồn vào	Đơn vị tính	Giá bán
SKATE 3	Có công tắc cảm ứng chạm	4W 12V/DC	Bộ	1.980.000 (vnd)
SKATE 3	Không công tắc	4W 12V/DC	Bộ	1.320.000 (vnd)



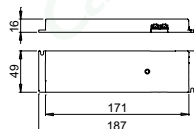
12V-DC



**X-DRIVER SERIES**

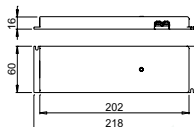
- Biến áp đổi nguồn từ 240V xuống 12V
- Công suất tối đa 15W
- Có tích hợp sẵn 04 cổng ra để sử dụng
- Dòng điện ổn định, tỏa nhiệt thấp, độ bền cao

Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Cổng ra	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
X-DRIVER-1512	110-240V AC	12V/DC	4	15W	Chiếc	000.000 (vnd)

**12V-DC****X-DRIVER SERIES**

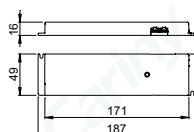
- Biến áp đổi nguồn từ 240V xuống 24V
- Công suất tối đa 15W
- Có tích hợp sẵn 06 cổng ra để sử dụng
- Dòng điện ổn định, tỏa nhiệt thấp, độ bền cao

Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Cổng ra	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
X-DRIVER-1514	110-240V AC	24V/DC	6	15W	Chiếc	000.000 (vnd)

**24V-DC****X-DRIVER SERIES**

- Biến áp đổi nguồn từ 240V xuống 12V/24V
- Công suất tối đa 30W
- Có tích hợp sẵn 06 cổng ra để sử dụng
- Dòng điện ổn định, tỏa nhiệt thấp, độ bền cao

Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Cổng ra	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
X-DRIVER-3012	110-240V AC	12V/DC	6	30W	Chiếc	000.000 (vnd)
X-DRIVER-3024	110-240V AC	24V/DC	6	30W	Chiếc	

**24V-DC****12V-DC**



CONTROL MODULE SERIES

Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Cổng ra	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
Control Module					Chiếc	000.000 (vnd)



PIR-XD SERIES

Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Cổng ra	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
PIR-XD					Chiếc	000.000 (vnd)



Recessed installation



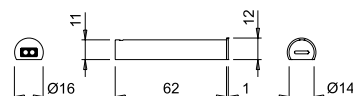
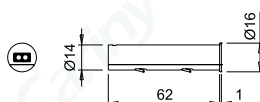
Surface installation
with holder
separately sold
Code: 3055401



IR-XD SERIES

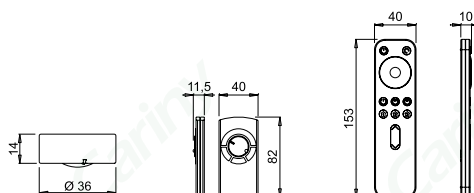
- Lắp đặt bên trong tấm hoặc trên bề mặt

Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Cổng ra	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
IR-XD-LSW					Chiếc	000.000 (vnd)
IR-XD-DSW						



REMOTE SERIES

Mã sản phẩm Code	Đầu vào Input	Đầu ra Output	Cổng ra	Công suất Wattage	Đơn vị Unit	Giá bán Price
Remote					bộ	000.000 (vnd)



Hệ thống phân phối tại Việt Nam:

Hà Nội:

SHOWROOM HÙNG GIA
Tel : 024 36 282 666
Hotline : 083 6282 666

CỬA HÀNG HOÀNG DUNG

Tel : 024 39 231 461
Hotline: 091 2359 433

CỬA HÀNG DŨNG THUỶ

Tel : 024 33 681 492
Hotline: 091 2002 668

Hải Phòng:

CH PHỤ KIỆN NGỌC HÀ
Tel : 093 6407 998
Hotline : 098 6085 747

Hạ Long:

NỘI THẤT HỒNG ANH
Tel : 033 3839 486
Hotline : 093 6406 846

Thái Bình:

TỦ BẾP TUẤN PHƯƠNG
Tel : 036 3740 300
Hotline : 091 3291 217

Phú Thọ:

NỘI THẤT 99
Tel : 0230 3838 999
Hotline : 0912 579 567

Đà Nẵng:

SHOWROOM
111 HÀM NGHI
194 NGUYỄN TRI PHƯƠNG
Hotline : 0911 650 111

Quảng Bình:

NỘI THẤT ĐẸP NGUYỄN SƠN
Tel : 052 3851 555
Hotline : 0913 336 988

Quảng Trị:

HÀ ANH NAM
Tel : 0533 595 555
Hotline : 091 5374 999

Nghệ An:

CỬA HÀNG TOÀN YẾN
Tel: 0238 567 258
Hotline: 0919 896 789

NỘI THẤT NHÀ MỘC
Tel: 0983 081 828

Hà Tĩnh:

TỦ BẾP THÀNH ĐÔ
Hotline: 091 9650 469

Tp. HCM

SHOWROOM
172 Nguyễn Văn Trỗi
Tel : 028 38 868 666
Hotline : 0905 783 411

TỦ BẾP THÁI NGÂN

Tel : 08 38 620 685
Hotline: 090 9766 952

NỘI THẤT AN

Hotline: 0913 911 943

Đồng Nai:

CARINY ĐỒNG NAI
Hotline: 091 1789 790

Gia Lai:

THẾ GIỚI TỦ BẾP
Tel : 059 386 8799
Hotline : 0908 212 337

Nha Trang:

NỘI THẤT NHÀ VIỆT
Tel : 058 3818 184
Hotline : 0122 7456 222

Quy Nhơn:

TỦ BẾP NHỜN THỌ
Hotline: 0935 697 369



Ray bàn mở rộng thông minh Italy
www.atimspa.com



Phụ kiện hoàn thiện đồ gỗ Italy
www.italianaferramenta.it



Thùng đựng rác Italy
www.ellitipi.com



Thanh chống cong Italy
www.omm.name



Hệ ray cửa trượt và cửa gấp Thụy Sĩ
www.hawa.com



Hệ ray cửa trượt & cửa gấp Nhật Bản
www.murakoshiseikou.com



Tay nắm cánh tủ bếp & tủ áo
www.schwinn-group.com



Pioneering wood joining
www.lamello.com



Phụ kiện tủ bếp Italy
www.inoxa.it



Giải pháp đèn led cho nội thất-Italy
www.domusline.com



Soul of furniture
www.samet.com.tr



Thiết bị nhà Bếp
www.haller.vn

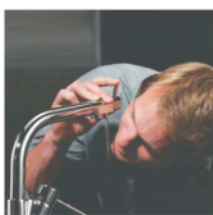


Mang cuộc sống hiện đại đến từng ngôi nhà Việt



CATALOGUE 2019 - 2020

www.cariny.vn



Hỗ trợ khách hàng:

083 62 82 666



Cariny
Inspire your home

Mang cuộc sống hiện đại đến từng ngôi nhà Việt

